



Lê Ngọc Hân-Nguyễn Đình Chiểu MỹTho



Chúc Mừng Năm Mới

Xuân Canh Tý 2020

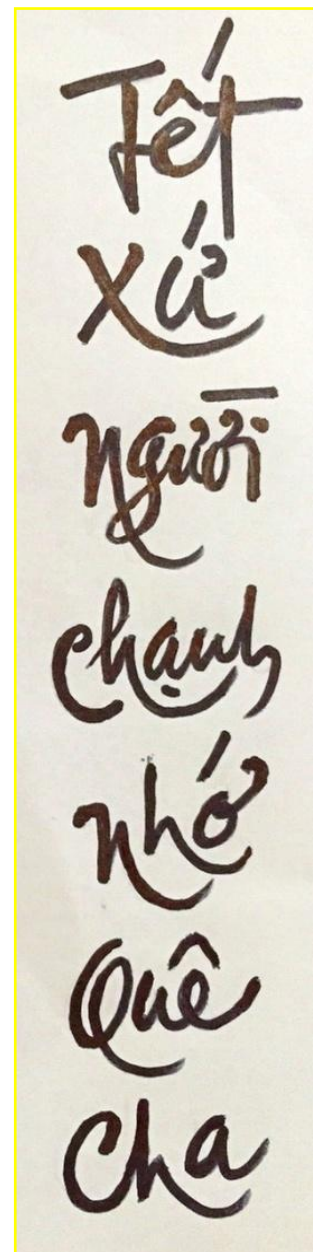
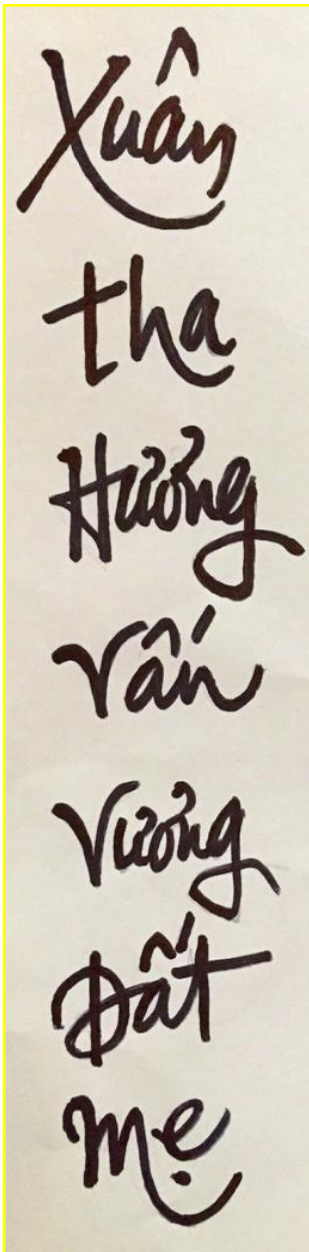
Nam quốc sơn hà

*Nam quốc sơn hà, Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*



Lời dịch: Sông núi nước Nam

*Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận tại sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời.*



Hội Ái Hữu Lê Ngọc Hân & Nguyễn Đình Chiểu MỹTho - Âu Châu
Địa Chỉ : 23, rue Serpolet, 95490 Vauréal. France
T đ 01 34 21 09 17- Email : thiphia@yahoo.fr

Tựa	Tác Giả	Trang số
* Lá Thư Đầu Xuân	Hội trường và Ban Biên Tập	03
* Năm T ý nói chuyện chuốt	Nguy ên Trần	04-09
* Nhờ thất tình, anh Phó Tinh trưởng	Trúc Giang	10-18
* Chú Tư đen	Hồi ức Lê Ngọc Diệp	18-27
* Kỷ niệm 100 năm Cải Lương Việt Nam	Nguyễn Phương	27-30
* Như giọt nắng phả vào đông hơi ẩm của mùa Xuân	Nguyễn Phương	30-34
* Thầy Bùi Văn Mạnh v àt ời	Huỳnh Chiểu Đăng	34-39
* Chón đoạn trường	Nguy ên Trần	39-43
* Sài Gòn qua Lăng Kính của t ời	Thanh Hương	43-44
* Trò chơi tuổi trẻ	HQ/ Trần Kim Diệp	45-51
* Mùa Xuân năm ấy.	Lê Tấn Lộc	51-62
* Dang Dở	Hà Mai Kim	62-70
* Nguyễn Đình Chiểu - Từ cuộc đời đến tác phẩm	Nguyễn Đức Tăng	71-74
* Đạo chơi trong tiếng hát	Hồ Trường An	75-81
* Giải mã thơ tình của ca từ “Les Feuilles Mortes”	Nguyễn Bảo Hưng	81-88
* Văn Lang yếu sử	Liên Khôi Chương	89-94
* Chân Dung Nguyễn Trãi	BBT	95
* TRANG THƠ :		96-102
Trần Bạch Vân - M ỳ T ím (MM) " VTAH"- Trịnh Cơ - Cao Mỹ Nhân - Nguy ên Trần - Trúc Giang -Trần Quốc Bảo - Trầm Vân		
* Kết qua t ả ch ánh ni ên kho á2018 - 2019		103
* Sinh hoạt Lê Ngọc Hân & Nguyễn Đình Chiểu MỹTho - Âu Châu		



Lá Thư Đầu Xuân

Một năm Kỷ Hợi đã trôi qua, chúng ta hi vọng năm Canh T ý sẽ mang đến cho đất nước chúng ta nền hòa bình vĩnh cửu. Và phải nhờ ai, nhờ nước nào, hay tự chúng ta, khó lắm ! ? Tìm được hoà bình trong danh dự, cho bao nhiêu người Việt tha hương có thể trở về xây dựng lại Tổ Quốc, Giang Sơn?

Ôi thế sự thăng trầm, biển dâu dời đổi, triều đại nào rồi cũng sẽ bị tàn lụi với bước đi vô tình và bạc bẽo của thời gian.

Nhà Phật đã có nói : Thế Giới Vô Thường mà. Có ai giàu ba họ, có ai khó ba đời ! có chế độ nào tồn tại mãi mãi và tránh khỏi định luật vô thường.

Nhân dịp đầu năm mới Ban Chấp Hành, Ban Biên Tập, kính chúc quý Vị Đồng Môn còn ở trong nước, hay đang sống kiếp tha hương luôn luôn hạnh phúc, an khang và Anh Em đồng môn Lê Ngọc Hân/Nguyễn Đình Chiểu mãi mãi thương yêu nhau, đùm bọc lẫn nhau như Anh Em một Nhà, một Thầy.

***Quê Hương yêu dấu ! hỡi Quê Hương
Cách biệt ngàn năm mãi nhớ thương
Thương từ luống mạ bên bờ ruộng
Thương lũy tre xanh cạnh***

Chủ Nhiệm và Ban Biên Tập LNH&NDC MỹTho - Âu ch âu

Năm Tý nói chuyện chuột

Tân mạn của Nguyễn Trần



Theo như thông lệ mỗi năm, Tết con gì nói chuyện con đó. Năm Canh Tý sắp đến nên tôi có đôi dòng nói dóc về họ hàng nhà chuột như một lời chào mừng “ông tý” đúng y kỳ sở hẹn trở lại với loài người theo luật tuần hoàn vũ trụ.

Trong 12 con giáp thập nhị địa chi âm lịch, chuột đứng hàng đầu mặc dù nó oắc con nhất, điều này đủ chứng tỏ công lực thâm hậu và tài ma lanh (maligne) của chuột ta như thế nào rồi. Cũng cần nói thêm là qua sự mê tín dị đoan và cũng do một phần từ kinh nghiệm sống mà ông bà ta bảo rằng trong thập thiên can gồm Giáp - Ất - Bính - Đinh - Mậu - Kỷ - Canh - Tân - Nhâm - Quý, hễ năm nào rơi vào 2 can Canh và Mậu thì ít khi tốt đẹp. Canh cô Mậu quả là thế đó. Do vậy năm Canh Tý dù chưa biết tốt xấu ra sao nhưng tôi cứ bị cái can Canh nó ám ảnh nên tin rằng năm nay sẽ không khá lắm đâu.

Trước hết là cái vụ lấn biển dành dân tại bãi Tư Chính cho thỏa mộng bành trướng bá quyền của bọn Chệt Cộng là đề tài nóng bỏng trong nước. Trong vụ này, Chệt Cộng Cha coi Việt Cộng Con hồng có kí lô nào hết. Tàu Hải Dương 8 của chúng chạy khơi khơi trong vùng biển đảo của bè lũ Việt Cộng mà đám con cháu thằng giặc già dai hồ gian dâm tặc im thin thít. Hóa ra Việt Cộng ngoài cái tài ngu đàn dốt nát tàn ác gian manh còn có thêm tài đê hèn khiếp nhược. Muốn biết cứ xem chân tướng và ngôn từ của thằng Thủ Tướng- giỏi lắm là lớp ba trường làng- Phúc niêng tự Phúc Cờ Lờ Mờ Vờ hay Phúc Ma Dze in VN là thấy ngay.

Cũng trong năm qua, dân Hồng Kông quá quen thuộc với sinh hoạt tự do dân chủ hồi còn thuộc Anh Quốc, nay đảo quốc này thuộc quyền thống trị độc tài của Chệt Cộng dưới quyền sát thủ Tập Cận Bình mà hậu quả là gần như mỗi hai ba ngày có cả hơn triệu dân Hồng Kông nhất là sinh viên học sinh và giới trẻ xuống đường phản đối luật dẫn độ và đòi hỏi tự do dân chủ như trước.

Kế tiếp là không biết cái xứ Cờ Hoa tự do dân chủ văn minh nhất thế giới năm nay có thoát được nạn tai giết người hàng loạt (massive massacre) hay không? Chỉ nghe nói tổng số súng lưu hành hợp pháp trong nước đã nhiều gấp đôi toàn thể population là nổi da gà rồi. Đó là chưa kể số súng lậu thì không biết cơ man nào mà kể. Nhiều viên chức dân cử và người dân muốn Quốc Hội và chính phủ ban hành luật cấm súng “gun ban” nhưng

chắc là không qua mặt được một trong những tổ chức quyền lực nhất nước Mỹ là Hiệp Hội Súng Trường Quốc Gia (NRA-National Rifle Association) nổi tiếng là vua lobby. Như vậy, cách chắc ăn nhất cho dân Mỹ là hằng ngày phải tập dượt bắn súng cho quen tay để ... bắn chậm thì chết...bằng không thì dân Mỹ đi chợ shopping, đi dạo phố, đi xem ciné, đi vô quán ăn...thậm chí đi nhà thờ cũng dễ bị ...ăn đạn như chơi.

Ngoài ra nước Hồi Giáo quá khích Iran cứ đem vũ khí hạt nhân ra rung cây nhát khí làm Tổng Thống Donald Trump bực mình không ít tới độ có lúc muốn trừng trị quốc gia cứng đầu này. Chẳng những thế, Trump còn phải đương đầu với chú nhỏ Hàn Cộng Kim Jong Un cũng khoe khoan khoác lác cái kho vũ khí miệng của chú làm dân Nam Hàn có hơi rét. Nhưng mặt trận lớn nhất mà Trump trực diện là đám di dân lậu đang “xâm lăng” nước Mỹ – với sự ủng hộ hết mình của đám ma giáo Dân Chủ sẵn sàng hy sinh quyền lợi quốc gia để kiếm phiêu.

Nãy giờ đi trật đường rầy hơi nhiều, bi giờ xin trở lại đề tài chính là nói về Chú Chuột.

Tính ra họ hàng nhà chuột niều vô kể nhưng tựu trung có 5 loại chính như sau:

- 1) Chuột nhà,
- 2) Chuột đồng,
- 3) Chuột cống,
- 4) Chuột cào cào,
- 5) Chuột nai.

1) Chuột nhà (House Mice)



Hình thể cũng giống như chuột đồng, nhưng to hơn một chút, dài từ 6 tới 9 cm. Chuột cái ôm bầu từ 18 tới 21 ngày thì sinh ra 4 tới 7 chuột con. Chuột con mới sinh ra đỏ hồng không lông, mắt nhắm kín tới 10 ngày sau lông chuột bắt đầu mọc và 14 ngày thì mở mắt. Khác với chuột đồng 2 tháng mới trưởng thành, chuột nhà chỉ 3 tuần là tự túc và bắt đầu phá phách gia chủ. Điều không hay cho con người là chuột cái mới 45 ngày tuổi là đã sanh con (4 tới 7 con) và không quá một tháng sau là nó lại tiếp tục sản

xuất. Với tốc độ sinh sản gia tốc như vậy, các bạn thử tưởng tượng nếu không có chó và mèo là những anh hùng diệt chuột và những bẫy bắt chuột thì đến một lúc nào đó chắc gia đình gia chủ phải di tản ra ngoài đường để nhường nhà cho lũ chuột chiếm ngụ. Khắc tinh của loài chuột ngoài con người ra còn có chó, mèo, chồn, rắn và cả điều hâu. Dù cùng chung một mái nhà nhưng chuột là kẻ thù truyền kiếp của con người và là khắc tinh của quý bà. Ngo ã chuyện truyền nhiễm bệnh dịch hạch, chúng ăn tất cả thức ăn người ta, cắn xé vật dụng trong nhà như giấy, da thuộc và cả x à b ông. Thực ra chúng phá thì nhiều chứ ăn có bao nhiêu đâu. Chuột thích chỗ ẩm thấp tối tăm, chúng làm ổ nơi góc nhà, lùm lúa, đũa ngang, cả hộp giấy, đồng áo quần và cả đồng rác. Cứt chuột đen nhỏ nên có món bánh kẹo vào dịp Tết làm bằng bột mè đen được gọi là thèo lèo cứt chuột. Cũng thuộc họ hàng chuột nhà như: chuột lác, chuột sạ, chuột bạch... Chuột lác nhỏ, chỉ dài độ 5 tới 7 cm thích ăn gạo nên khắp gạo nhà ai không đậy kín là chú lác chun vào ở luôn trong đó. Chuột sạ còn nhỏ hơn nữa, hai chân đập xuống đất kêu chí chóc mà theo mê tín là ngày hôm sau nhà có khách. Riêng chuột bạch là loại chuột y dược mà người Trung Hoa ngâm làm thuốc rượu hay hầm thuốc bắc trị đau nhức và tăng cường sinh lực.

Đời sống chuột kéo dài từ 1 đến 3 năm nếu chúng không bị thanh toán giữa chừng bởi vô số kẻ thù mà điển hình nhất là con mèo. Chính vì thế mà ca dao có bài mỉa mai tình nghĩa mèo chuột như sau:

Con mèo mà trèo cây cau

Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà

Chú chuột đi chợ đường xa

Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo

Đặng Tiểu Bình người hùng của Trung Cộng cũng từng nói: “ Mèo trắng hay mèo đen, mèo nào cũng tốt nếu nó bắt được chuột”.

Có một điều mà người viết thắc mắc cho tới bây giờ là mèo chuột xung khắc nhau như vậy thế mà ai chơi các có gọi những cặp trai gái yêu nhau là mèo chuột. Thật là nghịch lý hết chỗ nói. Nếu gọi là chim chuột thì còn nghe được phải không các bạn ?

2) Chuột đồng (Harvest mice): Tìm thấy nhiều nhất ở Á Châu và Nam Mỹ. Loại này nhỏ con dài độ 5 tới 8 cm , nhiều lông, màu xám hay nâu, tai rộng thường làm ổ nơi đồng cỏ rậm rạp bằng lá khô rơm rạ (từ 15 tới 30 cm trên mặt đất) hoặc ở các lùm bụi . Chuột cái mang thai từ 21 tới 24 ngày thì sinh ra từ 1 tới 7 chuột con. Chuột con được hai tháng trở trở lên thì tự lập. Chuột đồng ăn chồi cây, hạt giống nhất là lúa, chúng phá hoại mùa màng nhà nông tệt hại . Bởi vậy người ta tìm mọi cách để tiêu diệt chúng như thả chó mèo ra đồng kể cả phương tiện hạ sách là dung dăng...rắn để rắn ăn chuột.

3) Chuột cống và chuột chù (Rat) :



Là thứ chuột to lớn nhất có thể dài tới 20-25 cm cũng là loại chuột kinh tởm dơ bẩn và hung dữ nhất là gây truyền nhiễm nhất. Màu đen hay nâu, chúng có răng bén nhọn, ăn tất cả đồ dơ bẩn và tấn công cả con người

4) Chuột cào cào(Grasshopper mice): có tên như vậy là vì loài chuột này chỉ ăn cào cào, châu chấu và bọ cạp. Chuột cái mang thai từ 29-30 ngày rồi sanh 3,4 chuột con một lần và chuột con phải tới 3 tháng mới tự túc được.

5) Chuột nai (Deer Mice):



Giống chuột này có màu sắc trắng xám giống hệt màu con nai.

Chúng dài từ 15- 20 cm thường sống ở rừng núi đằm lầy. Chuột cái thụ thai từ 21 tới 27 ngày , sinh từ 1 tới 9 con.

Chuột con nằm hang từ 3 tới 6 tuần. Chỉ tìm mỗi ban đêm cho an toàn.

Sau khi khảo sát sơ lược gia đình nhà chuột, bây giờ đến mục tán hươu tán vượn cho vui cửa vui nhà trong ba ngày

Xu ân.

Trước hết theo bói toán Đông Phương thì thập nhị địa chi có tam hợp tứ xung. Tam hợp là : Thân Tí Thìn còn tứ xung tức : Tí Ngọ Mẹo Dậu. Thực ra chẳng còn nói tới tứ hành xung thì ai cũng đều thấy Tí kỵ Mẹo là cái chắc. Có nghĩa là đàn ông tuổi Tí mà lấy vợ

tuổi Mẹo thì cảm chắc là bị vợ ăn tươi nuốt sống còn đàn bà tuổi Tí mà lấy chồng tuổi Mẹo thì kể như bị chồng đẽ ra làm thịt tối ngày. (nói đại mà nghe chơi chứ về cái mục “làm thịt” này thì đàn ông tuổi nào cũng làm như thế thôi chứ không riêng gì Tí Mẹo đâu. Các bạn đồng ý không?).

Nhân nhắc tới chữ “làm thịt” bần bút sự nhớ tới bà Từ Hi Thái Hậu nhà Thanh thời cận đại đã từng tổ chức đại yến thết đãi các sứ thần Tây Phương nhân dịp mừng Xuân Giáp Tuất 1874. Tiệc được chuẩn bị từ hơn 11 tháng trước và với sự phục vụ của 1750 gia nhân, tổn phí tới 98 triệu yuán thời bấy giờ tương đương 374.000 lượng vàng ròng. Tiệc bao gồm 400 quan khách và kéo dài suốt 7 ngày đêm bắt đầu vào đúng đêm giao thừa Tết Nguyên Đán Giáp Tuất. Thửa ăn chính là món Sâm Thử tức là con chuột nuôi bằng sâm.

Nói về người sinh năm Tý, có câu ca dao dao chúng tỏ tuổi này not bad:

Người ta tuổi Tý tuổi Mùi

Riêng em phải chịu ngậm ngùi tu(ổ)i Th ân

Mặc dù chuột bị loài người thù ghét nhưng ca dao cũng có câu đem hình ảnh chuột vào khung cảnh tình tứ:

Chuột kêu rúc rích trong rương

Anh đi cho khéo kẻo đụng giường mẹ hay.

Ở đời có nhiều người mới và việc thì phô trương to tát nhưng sau đó thì kém cỏi chẳng ra gì thì tục ngữ có câu “đầu voi đuôi chuột”. Còn muốn hãm hại ai mà lại sợ ảnh hưởng tới người mình quý trọng thì gọi là “ném chuột vỡ đồ”. Trong giao tiếp hằng ngày có những người mà thoát tiên cứ tưởng là đàn hoàng nhưng sau đó có chuyện xảy ra mới tá hỏa tam tinh là họ thật tác tệ hèn hạ thì người ta ví là “cháy nhà ra mặt chuột”. Về duyên nợ vợ chồng nếu có người đàn ông thuộc loại trên răng dưới dế hay nói cho nó văn chương chữ nghĩa một chút là khô rách áo ôm mà may mắn vợ phải cô vợ giàu sang phú quý hoặc là những người xưa nay vốn sống trong cảnh nghèo khó, túng thiếu, bỗng dưng gặp vận may, được cuộc sống đổi đời, sung sướng, ấm no và hạnh phúc, được gọi là “chuột sa hũ nếp”. Áo quần vải vóc mà te tua rách rưới sẽ bị cho là “đồ chuột gặm”

Ngày xưa khi tôi còn là “đảng nhi đồng kiu quốc” mỗi lần có chiếc răng rụng thì má tôi bảo quăng dưới gầm giường nếu là răng hàm trên hoặc liệng lên nóc nhà nếu răng hàm dưới rồi lâm râm khấn vái “hú mèo hú chuột, răng xấu về mày răng tốt về tao”. Nghe má bảo thì làm y theo chứ thực ra ai mà biết ý nghĩa làm sao.

Chuột coi vậy mà sướng hơn các loài thú khác là được đi du lịch miễn phí bằng xe đò, tàu thủy và cả máy bay, đặc biệt chúng còn được vượt biên miễn phí. Thực vậy các bạn ạ! Không hiểu bằng cách nào mà họ hàng chuột vẫn len lỏi lên được mấy phương tiện chuyên vận công cộng đó chính mắt tôi trông thấy.

Nhớ lại năm 1980, hồi làm dân tị nạn đảo Bidong, chuột mà còn sống hồng nổi dưới chế độ Cộng Sản nên cũng chạy theo đồng bào vượt biên ào ào. Lên tới đảo, bầy chuột cống sinh sản mau lẹ tới độ tràn ngập khắp nơi. Có đêm, chúng còn leo lên mặt mày tay chân người tị nạn đang ngủ để cắn phá. Sợ nạn dịch hạch hoành hành vì dân số ở đảo lúc đó hơn 50.000 người, Cao Ủy Tị Nạn mới mở chiến dịch diệt chuột bằng cách ra giải thưởng hiện kim. Hễ ai bắt được 10 con chuột (lấy 10 cái đuôi làm bằng) thì được phát cho một mã kim. (hồi suất lúc đó là 1 mỹ kim= 4 mã kim). Mặc dù giải thưởng không có là bao nhưng người tị nạn đang lúc rỗi rãnh, vả lại thấy sự lợi ích của công việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng nên mọi người tích cực hưởng ứng. Lại thêm cổ ca sĩ Hùng Cường

cũng đang ở Bidong thời đó đặt bài ca “ Ta cùng diệt chuột” rồi cũng chính anh hát vang lên trên micro đài phát thanh tị nạn mà tôi còn nhớ là:

*Hãy bắt cái con chuột đó
Chớ cho nó bò vô hang
Hãy v íc á con chuột đó
Chúng ta có tiền như chơi*

Chính nhờ đó mà chỉ sau một tuần lễ, họ hàng nhà chuột kéo nhau hết xuống âm ty để mà cắn...bác.

Loài chuột dơ bẩn tới độ khi chê bai ai ăn ở kém vệ sinh, người ta thường nói “ thằng đó ở dơ như chuột. Phòng ốc nó như cái ổ chuột”

Ngày xưa có một bài về con chuột để rèn luyện con nít tín nhằm đó là bài:

*-Một con chuột là một cái đuôi, hai tai hai mắt một đầu bốn cái chân
-Hai con chuột là hai cái đuôi, bốn tai bốn mắt hai cái đầu tám cái chân
-Ba con chuột là ba cái đuôi, sáu tai sáu mắt ba cái đầu mười hai cái chân.....*

Và cứ thế mà tiếp tục hoài cho tới chừng nào tính nhẩm không ra nữa thì thôi. Cái khó của bài về là bắt đũa nhỏ hơn cho 1 (đuôi) rồi nhỏ cho 2 (tai, mắt) xong lại nhỏ cho 1 (đầu) rồi nhỏ cho 4 (chân) nên rất dễ lộn, cho nên đũa nào chỉ lăm thì cũng chỉ đếm tới mười mấy mà thôi.

Có một điều xem ra tức cười là con voi là thú vật to lớn khoẻ mạnh nhất (người ta đã chẳng từng nói khoẻ như voi đó sao) ấy thế mà nó lại sợ chuột là loài thú nhỏ nhất. Lý do là chú chuột chơi ác cứ nhè lỗ tai voi mà chun vào quậy phá. Mà đừng nói chi xa, ngay con người mà cũng sợ nhà chuột, bằng cứ là có nhiều người gọi chuột là ông tí vì sợ kêu xách mé chuột này chuột nọ thì nó giận nó phá cho mà chết. Riêng đàn bà thì giỏi tài ăn hiếp “ mèo hai chân” của chồng chứ gặp chuột thì chỉ có khóc ré lên thôi.

Con người mặc dù ghê tởm họ hàng nhà chuột vậy mà máy computer được xem là tối tân nhất vẫn phải nhờ con chuột (mouse) để operate.

Câu đối dân gian ngày xưa có giai thoại văn chương về chuột. Ông thầy đồ ra câu đối là:

Ruồi đậu mâm xôi đậu

bảo học trò đối lại. Cốt ý của câu đối là xử dụng hai chữ đồng âm, động từ đậu mà danh từ cũng là đậu luôn.

Một học trò giỏi trong lớp đối liền là:

Kiến bò đĩa thịt bò

Thầy khen nức nở câu đối là chĩnh vô cùng từ ý tới ngôn từ. Trong lúc đó có thằng học trò con nhà giàu có nghịch ngợm đang cười nói với đũa bên cạnh. Thầy tức giận bảo nó đối. Thằng nhỏ liền mượn sự phá phách của chuột để làm vé đối:

Chuột đào góc cây đào

Câu đối cũng được nhưng thầy cố tình bắt bẻ nó:

- Người ta ra câu đối là con ruồi, bạn trò đối lại con kiến thì nó tương xứng biết bao nhiêu, nay trò phạng con chuột to lớn dềnh dàng thì nghe sao được.

Thằng học trò ỷ lại thế lực gia đình nên ngạo mạn trả lời:

- Con nói con chuột là nương tình lắm rồi mà thầy không chịu thì con sửa lại là “Cọp vô bầy cá vô” xem thầy còn kiếm được con nào lớn hơn nữa không?

Thời Trung Học, chắc chúng ta không quên tập truyện Trinh Thử của Hồ Huyền Quy kể chuyện một chị chuột bạch góa chồng nhưng một lòng thủy chung thờ chồng quyết bảo vệ trinh tiết. Đây là tập truyện viết theo thể thơ lục bát gồm 850 câu mở đầu với 2 câu:

*Vừa năm Long Khánh đời Trần
Muôn phương triều cống mười phân thái bình*

Nhắc đến họ hàng nhà chuột cũng đừng quên con chuột hái ra tiền nổi tiếng nhất thế giới, đó là con chuột Mickey Mouse của Walt Disney mà ta thấy nhan nhản ở Disney World, Orlando (Florida), Disney Land, Anaheim (California) và nhiều nơi khác trên thế giới. Vì chuột là một trong những loài động vật bé nhỏ nên trái dừa leo nhỏ gọi là dừa chuột. Thuốc chuột là phương thông dụng nhất giúp cho những người chán sống về bên kia thế giới. Bởi thế bản nhạc “Duyên kiếp” của nhạc sĩ Lam Phương bị phe ta cải biên như sau:

*Anh ơi! Nếu mộng không thành thì sao
Mua chai thuốc chuột uống vô rồi đời*

Ca dao trường phái huê vốn có câu:

*Nửa đêm giờ Tí canh ba
Vợ tôi con gái đàn bà nữ nhi*

Bây giờ nói chuyện đời xưa, có một quan huyện tổ chức tiệc sinh nhật để kiếm quà. Trước ngày sinh nhật của quan thì có một chủ tiệm vàng tại huyện tìm hỏi thăm quan bà là quan ngài tuổi con gì. Quan bà đáp là “ông nhà tôi tuổi con chuột”. Thế rồi đến tiệc sinh nhật của đáng phụ mẫu chi dân, chủ tiệm vàng khúm núm trao quan một con chuột bằng vàng rờng 24 ca-ra và thưa rằng:

Quan huyện hỏi chủ tiệm vàng:

- Tại sao người biết ta tuổi con chuột vậy?

Chủ tiệm thực thà khai báo:

- Dạ con hỏi quan bà.

Xong tiệc, quan huyện cự nự vợ:

- Hôm trước cái thằng tiệm vàng hỏi bà tôi tuổi gì, tại sao bà không nói tôi tuổi con trâu, con ngựa thì hôm nay mình trúng mảnh lớn rồi.

Phàm những ai đang bơi lội mà bị vọp bẽ (cramp) thì có thể chết đuối, chứng vọp bẽ này thường được gọi là chuột rút. Bắp tay con người còn được gọi là con chuột.

Những ai bị mưa ướt át đầm đìa thì người ta gọi là “ướt như chuột lột”. Riêng về các thức ăn làm từ thịt chuột có món chuột đồng rô ti ngày xưa bán tại Bắc Mỹ Thuận, Ngã Ba Trung Lương Mỹ Tho rất được khách bộ hành ưa thích. Riêng ở Việt Nam thời bấy giờ, tàu vị yếu hiệu con chuột ngon nhất trong các loại nước tương.

Từ nãy giờ nói dóc về con chuyện con chuột khá nhiều và làm mất thì giờ quý bạn du Xuân. Thôi thì “đến đây là chấm dứt chương trình của ban Tùng Lâm” và trước thềm năm mới xin cầu chúc quý bạn cùng toàn gia một mùa Xuân an khang thịnh vượng, hạnh phúc tràn trề. Hẹn năm tới nói về con trâu kéo cày. Bye! Bye! See you next year ./.

Toronto Lập Đông 2019
Nguyễn Trần

Nhờ thất tình mà anh Phó Tỉnh trưởng trở thành nhà thơ



Nguyễn Tấn Phát và Trung học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho
Trúc Giang MN

Mở bài

Nhờ bị thất tình, anh Phó tỉnh trưởng trở thành nhà thơ. Nhà thơ Nguyễn Trần, Nguyễn Tấn Phát. Trên danh nghĩa thì anh chỉ dưới một người mà trên vạn người. Anh là người có quyền lực thứ hai trong tỉnh. Về hệ thống ngang thì các ty sở chuyên môn trong khu vực đều trực thuộc tòa tỉnh.

Các trường ty như: Tiểu học, Y tế, Công chánh, Kiến thiết, Cảnh sát, Thông tin, Thanh niên, Ngân khố, Bru điện, Khí tượng... đều phải nể anh ba phần.

Anh là một thanh niên đẹp trai, nghề nghiệp vững chắc, địa vị được mọi người mong muốn có. Anh hô lên một tiếng thì có nhiều thiếu nữ tình nguyện nâng khăn sửa túi cho anh. Thế nhưng con tim tật nguyên, rướm máu không còn chỗ nào cho một giai nhân cả.

Anh phó được xem như “Đệ nhất thất tình” trong “nhóm đệ nhất” của “Cửu nhân bang”, cựu học sinh Nguyễn Đình Chiểu-Lê Ngọc Hân, Mỹ Tho.

Những tâm trạng của con tim rỉ máu được thể hiện qua những “con chữ” có vần điệu, thành một bài thơ.

Anh tâm sự:

“Tình yêu không đẹp như mơ ước

Đành gởi điệu buồn lên ý thơ”

Trong bài họa “Nhớ bạn thơ” của nhà thơ Đức Hạnh, Nguyễn Trần phụng họa với bài thơ “Say mê” có câu:

“Say tình nên tập tễnh làm thơ

Say nét hương yêu chẳng xóa mờ” (Nguyễn Trần)

Tóm lại, nhờ bị thất tình mà anh Phó tỉnh đã có hàng trăm bài thơ với hàng chục bút hiệu khác nhau, lời thơ chan chứa tình cảm của một người chung thủy với hình bóng của một người dung.

1. Thơ thất tình của Nguyễn Trần Nguyễn Tấn Phát

Chuyện tình bắt đầu từ khi:

“Ngày xưa anh đã trồng cây si

Trước cửa nhà em chẳng hạn kỳ”

Thế rồi:
Đêm nay có kẻ đội mưa
Khóc câu định mệnh chẳng chừa một ai.

Với em dù lắm chua cay
Tình yêu trước gió càng lay càng bền.

Mây suốt đời chung tình với gió
Tôi suốt đời chỉ có mình em.

Ai bảo yêu là đau khổ
Xin một đời đau khổ để yêu nhau.
Tình tuyệt vọng
Lòng ta chôn một khối tình,
Tình trong giây phút mà thành thi ân th ân.
Tình tuyệt vọng, nỗi thâm sâu,
Mà người gieo thảm như hầu không hay.
(Arvers Sonnet d'Arvers - Kh á Hưng dịch)

1.1. Không thể quên hình bóng cũ

Nguyên Trần không thể quên hình bóng cũ nên thơ anh luôn nhớ về dĩ vãng. Quá khứ luôn sống lại trong lòng vì trong đó có hình bóng của người thiếu nữ mà anh yêu.

Tình phai

Tình ta đang độ thắm duyên nồng
Bỗng một chiều tàn Thu chớm Đông
Ai bỏ ra đi ai ngóng đợi
Kẻ còn ở lại kẻ chờ trông
Khói sương lã đãng mờ chân núi
Hương sắc mơn man khuất nẻo sông
Từng mảnh đời chôn trong dĩ vãng
Bóng hình người cũ có còn không?
(Nguyên Trần. Toronto 15-7-2019)

Những từ ngữ hướng về quá khứ như :”Từng mảnh đời chôn trong dĩ vãng”, “hình bóng cũ” thuộc về quá khứ. Quá khứ ấy thế nào?-Ai bỏ ra đi, ai ở lại, ngóng đợi, trông chờ. Tóm lại dĩ vãng không có gì vui cả, không có sum họp, mà chỉ xa cách để ngóng đợi, trông chờ.

Bâng khuâng

Một mảnh trời buồn trong mắt ta
Bóng hình người cũ khó phai nhòa
Cuộc tình thuở ấy còn tay với
Duyên kiếp ngày nay phải cách xa
Thề hẹn vẫn vương theo điệu nhạc
Dư hương cô đọng với câu ca
Yêu đương dang dở trong băng giá
Én chớ đau thương tới cửa nhà
(Nguyên Trần. Toronto 11-8-2019)

Trong bài họa “Tan tác” ngày 19-11-2018 có những câu lột tả sự đau buồn của người thua cuộc trên tình trường:

Ngậm ngùi nhớ lại chuyện xưa
Đau đớn thần thờ phút tiễn đưa

...

Lá hoa lạnh lẽo buồn không thắm
Ong bướm ngẩn ngơ xót chẳng đùa
Anh đã vì em mà thệ nguyện
Ván bài dang dở thành người thua.

Trong bài “Bâng khuâng” làm tại Toronto ngày 11-8-2019 có những câu nêu bật nỗi buồn của nhà thơ với một hình bóng cũ. Cả một trời buồn đổ ập xuống tâm trạng của Nguyễn Trần.

Một mảnh trời buồn trong mắt ta
Bóng hình người cũ khó phai nhòa

...

Yêu đương dang dở trong băng giá
Én chơ đầu thương tới cửa nhà.

Chim én tượng trưng cho mùa Xuân (Một con én không thể làm nên mùa Xuân). Mùa Xuân là những ngày tháng tươi đẹp nhất trong năm.

Mùa Xuân của đất trời là hiện tượng tuần hoàn không thay đổi. Xuân về, Tết đến, vạn vật sống lại sau những ngày Đông giá rét, tàn tạ.

Mùa Xuân mang vui tươi đến cho mọi người. Đón Xuân, mừng Xuân vui Xuân... Hoa lá nở rộ khoe sắc thắm, ong bướm đưa nhau về xây tổ. Có cặp, có đôi.

Xuân đi, rồi Xuân đến, mãi mãi vẫn còn Xuân. Tuy nhiên tuổi xuân của đời người thì trái lại. Xuân bắt tái lại. Mỗi độ Xuân đi, tuổi đời chồng chất, tóc điểm sương rồi đến bạc đầu.

Cả một mảnh trời buồn đổ ập xuống tâm tình của nhà thơ. “Én chơ đầu thương tới cửa nhà” khiến cho Nguyễn Trần không thể thoát ra khỏi quá khứ, chứa hình ảnh của người anh y âu.

Xuân vui khắp mọi nhà, nhưng “Một mảnh trời buồn trong mắt ta”.

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

1.2. Nguyễn Trần chấp nhận số phận

Trong bài họa đối lại bài xướng “Tình thơ” của nhà thơ Hồ Công Tâm, trong bài họa “Tình buồn muôn thuở” Nguyễn Trần viết:

“Tình lỡ nào hay tình rộng hẹp
Sông buồn ai biết sông nông sâu
Tạ từ thôi cũng cam đành phận
Duyên nợ rồi đây sẽ nhạt màu”

(Nguyễn Trần. Toronto 8-7-2019)

1.3. Tội nghiệp cho anh Phó tỉnh

Bài thơ “Say mê” thuộc dạng “thủ nhất thanh” là chữ đầu những câu đều giống nhau.

Say mê

Say tình tập tễnh làm thơ

Say nét hương yêu chẳng xóa mờ

Say bờ môi ngọt mãi mong chờ

Say rằm mi ngọt gieo thương nhớ
 Say ánh mắt buồn tạo ước mơ
 Say giọng ngọt ngào êm giấc ngủ
 Say tình nên tập tễnh làm thơ
 Toronto 4/9/2019 * Nguyễn Trần

“Bờ môi ngọt mãi mong chờ” cho thấy sự mong muốn và chờ đợi, nghĩa là ở ngoài tầm tay với, của anh Phó đa tình.

“Ánh mắt buồn tạo ước mơ” . Ước mơ là mong muốn trong mộng, muốn độc quyền chiếm hữu, nhưng vẫn còn trong mơ, chưa thành hiện thực.

Qua những câu trên, thấy tội nghiệp cho anh Phó quá. Thiếu vắng kỷ niệm của những người tình, ràng buộc nhau để nhớ nhau hoài. Thiếu vắng những buổi hẹn hò, nam thanh nữ tú, tay trong tay, vai sánh vai hâm nóng cuộc tình, dẫn nhau đi bát phố, hết đường Lê Lợi tới phố Bonard. Ghé vào kem Mai Hương, Givral, Brodard, hay áp sát người chuyên sức ấm vào nhau, trong ciné Rex hay Eden.

Thường có những cặp lợi dụng bóng tối, trong đó có tui.
 Tội nghiệp cho anh Phó này quá. Chả xơ múi được gì cả.

1.4. Thương thức thơ Nguyễn Trần



Sư phụ Nguyễn Phương và đệ tử Lý Mỹ Hạnh

Trong nhóm “Cứu nhân bang Dễ thương”, cựu học sinh NĐC-LNH Mỹ Tho, chỉ có anh Nguyễn Tấn Phát biết sáng tác thơ, làm thơ như ăn cơm bữa, phóng bút là có thơ. Số còn lại rất thích thơ và thương thức thơ.

Đặc biệt là chị Lý Mỹ Hạnh, nghệ danh Tịnh Đế Liên Hoa, đã đưa thơ Nguyễn Trần vào nhạc, tạo ra âm hưởng thơ nhạc huyền vào nhau dưới hình thức tân cổ giao duyên. Một nét đặc biệt nữa là chính chị tự biên, tự diễn, đưa lên Youtube hàng chục album nhạc tân cổ giao duyên.

Đó cũng dễ hiểu thôi. Vì chị là đệ tử của soạn giả Nguyễn Phương, người đã từng góp phần quan trọng trong nghệ thuật sân khấu cải lương thịnh hành một thời ở miền Nam Việt Nam.

Ngoài ra, những đồng môn NĐC-LNH cũng thích thơ của Nguyễn Trần và của những thi hữu đã xướng họa qua những bài thơ, mỗi người một vẻ với nét độc đáo riêng.

Phải nói tới anh Lý Ngọc Cương, chị Lê Thị Kim Oanh, (Úc Châu), chị Phạm Thị Phia, không những thương thức thơ mà còn chuyển tải đến các bạn.

2. Thơ yêu nước

Mặc dù thất bại trong tình yêu, nhà thơ Nguyễn Trần tự nhận anh là người thua cuộc:
 Anh đã vì em mà thệ nguyện

Cả đời sẽ mãi là người thua.

...

Giã biệt tình nhà anh bỏ đi

Làm người thua cuộc có vui gì.

Tuy nhiên, anh cũng như hàng triệu người Việt chạy nạn Cộng Sản, tình yêu quê hương, đất nước, dân tộc vẫn còn đeo đẳng trong anh suốt gần nửa thế kỷ qua. Có thể mượn hai câu thơ trong bài Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan để diễn tả tình yêu nước:

“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia”

Tình yêu quê hương của nhà thơ có thể gói ghém trong những câu thơ của bài “Tháng Tư Tan Tác”. Tháng 4 năm 1975:

Nước nhà tan tác bao năm

Làm thân viễn xứ hương trầm xa trôi

...

Còn thêm tình nước tình nhà

Tình nào cũng lụi như hoa héo tàn

Quê hương rồi sẽ có ngày

Cờ vàng phấp phới vang bài quốc ca.

(Tháng Tư Tan Tác. Toronto 14/4/2019. Nguyễn Trần).

Bài “Xuân bắt tái lai” của Nguyễn Trần.

Xuân đến là thêm một tuổi già

Ta buồn nghĩ lại tấm thân ta

Gặp phần thất quốc đau tình nước

Phải số vong gia khóc nghĩa nhà

Sự nghiệp nửa đời cam đứt đoạn

Công danh trọn kiếp bỗng phôi pha

Thời gian vun vút không nhìn lại

Chưa tính toán chi đã xê tà

(Nguyễn Trần* Toronto* Đầu xuân khai bút)

Trong bài thơ “viết trong phút chạnh lòng nhớ về trường Bộ Binh Thủ Đức” có những câu:

Quân thù gieo rắc tang thương

Người trai yêu nước can trường đứng lên

Giữ gìn bờ cõi vững bền.

Noi gương người trước chinh yên lời thề.

“Chinh yên” là cởi ngựa ra trận.

Người sĩ quan trẻ này đã tích cực góp phần thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng mà lịch sử trao cho, để bảo vệ tự do, dân chủ cho đồng bào miền Nam. Chấp nhận chiến trường “da ngựa bọc thân” anh hùng. Hy sinh vì tổ quốc là một vinh dự của công dân Việt Nam Cộng Hòa. Có thể gọi anh là người văn võ song toàn. Nhà thơ, nhà binh.

3. Thơ xướng họa

Nhà thơ Nguyễn Trần Nguyễn Tấn Phát và các thi hữu tìm về với nhau, giao tiếp nhau qua một loại văn chương thanh tao, đòi hỏi nhiều kỹ năng diễn đạt tình cảm, tâm tư qua vần điệu của các thể thơ độc đáo.

Xướng họa trong thơ dành cho những thi hữu, thi nhân gắn chặt trong tình yêu thơ, và thưởng thức thơ.

Nhà thơ Nguyên Trần Nguyễn Tấn Phát gắn bó chặt chẽ với những thi hữu như: nhà thơ Đức Hạnh, Sông Thu, Mai Xuân Thanh, Hồ Công Tâm, Nguyễn Kinh Bắc, Trương Minh Hòa, Trần Quốc Bảo...

Bài xướng “Xuân bất tái lai” của Nguyên Trần, được các bạn sau đây họa lại: Cao Thiếu Lang, th - Shiroy, Đặng Xuân Linh, Nguyễn Gia Linh Lam Vân, Nguyễn Thành Tài, Minh Hồ, Mẫn Hồ, Bùi Tiến, Nguyên Hà và Mỹ Linh”

Xuân bất tái lai (Nguyên Trần)
Xuân đến là thêm một tuổi già
Ta buồn nghĩ lại tấm thân ta
Gặp phần thất quốc đau tình nước
Phải số vong gia khóc nghĩa nhà
Sự nghiệp nửa đời cam đứt đoạn
Công danh trọn kiếp bỗng phôi pha
Thời gian vun vút không nhìn lại
Chưa tính toán chi đã xế tà
Nguyên Trần

Bài họa
Xuân Viễn Xứ

Minh Hồ

Đứng trước gương soi mới thấy già
Tóc thay màu bạc trắng đầu ta
Trên vàng trán khắc nhiều đường chi
Đôi mắt quầng thâm bởi nhớ nhà
Mấy chục năm trời xuân viễn xứ
Lòng luôn hồi tưởng thuở xông pha
Lần tên mũi đạn thời chinh chiến
Chẳng kể bình minh đến bóng tà

Minh Hồ *050209

Thơ đối đáp. Nguyễn Trãi, Thị Lộ

Xướng:

À ở nơi nào, bán chiếu gon?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
Xuân xanh nay độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa, được mấy con?
(Nguyễn Trãi)

Họa:

Thiếp ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Cớ chi ông hỏi hết hay còn?
Xuân xanh vừa độ trắng tròn lẻ
Chồng còn chưa có, có chi con!

(Nguyễn Thị Lộ)

Thơ đối đáp vui

Câu chuyện xảy ra ở một gia đình thời xưa, chế độ đa thê được luật pháp công nhận. Thời Pháp thuộc, trên tờ hôn thú có ghi “vợ chánh” (Premier rang) hay “vợ thứ” (Deuxième rang). Một ông có hai bà vợ sống chung một nhà. Ông và người vợ thứ, biết làm thơ. Bà lớn ý có quyền hành nên đặt cái giường ngủ đắp mô con đường từ giường ngủ của ông đến bà bé.

Nhiều đêm buồn tủi thân phận, trần trọc không ngủ được, bà bé ngâm hai câu thơ:

Thuyền ơi có nhớ bến chăng

Bến này một mực khăng khăng nhớ thuyền

Ông chồng đáp:

Thuyền này nhớ bến không nguôi

Đòn tuần áng ngữ làm sao xuôi dòng.

Bà nhỏ:

Đòn tuần mặc kệ đòn tuần

Qua đôn nộp thuế, qua thì cứ qua.

Ông chồng:

Thuyền này vốn liếng bao nhiêu

Qua đôn nộp thuế thì xiêu cột buồm.

4. Thơ Đường

Ở Việt Nam người ta phân biệt thơ Đường và thơ Đường luật.

Thơ Đường là những bài thơ do các thi sĩ người Trung Hoa sáng tác ở thời nhà Đường (618-907). Thơ Đường luật là thơ của các thi sĩ Việt Nam sáng tác theo quy tắc của thơ Đường.

4.1. Những thi sĩ nổi tiếng thời nhà Đường bên Trung Hoa

Những thi sĩ nổi tiếng thời nhà Đường bên Trung Hoa gồm có: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Vương Bột, Vương Hàn, Thôi Hộ, Tô Đông Pha, Trương Kế...

4.2. Những bài thơ Đường nổi tiếng

1. Phong Kiều dạ bạc

Nguyệt lạc, ô đề sương mãn thiên

Giang phong, ngư hỏa đối sầu miên

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

Trương Kế

Dịch nghĩa

Ban đêm đậu thuyền tại sông Kiều

Trăng lặn, quạ kêu, sương phủ đầy trời

Hàng cây phong bên sông, ngọn đèn thuyền chài ở trước người đang miên man buồn.

Ngo ã thành Cô Tô lạch ừ Hàn San

Tiếng chuông lúc nửa đêm vẳng đến thuyền khách.

Phong Kiều dạ bạc là bài thơ Đường rất nổi tiếng của Trương Kế. Khi ông đi thi hỏng, về đến thành Cô Tô, đã cảm hứng trước cảnh đẹp thiên nhiên mà xuất thần làm tuyệt phẩm này để lại cho hậu thế.

Bài thơ tả tâm trạng của tác giả và vẻ đẹp của sông nước Tô Châu đã làm dịu đi nỗi buồn hỏng thi của ông.

Bài thơ được Tản Đà dịch lại với phong cách sáng tạo tuyệt vời như sáng tạo ra thi phẩm mới theo thể thơ lục bát :

Tản Đà dịch

Ban đêm đậu thuyền tại sông Kiều

Trăng tà, tiếng quạ kêu sương

Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hò

Thuyền ai đậu bến Cô Tô

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn Sơn

(Tản Đà dịch)

2. Thôi Hộ với bài « Đề tích sở kiến xứ »



Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

« Đề tích sở kiến xứ » là « Đề chỗ đã trông thấy năm trước ».

Khứ niên kim nhật thử môn trung

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Nhân diện bất tri hà xứ khứ

Đào hoa y cựu tiếu Đông phong

Dịch nghĩa

« Đề chỗ đã trông thấy năm trước »

Cửa này, năm ngoái, hôm nay

Hoa đào phản chiếu mặt ai ửng hồng

Mặt người giờ ở nơi nao

Hoa đào vẫn đó, cười chào gió Đông.

Thôi Hộ là thi sĩ đẹp trai phong lưu nhưng ít giao du. Một hôm nhân tiết thanh minh dạo chơi ngoài thành, thấy một vườn hoa đào nở tươi thắm bèn gõ cửa vào xin nước uống, đồng thời để được thưởng hoa. Một người con gái mặt đẹp như hoa đào ra mở cửa hỏi, rồi đem nước mời uống. Tiết thanh minh năm sau, Thôi Hộ nhớ lại chuyện xưa bèn tìm lại nơi kỳ ngộ, thì thấy cửa đóng then cài, chàng để lại một bài thơ ở cửa rồi đi. Mấy hôm sau lại đến, thì chợt nghe có tiếng người khóc. Một ông lão ra hỏi có phải là Thôi Hộ không, rồi kể lẽ sự tình: Con gái cụ khi đọc bài thơ thì đã nhịn đói mà chết. Thôi Hộ vào khẩn trước xác người con gái còn tươi như hoa. Cô gái sống lại rồi cùng họ Thôi kết duyên chồng vợ.

3. Vương Hàn với bài « Lương Châu Từ »

Lương Châu Từ

Bồ đào mỹ tửu, dạ quang bôi

Dục ẩm, tỷ bà mã thượng thôi

Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu

Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi?

Dịch

Lương Châu Từ
Đầy rượu bồ đào, đầy chén ngọc
Muốn say đàn đã giục ra đi
Ai cười chiến địa mình say ngủ
Chinh chiến xưa nay mấy kẻ về
Dịch thơ vui
Rượu bồ đào chén dạ quang
Cứ lai rai mãi, lên đàn thì sao
Rượu vào ai chẳng tào lao
Ngựa ra chiến địa còn tao ở nhà.

4. Kết luận

Anh Nguyễn Tấn Phát được các bạn tặng cho danh hiệu « Đệ nhất thất tình ». Bị thất tình nên anh Phó tỉnh trưởng Vĩnh Bình đưa những nỗi đau buồn, thương nhớ vào thơ. Tình thơ mở rộng bởi những thi hữu của anh tạo ra nội dung đa dạng trong những bài thơ, xướng, họa đặc sắc.
Anh chờ một người không hẹn đến, chung thủy với hình bóng của một người dung.
Có thể :

«Nợ tình chưa trả cho ai
Khô tình mang xuống tuyền đài chưa tan ».

Anh vẫn mong, vẫn đợi, vẫn chờ
Hình bóng một người không hẹn đến.
Tội nghiệp thay cho anh Phó tỉnh
Rướm máu con tim bởi một người dung.

Trúc Giang
Minnesota ngày 22-9-2019

Chú Tư Đen

Hồi ức: Lê Ngọc Diệp



- Tác giả Lê Ngọc Diệp sinh ngày 25-2-1941 tại Mỹ Tho.
- Học Tiểu Học trường Cầu Bắc Mỹ Tho.
- Trung Học Pétrus Ký từ lớp Đệ Tam.
- Đốc Sự 9 HVQGHC
- Cao Học 1

Việc làm:

Phó Quận Trưởng, Chánh Sự Vụ Giám Sát Viện,
Chánh Văn Phòng Đô Trưởng Sài Gòn, Quận Trưởng
Quận 4 Sài Gòn, Tổng Thư Ký Viện Đại Học Sài Gòn

Từ năm 1951 đến năm 1957, tôi sống ở quê ngoại, làng Mỹ Phong, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho. Làng này chỉ cách tỉnh lỵ Mỹ Tho 3 cây số đường chim bay, nhưng phải qua một chuyến đò ở cuối đường Nguyễn Trãi rồi đi xuyên qua xóm Dầu và băng qua cầu Vĩ mới về đến nhà. Đó là con đường thường ngày tôi đi học ở trường tiểu học ngoài chợ. Vì ngôi trường

này nằm gần bến bắc Rạch Miễu qua Bến Tre nên người ta gọi là trường Cầu Bắc. Và đó cũng là con đường người dân trong làng đem trái cây và gà vịt ra chợ bán nếu họ không đi theo chuyến xe hàng cũ kỹ và duy nhất chạy từ Bến Tranh và ngang cầu Quay đến chợ Mỹ Tho, nhưng đường này xa hơn, dài 7 cây số.

Từ năm 1951 đến 1954, nơi tôi ở là vùng xôi đậu, có nghĩa là sáng lính Pháp đi ruộng, người dân thường gọi là lính đầu đò vì họ đội ca-lô màu đỏ – và tối đến, Việt Minh xuất hiện đi tuyên truyền, đào đường, đắp mô hay đặt mìn. Tình hình cứ như vậy trong suốt mấy năm, mức độ chiến tranh chỉ ở cấp bậc nhỏ như phục kích, bắn sẻ, phá đường. Người dân nói chung vẫn sinh sống bình thường, vẫn ra đồng làm ruộng. Đường sá sáng sớm vẫn có người đi chợ, bọn trẻ chúng tôi vẫn đi học ở trường ngoài tỉnh, tối vẫn thấp đèn học bài, tuy nhà nào dưới bộ ván đều có đào một hầm núp đạn, phòng khi hai bên đụng nhau thì nhảy xuống đó ẩn trốn.

Mức độ chiến tranh gia tăng hơn khi gần đến Hiệp Định Genève tháng 7 năm 1954, đường bị mô đắp thường xuyên, mìn đặt nhiều hơn và có nhiều trận đụng độ hơn. Đồn Cầu Vĩ gần nhà tôi ở được tăng cường hệ thống phòng thủ bằng nhiều lượt kẽm gai, buổi tối 6 giờ chiều, lính đồn đã ngăn chặn hai đầu cầu không ai được qua lại. Nhiều buổi chiều đi học về, trời đã nhá nhem

tối, nhút là những buổi chiều mưa, tôi phải xưng tên họ, con của ai, nhà ở đâu, để lính trong đồn nghe, được lệnh mới dám dỡ kẽm gai để đi qua cầu.

Còn độ ba tháng nữa đến ngày ký Hiệp Định đình chiến 20 tháng 7 năm 1954, tình hình căng thẳng hơn. Một tối trời mưa lớn sáng sớm hôm sau, tôi đi học, khi ra đến xóm Dầu, chờ đò sang bên tỉnh, thì nghe một tiếng nổ lớn phía nhà tôi ở, nhìn lại tôi thấy một luồng khói bay cao trên khói mây ngọn dừa và sau đó nhiều tràng súng nổ. Tôi qua đò, tiếp tục đến trường học. Trưa hôm đó, khi về ngang chợ Mỹ Tho, một người bà con kêu tôi và nói: “Ba mày chết rồi!”. Tôi không nhớ phản ứng của tôi ra sao, tôi chỉ nhớ tôi tiếp tục đến bến đò sang bên kia xóm Dầu, đến cuối xóm, ra đường lộ và tôi thấy má tôi, hai anh tôi và hai em tôi đang đứng ủ rũ bên cạnh cái chòi bên đường và nhiều bà con đang lo lắng liệm ba tôi. Tôi không nói và cũng không hỏi, người anh thứ ba của tôi nói: “Lúc em đi rồi, họ giựt nổ trái mìn trên đường lộ cách nhà chừng 40 thước chỗ cây bông sua dừa đó. Rồi lính bắn tuôn vô nhà, nhờ hầm núp không thì chết hết. Rồi tụi nó kêu Ba ra và hỏi Ba tại sao biết mà không khai báo, Ba nói đâu có biết vì đêm rồi mưa lớn có nghe gì đâu, vậy là tụi nó bắn Ba cùng với hai người bạn hàng đi chợ ngang qua đó. Bà con phụ với hai anh đem Ba ra ngoài này”.

Chiều hôm đó, tình hình tạm yên, quan tài của Ba tôi được đem về lại trong đất của ông bà ngoại tôi để chôn cất, chỉ có Má tôi, người chị dâu và đứa em gái theo, còn hai anh tôi là thanh niên không dám đi theo, cả tôi cũng vậy, tuy rằng lúc đó tôi chỉ có 14 tuổi. Mấy hôm sau, gia đình tôi trở lại ngôi nhà cũ sau khi tản cư ra xóm Dầu. Trong bữa cúng 7 ngày của Ba tôi, chú tôi trầm ngâm nói với tôi: “Thù này cháu phải trả”. Tại sao chú tôi không nói với hai anh tôi mà lại nói với tôi? Tôi thật sự không hiểu và không đủ sự hiểu biết để hiểu. Trả thù ai bây giờ, trả thù những người đang đem đào đặt mìn sát nhà tôi hay trả thù những người lính đã cầm súng bắn Ba tôi? Và làm sao để trả thù, người anh thứ hai đã đi kháng chiến từ năm 1946

đến 1949 rồi bỏ về thành sinh sống, còn người mẹ yếu và hai em nhỏ, ai lo cho bây giờ?

Hiệp Định Genève được ký kết, tiếng súng đạn không còn nổ nữa, ban đêm thấy có nhiều người đốt đuốc đi ngoài đường. Sau cơn mưa đầu mùa, có nhiều người đốt đèn lồng đi bắt ếch ngoài ruộng, đêm trăng có nhiều người đi đặt câu cắm dọc các bờ đê. Tôi nghe bà con trong làng bàn tán về diêm tập kết tại Cà Mau, trong làng có người đi, có người ở lại. Hai người anh cô cậu của tôi cũng đi và hẹn với cậu tôi hai năm sau sẽ về. Người anh cô cậu lớn, trước khi đi có làm lễ hỏi với một cô ở làng bên cạnh, sau khi anh ấy đi, chị này có về làm dâu bên nhà cậu tôi. Mấy năm sau, chờ đợi mãi không có tin tức gì, chị cũng bỏ nhà cậu tôi mà về, nghe nói sau đó lấy chồng khác.

Tôi tiếp tục đi học ở trường tư thục Chân Phúc Liêm. Cuộc sống của người dân trong làng hai năm sau có vẻ sung túc hơn, họ bắt đầu dùng phân bón, ruộng lúa sản xuất nhiều hơn và mức sống khá giả hơn. Nhiều nhà đã sắm xe gắn máy, máy đuôi tôm chạy ghe, máy hát đĩa và đèn manchon. Trời mới 4 giờ sáng mà ngoài đường bán hàng đã gánh hàng ra chợ bán, vừa đi vừa đốt đuốc và hàn huyên vui vẻ. Những khi gánh hát cải lương từ Sài Gòn về diễn tại rạp hát tỉnh, dân làng đi từng đoàn xem hát, khuya về nói chuyện bàn tán rộn rã. Những líp vườn được chăm sóc và bồi đắp. Tiếng súng nổ không còn nữa, cảnh đắp mô và đặt mìn cũng không còn. Trai tráng trong làng ngoài việc đồng áng, còn rủ nhau đi làm phu khuân vác gạo từ các ghe chài lên các đại lý của người Hoa cạnh bờ sông Mỹ Tho.

Khu vườn của má tôi cũng được săn sóc, mương phải móc, vườn phải bồi, nhưng công việc này trong nhà tôi không ai làm được, vì vậy phải mượn người làm. Những công việc như lợp nhà, gieo mạ, gặt lúa thì người dân giúp đỡ lẫn nhau, họ làm “vần công”, nghĩa là ai có việc những gia đình khác xúm lại phụ giúp, cứ như vậy mà thay phiên với nhau. Khi mượn người làm vườn, gia chủ phải lo cơm nước. Họ làm từ sáng sớm, móc sinh dưới mương thảy lên đắp các líp vườn, nhiều khi phải chận nước lại rồi tát mương mới làm được. Tôm tép bắt được đem lên, Má tôi thường nấu canh chua với bông sũa dĩa, cá lóc kho mắm ăn với rau dứa, cá chạch kho khô để cho những người thợ ăn.

Sau khi đi học về, tôi thường ra xem những người thợ này làm việc và hàn huyên với họ. Một trong những người thợ này tôi thường gọi chuyện là chú Tư. Chú Tư là một người hiền hòa, diêm đạm, độ gần 30 tuổi, vóc người cao lớn, mạnh khỏe khác thường, bắp thịt rắn chắc và đặc biệt hơn nữa là chú đen ngăm, đen thật đen và nước da bóng lưỡng. Bà con thường gọi là thằng Tư Giò vì chú có bộ giò cao và rắn chắc, có người gọi chú là thằng Tư Đen. Tụi nhỏ chúng tôi thường gọi chú là chú Tư Đen, ai gọi sao cũng được, chú không bận tâm và vẫn vui vẻ trò chuyện. Nhà chú ở xóm trong, cách một con sông nhỏ và đi qua một cây cầu gọi là Cầu Chùa vì ở cạnh đó có một ngôi chùa. Sức chú ăn rất mạnh, một chén chỉ làm hai và là hết, và ăn luôn bảy tám chén vun, xong chú ra ngoài hè ngồi trên thềm đất, quần thuốc hút, uống ly cối nước trà nóng lớn và cầm nón phe phẩy quạt. Sức làm của chú cũng gấp hai ba người thợ khác, chú không cần xuống để chận những tảng bùn mà chú chỉ dùng hai bàn tay to lớn chận và lấy những miếng bùn dưới đáy mương rồi quăng lên các líp vườn, những tảng bùn to lớn gấp đôi những chú thợ khác dùng xuống để chận. Thấy chú làm tôi nói: “Chú Tư mạnh như Hạng Võ!”. Chú ngó tôi cười rồi nói: “Đâu có được như vậy, cậu. Ông Hạng Võ sức đánh muốn người, còn tôi tối ngày chỉ lo bắt mấy con tép, mấy con cá mà làm sao như ông được. Nhưng mà ông ngon lành thiệt, ở chỗ ông đánh tới chết chớ không chịu chạy”. Tôi ngạc nhiên nói: “Vậy chú Tư cũng đọc truyện Hán Sở tranh hùng nữa sao?”.

Chú trả lời: “Tui đâu có sách mà đọc, tối mấy hôm trước ghé qua nhà anh Hai Răng nghe tuồng hát “Hạng Võ biệt Ngu Cơ” nên tôi cũng biết ông chết ở trận Côi Kê”.

Thời gian sau buổi trưa, là lúc chú hay nói chuyện nhứt. Chú thường nói đến chuyện vườn tược, cách móc mương, cách chăm sóc cây chuối, cây dứa, cách đặt lồng bắt cá, ít khi nào chú nói đến thời sự, giặc giã, hình như chú vui với cuộc sống hàng ngày đơn

giản của chú. Chú chỉ cho tôi cách bẫy cu, cách ví sóc, cách săn chồn và cách câu rê. Chú có vẻ là người đa tài trong làng, chú thường chèo thuyền Sáu Đẹt chỉ biết câu rê suốt ngày ngoài ruộng. Câu rê tức là câu cá lóc, người câu dùng cần câu bằng cây tre dài 10, 12 thước, tự làm lấy lưỡi câu, lưỡi câu cong ở phía trong thì cá lóc tấp mới dính, chỉ gân dài hơn cần câu, người câu dùng con nhái gắn vào lưỡi câu có thêm cọng rơm chặn phần nhọn của lưỡi câu để khỏi kết trong các góc mạ, rồi quay quay vài tua quăng thật xa và kéo chậm chậm trên mặt ruộng để cá lóc tưởng con nhái thiết mà nhảy tấp rồi bị giật lên bờ. Tôi cũng thường thấy Sáu Đẹt đứng câu một mình ngoài ruộng, ít nói chuyện với ai và hình như cũng ít người thích chú Sáu nhỏ con này, vì vậy người ta đặt tên là Sáu Đẹt. Bữa nào cũng vậy, nói chuyện một chút, chú Tư nói: “Thôi cậu đi học bài, tôi đi làm cho xong”.

Những ngày không đi làm vườn, tôi thấy chú Tư Đen cùng nhiều trai tráng trong làng đi từng đoàn ra chợ vác gạo công. Người nào cũng quàng trên vai một tấm vải để kê khi vác gạo.

Nhiều khi đi học về dọc theo bờ sông chợ Mỹ Tho, tôi gặp chú Tư vác những bao gạo tạ từ ghe xuống bờ, chú đi trên trên tấm ván nhỏ kê từ bờ ra ghe một cách nhẹ nhàng. Gặp tôi, chú luôn luôn nói: “Cậu đi học về hả? Cậu ráng học đi, mai sau thành đạt để cô Sáu nhờ”.

Năm 1957, tôi lên Sài Gòn ở nhà người chú để tiếp tục học, từ đó tôi ít khi nào gặp chú Tư nữa. Mỗi năm chỉ về nhà trong dịp Tết để thăm Má tôi. Từ năm 1960, tình hình lại bất ổn, làng tôi ở lại trở thành xôi đậu. Trai tráng trong làng phân tán, lớp đi vô khu, lớp ra tình hay đăng vào nghĩa quân và địa phương quân. Tôi lại thi đậu vô Trường Quốc Gia Hành Chánh, thành thử khi về lại thăm Má tôi, tôi chỉ ở ngoài xóm Dầu cách nhà con sông nhỏ rồi nhắn Má tôi ra thăm. Những năm kế tiếp đó, tình hình lại càng khó khăn hơn, mức độ ám sát, đào đường, đặt mìn thường xuyên hơn trước 1954. Những nhân viên Sở Công Chánh tỉnh phụ trách việc tu bổ đường lộ cũng bị cộng sản thủ tiêu vì họ cho là những người này làm gián điệp. Ngôi nhà bây giờ chỉ còn Má tôi, người chị dâu và các cháu nhỏ cư ngụ.

Đến tháng 6 năm 1963, sau khi học được hai năm rưỡi, tôi đi tập sự tại quận Ninh Hòa, tỉnh Nha Trang 6 tháng. Quận Ninh Hòa cách thị xã Nha Trang chừng 20 cây số, quãng đường này đi ngang Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế, Tháp Chàm và đèo Rù Rì nằm trên Quốc Lộ 1, quận lỵ nằm trên ngã ba đi Khánh Dương và Tuy Hòa. Cách quận chừng 5 cây số trên đường đi Khánh Dương là Quân trường Biệt Động Quân Dục Mỹ. Đây là một quận trù phú, một bên là núi, một bên là biển. Tình hình yên ổn, quận trưởng là một người dân sự, chương trình áp chiến lược đang được xúc tiến mạnh.

Tháng 8 năm 1963 tôi tham dự lễ khánh thành một ấp chiến lược vừa được hoàn tất tại Hòn Khói, một xã bờ biển cách quận lỵ khoảng 5 cây số, trên đường ra Tuy Hoà quẹo phía mặt. Đặc biệt trong lễ khánh thành này, có ông Ngô Đình Nhu trang phục Thanh Niên Cộng Hòa và cả con gái của ông, Ngô Đình Lệ Thủy, cũng mặc đồng phục Thanh Nữ Cộng Hòa, ông đáp trực thăng xuống và hiệu thị, xong lễ ông cùng con gái lên trực thăng về Nha Trang.

Tôi cùng một số nhân viên quận đi dọc theo bờ biển cát trắng, cạnh đó là một vài quán giải khát, và xa hơn phía ngoài biển, năm ba chiếc ghe đi đánh cá trở về, nhiều người đánh cá đang quay quàn cạnh đó. Tôi đang đi thì nghe tiếng gọi: “Cậu Tư! Cậu Tư!”. Tôi quay lại chưa biết ai gọi thì một người cao lớn từ phía mấy chiếc ghe đánh cá chạy vội vã tới, vừa chạy vừa nói lớn: “Cậu nhìn ra tôi không, cậu Tư “Tôi vô cùng ngạc nhiên nói: “Trời! Chú Tư, chú làm gì ở đây?”. “Tôi đi làm nghề cá từ hai năm nay ở đây rồi cậu! Tôi nhìn cậu từ nãy giờ, cậu thay đổi nhiều quá, nhưng tôi không làm được nên gọi cậu!”. Tôi mời chú Tư vô quán giải khát cạnh bờ biển, tôi kêu ly cà phê đá. Chú Tư

kêu một ly trà đá “ly thật lớn” chú nói như vậy. Đã hơn 7 năm rồi tôi mới gặp chú Tư, da chú đen hơn vì nắng biển, bắp thịt chú rắn chắc hơn trước vì nước muối và chắc cũng vì kéo lưới, chú vẫn điềm đạm, nhưng đôi mắt có vẻ buồn và xa xôi.

Chú thông thả kể chuyện, tôi tưởng như những buổi trưa hè ngày nào ở quê, ngồi chăm chú nghe chú Tư nói: “Từ ngày Cậu lên Sài Gòn học, tôi thỉnh thoảng có ghé qua cô Sáu hỏi thăm cậu, được biết cậu bình yên tôi vẫn mừng.

Mấy năm sau đó, tình hình khó khăn quá, tôi chỉ quanh quẩn làm ruộng làm vườn nhưng không đủ sống. Đám thanh niên trong làng ngó qua ngó lại, không còn mấy người, lớp đi theo mấy ông, lớp ra tỉnh, lớp đăng vô nghĩa quân và địa phương quân. Cậu còn nhớ thằng Sáu Đẹt câu rê không? Không biết nó làm gì mà coi bộ cũng oai vệ lắm, có nhiều bữa tôi dẫn năm ba thằng du kích đến nhà tôi hạch hỏi này nọ. Nó hỏi tôi làm gì, có liên lạc ra tỉnh không? Nó hỏi mà cặp mắt khó chịu lắm, cậu! Cậu còn nhớ không, nó là thằng hỏi trước tôi ư chê chỉ biết câu rê, không làm việc gì khác. Sức nó cộng luôn thêm mấy thằng du kích, tôi đá một cái là chết hết, chấp luôn hai ba cây súng ngựa trời và mấy cái mã tấu của tụi nó!” Tôi gật đầu đồng ý và nói: “Tôi biết chú dư sức hạ tụi nó, nhưng Hạng Võ gặp trận Côi Kê cũng sa cơ đó chú!” Chú Tư cười hiền lành và nói tiếp: “Cậu nói phải, mình như con cá nằm trên thớt, đi ra tỉnh vác gạo kiếm ăn, đi ngang đồn Cầu Vỹ, lính chặn hỏi giấy tờ rồi mới cho đi, tôi về tụi du kích chạy lại hỏi cả ngày đi đâu, làm gì, báo cáo lại cho tụi nó nghe. Cậu biết không, thằng Đực con thím Tám và thằng Rí con ông Bảy đều đi lính nghĩa quân ngoài đồn Cầu Vỹ, một bữa gặp tôi, tụi nó kể lại, một đêm tụi nó kích ngoài đồn gặp thằng Quá và thằng Sơn Rồ bò bò lại gần đồn định bắn vào đó. Thằng Đực và thằng Rí không bắn tụi nó mà chỉ bắn bông cho tụi nó chạy mất. Vậy mà có một bữa thằng Rí về thăm Má nó ở xóm trong bị tụi du kích chặn bắn xém chết, thằng Rí nói rằng trong đám tụi du kích đó có hai thằng Quá và thằng Sơn Rồ, và nó nói nó mà gặp lại hai thằng này nó sẽ không tha nữa. Cậu biết không, bày trẻ này hồi nhỏ chơi đánh trống và đá banh với nhau thường ngày. Thời buổi này oán thù chồng chất không đó, cậu. Rồi tôi phải bỏ làng ra tỉnh, vác gạo được mấy tháng thì gặp thằng bạn rủ lên Sài Gòn ở quận 8 đạp xe ba bánh mượn được 3, 4 năm. Sau đó tôi gặp bạn quê ngoài này có ghe đánh cá, nó rủ tôi ra làm với nó, sống cũng được, khỏe hơn làm ruộng, có điều là tôi không quen biển cả nên thường bị say sóng. Bây giờ tôi ở trong ấp chiến lược đó”. Vừa nói vừa chỉ cái ấp kiểu mẫu vừa được ông Cố Vấn đến khánh thành, chung quanh có chông rào chặt chẽ, chỉ có một cổng ra vào, nhân dân tự vệ gác ngày đêm. Tôi nói: “Vậy là đêm đêm chú không còn sợ bọn du kích như thằng Sáu Đẹt đến quấy phá như ngày xưa?”. Chú gật đầu và nói: “Cũng yên ổn ở đây, nhưng tôi cũng nghe nhiều đồng bào than phiền phải dời nhà vô ấp, bỏ ruộng vườn không ai coi. Ở trong mình chắc khó gom như vậy vì làng tản mác như cậu thấy đó.” Tôi không biết nói gì hơn là chúc chú mạnh khỏe và hứa sẽ ghé thăm chú một ngày khác. Lời hứa đó tôi không giữ được vì bận thu thập tài liệu về ấp chiến lược để viết phúc trình nộp cho nhà trường.

Tháng 6 năm 1964 tôi ra trường và được bổ về làm việc tại tỉnh Phước Long cùng với một người bạn đồng khóa là Phan Thanh Xuân. Hai đứa chúng tôi phải đi máy bay Air VietNam lên Ban Mê Thuộc rồi đón xe đò về ngược lại Phước Long vì đường Sài Gòn – Phước Long bắt ổn. Xe đò ngừng lại ở quận lỵ Phước Bình. Mùa mưa đất đỏ đặc sệt đi không được, trời mây âm u mây trắng phủ kín ngọn núi Bà Rá gần sát tỉnh lỵ. Chúng tôi trình diện Tỉnh Trưởng lúc đó là Trung Tá Mã Sanh Nhơn và được biết có hai phó quận trông là Đôn Luân và Bồ Đức, hay nói theo tên nguyên thủy là Bù Đăng và Bù Đốp. Đôn Luân nằm trên đường đi Ban Mê Thuộc, còn Bồ Đức nằm sát biên giới Miên, cách tỉnh lỵ 40 cây số. Đúng theo truyền thống dân chủ mà chúng tôi được huấn luyện, hai đứa chúng tôi quyết định bắt thăm chớ không để Trung Tá Tỉnh Trưởng chỉ định. Xuân đi Đôn Luân, tôi về Bồ Đức. Bồ Đức cách biên giới Miên 5 cây số, cách Lộc Ninh 40 cây số về phía

Bắc, gồm 4 xã mà xã xa nhất là Bù Ja Mập cách quận 40 cây số đường rừng gần vùng ba biên giới. Cơ sở hành chánh quận nằm trên một ngọn đồi tọa lạc trong một ngôi biệt thự trước đây do người Pháp xây cất, dân số tại quận lỵ không hơn 500, đa số là người gốc Stieng. Dọc theo biên giới và trên đường đi Bù Ja Mập có một số dinh điền trú phủ, còn lại toàn là các sóc của người dân Stieng. Các dinh điền thường nằm án ngữ trên các địa điểm quan trọng như Dinh Điền Châu Ninh gần biên giới và một dinh điền nằm giữa đường đi từ quận lên xã Bù Ja Mập. Các dinh điền thường là các xứ đạo đặt dưới sự chỉ huy tinh thần của một linh mục. Họ phá rừng canh tác và mang sản vật ra chợ tỉnh bán. Có lần tôi đi lên Bù Ja Mập chung với một toán lực lượng đặc biệt và ghé nghỉ ở dinh điền này. Dân dinh điền đãi thịt chó và hai người lính Mỹ đi theo cũng ăn, không những ăn mà còn khen ngon! Đại đội địa phương quân ở quận chỉ có một trung sĩ và hai chuẩn úy người Việt, chưa kể Đại úy Quận Trưởng xuất thân từ Biệt Động Quân và dĩ nhiên là tôi nữa. Gần sát biên giới có một đồn điền cao su của người Pháp, đồn điền này do người Pháp quản trị có phi trường nhỏ riêng để hàng tháng máy bay từ Sài Gòn chuyển tiền lên phát lương cho phu cạo mủ và tiếp tế. Dân cạo mủ là người miền Bắc được tuyển mộ từ thập niên 1930 và con cháu của họ vẫn tiếp tục làm việc tại đồn điền này.

Việc hành chánh không có nhiều, ngoài các chứng thư thị nhận, hầu hết công việc lúc tôi ở đó là việc mộ phu khai phá đồng Gia Rây để lấy đất cho dân làm rẫy. Sau đó là những chuyến đi thăm các xã, những chuyến đi như vậy kéo dài cả tuần, vì đường rừng xe chạy khó khăn. Mấy tháng đầu tình hình còn yên ổn, ban đêm còn đội đèn đi săn được, đến đầu năm 1965, áp lực CS bắt đầu trở nên nặng. Công chức cán bộ tại quận được lệnh võ trang lập thành được một trung đội công chức trang bị hầu hết là súng Carbine M1, súng này có lẽ là từ Đệ Nhị Thế Chiến còn lại, chỉ bắn từng phát một, ít lâu sau có được Carbine 2 bắn được từng loạt như M16. Trong lúc đó, CS đã được trang bị AK47 vì trong một số trận đụng độ, quận đã tịch thu được một số AK47 còn mới tinh. Tôi cảm thấy “hấp dẫn” vì ra trường vẫn lẫn võ. Khóa tôi sau khi tốt nghiệp phải đi dự thêm khóa 17 Trường Võ Bị Thủ Đức, các khóa trước học quân sự ở Trường Hạ Sĩ Quan Đồng Đế rồi mang lon đồng hóa Trung Úy đi làm ở các quận. Như vậy cũng tạm gọi là “văn võ toàn tài”!

“Trận đánh” đầu tiên tôi tham dự là trận phục kích lính Miên sang bắt cóc dân cạo mủ. Dân cạo mủ sáng sớm đã ra rừng cao su lấy mủ và cạo mủ, rừng chỉ cách xa biên giới 3 cây số chia cách bởi con suối mang tên là Bu Jer Man, suối nhỏ mùa khô đi bộ qua cũng được, lính Miên buồn tình cứ qua bắt dân cạo mủ đem về rồi nhả đòi tiền chuộc, dân đồn điền ra quận thưa. Đại Úy Quận Trưởng chỉ huy trung đội địa phương quân và đem theo một trung đội công chức võ trang theo để “yểm trợ” và dĩ nhiên tôi là người chỉ huy trung đội này. Quân lính tôi đó đến đồn điền ngủ đến 4 giờ sáng di chuyển trong rừng đêm đến bờ suối phục kích chờ lính Miên qua theo con đường mòn. Trung đội công chức nằm phía sau có gì thì yểm trợ, lệnh của Đại Úy Quận Trưởng là như vậy. Trời lần lần sáng, gà rừng gáy khắp nơi, đúng lúc đó, phía bờ suối súng nổ vang dội, tôi nằm phía sau nghe súng nổ, lòng bồn chồn vì đây là tiếng súng thiệt, ngoài trận địa chớ không phải trong quân trường, mình phải thực sự đối diện với trận chiến.

Nhưng tiếng súng chấm dứt ngay sau đó, và tôi được biết có hai tên lính Miên vác súng đi đến bờ suối, quân ta nổ súng, chết một tên còn một tên chạy về. Chúng tôi được lệnh rút lui nhanh về vì không biết lực lượng địch bị báo động và kéo đến bao nhiêu. Từ đó, không nghe lính Miên sang bắt cóc dân cạo mủ nữa. Đó là “trận chiến” trực tiếp duy nhất của tôi tại đây, gián tiếp thì nghe thấy rất nhiều.

Một lần về tỉnh, sau khi họp xong, trên đường về tôi ghé lại quận lỵ Phước Bình để ăn tô hủ tiếu và uống ly cà phê. Quận này chỉ có một quán ăn, bên ngoài nhiều xe be đậu và trong quán ngồi đầy phu xe be. Tôi chưa kịp kiểm ghé ngồi thì có người gọi tôi: “Cậu

Tur! Cậu Tur! Sao cậu lại lưu lạc đến xứ này?”. Lại chú Tur Đen, thật cái duyên lạ lùng! Tôi hỏi chú: “Tại sao chú lại lên đến xứ rừng thiêng nước độc này?”. Chú mời tôi lại bàn ngồi rồi thông thả kể:

“Lúc gặp cậu ở ngoài Hòn Khôi thì mấy tháng sau vợ thằng bạn của tôi bị bệnh, nó phải bán ghe đánh cá để chạy chữa cho vợ nó, không có gì làm nữa nên tôi bỏ về quận 8 ở Sài Gòn. Thời gian sau gặp ông Bảy Xe Be ở gần xóm tôi ở cần phu đi lấy cây trong rừng nên tôi xin theo làm cây hơn một năm nay. Từ đầu năm nay đường đi khó khăn, cứ bị mấy ông chặn đường khám xét và đòi hỏi thuốc men. Vô rừng lại gặp mấy ông, ra ngoài lính quốc gia dò hỏi, lại còn bị kiểm lâm làm khó dễ”. Tôi cho chú Tur biết tôi làm ở quận Bồ Đức, hôm nào chú ghé ngang qua chơi. Chú cho biết chú cũng không có về quê từ dạo đó tới giờ, đã 10 năm rồi, chú đã gần 40, vóc dáng vẫn còn mạnh mẽ nhưng tóc đã lấm tấm điểm trắng, chú nh ìn tôi n ối:

“Cậu đi đứng cẩn thận, vô rừng tôi gặp mấy ông thường lăm, có vẻ đông hơn, họ không là dân địa phương ở đây”. Tôi gật đầu. Tin tức ghi nhận từ các người đi làm rẫy gần đây cũng cho biết như vậy, nhiều lúc voi bị động tức là rừng bắt ổn. Người dân địa phương có vẻ sùng kính rừng cây, họ gọi là rừng thiêng, tôi không biết có thiêng hay không, nhưng rừng mênh mông, trưa đi vào rừng thì bốc hơi khó thở vì cây cối dày đặc, tôi đi vào đó thấy mình nhỏ bé trong bóng tối. Những người lính thượng khi đi hành quân về ra khỏi rừng đều quay lại kính cẩn chào khu rừng rồi mới về căn cứ. Đã hơn 2 giờ chiều, tôi phải từ giã chú Tur để về lại quận đường, 40 cây số đường độc đạo, chiếc xe traction cũ kỹ mượn của ông Trưởng Chi Công Chánh già băng qua những cua queo, du kích có thể chặn lại bất cứ lúc nào, chưa kể cán mìn!

Mấy tháng sau được tin có hai anh bạn cùng khóa bị mìn tử thương ở miền Tây và một anh bị bắn sẽ chết tại Hậu Nghĩa. Tôi mượn một gian nhà ở gần chợ quận, nói rằng chợ thật ra chỉ là một gian nhà trống để buôn bán, thường là chỉ có thịt rừng, đặc biệt là thịt nai, hôm nào đường không bị đắp mô, xe đồ Bửu Hiệp lên được thì có đường, sữa và đặc biệt là bia 33. Có một lần xe đồ từ quận về tỉnh bị du kích chặn xét, đồng bào kể lại cho tôi du kích biết tôi ở căn nhà nào nơi quận. Ai muốn di chuyển nơi khác, tôi đều thị thực chữ ký của xã để họ có thể di chuyển để đi làm chuyện gì khác hơn là làm phu cạo mũ suốt đời, Những người Stieng chất phác đứng hẳn về với quận, báo cáo những sự di chuyển của CS trong rừng, họ là một nguồn tin tình báo vô cùng quý báu, họ làm mà không đòi hỏi một ân huệ nào.

Đồn điền cao su Bù Đốp gắn liền với lịch sử của quận Bồ Đức vì sự hình thành của quận này bắt đầu từ sự khai thác cao su của người Pháp tại đây cũng như tại Lộc Ninh. Một lần vô thăm đồn điền này, tôi gặp một người thư ký đồn điền chừng trên 60 tuổi. Đầu đội một chiếc nón len màu đỏ, vóc người ốm ốm. Nói chuyện sơ qua, tôi thấy ông ấy có vẻ hiểu biết, ông cho biết vì thất bại trong đời tư nên lên đây làm thư ký cho đỡ buồn. Thỉnh thoảng ông ấy có ra quận và ghé thăm tôi hàn huyên. Lúc đó nhằm lúc đang bầu cử Hội Đồng Tỉnh nên ông ra ứng cử và đắc cử nghị viên, được bầu làm chủ tịch Hội Đồng tỉnh và sau đó đắc cử dân biểu tại tỉnh Phước Long. Một thời gian sau, ông ấy được bầu làm Chủ Tịch Hạ Nghị Viện. Người đó là ông Nguyễn Bá Lương, thành thử đất Bồ Đức cũng là đất tốt!

Rồi tình hình chiến sự bộc phát, khởi đầu là quận Đôn Luân bị tấn công tràn ngập, người bạn đồng khóa may mắn theo xe be lọt ra khỏi vòng vây. Rồi quận Đồng Xoài, nằm trên vị trí chiến lược án ngữ đường xuống Bình Long, bị tấn công mạnh. Trận này có lực lượng dù của QLVNCH tham dự và diễn ra nhiều ngày. Lúc đó, ở chi khu Bồ Đức, chúng tôi theo dõi trận đánh trên máy truyền tin Motorola, máy liên lạc trực tiếp được chi khu Đồng Xoài cách đó 70 cây số. Đồng Xoài bị vây hãm và kêu gọi Bồ Đức bắn yểm trợ! Bắn làm sao được, chi khu chỉ có hai khẩu 81 bắn xa không quá 4 cây số! Rồi tỉnh Phước

Long và quận lỵ Phước Bình cũng bị tấn công, nhiều đơn vị địa phương quân ưu tú của tỉnh phải tan rã vì trang bị và quân số kém hơn địch. Quận lỵ Bồ Đức và căn cứ đặc biệt gần đó bị áp lực nặng, dân Thượng đi làm rẫy lại báo cáo có nhiều đoàn quân địch di chuyển gần biên giới. Sau đó xảy ra vài trận đụng độ nhỏ, lực lượng đặc biệt tịch thu được một số súng AK47 mới và lính Mỹ đem ra Quận cho Chi Khu xem. Một người trung sĩ già kinh nghiệm chiến trường nói: “Đây là nhóm tiền phương của địch bị tiêu diệt, đại quân của chúng nó chắc chắn ở phía sau gần đó”. Thông dịch viên dịch lại cho hai lính Mỹ còn trẻ nghe nhưng hai người lính Mỹ này có vẻ không tin, họ lên xe về căn cứ. Hai hôm sau, vào lúc nửa khuya, căn cứ lực lượng đặc biệt bị tấn công, CS tràn ngập $\frac{3}{4}$ căn cứ, lực lượng còn lại cầm cự đến sáng, trực thăng đổ quân tiếp viện và truy nã CS. Tôi theo Đại Úy Quận Trưởng đến căn cứ của lực lượng đặc biệt, xác CS nằm ngổn ngang ngoài căn cứ, có nhiều tên còn dựa chết ở các góc cao su, chung quanh vãi những lọ thuốc rắn của Trung Cộng. Lực lượng đặc biệt cũng thiệt hại nặng, một số sĩ quan quen tôi biết tôi trước đó ghé qua nhà tôi chơi, hôm sau không còn nữa! Bây giờ còn duy nhất quận Bồ Đức chưa bị tấn công, tôi cũng không biết tại sao, có lẽ quận lỵ không nằm trên con đường chiến lược của bọn chúng chăng?

Sau đó tôi đi phép về Sài Gòn, mua một số sách vở về học chuẩn bị cho kỳ thi Cao Học đầu tiên do Trường tổ chức. Học trong sự bất ổn, học trong tiếng súng vang đêm, học trong tiếng vọng của B52. Rồi tôi may mắn trúng tuyển và được phép về tham dự khóa học vào tháng 9 năm 1965. Trở về cũng vẫn cái va ly cũ, nhưng hành trang nặng thêm những ký ức của cuộc chiến tranh đang ở vào một giai đoạn gay gắt nhất. Ba tháng sau, tôi được tin quận lỵ Bồ Đức bị tấn công và tràn ngập, tôi không biết rõ số phận của nhân viên, quân sĩ và thường dân tại đó ra sao. Lòng thấy buồn vô hạn.

Khóa Cao Học là một khóa học lý thú vì số sinh viên trúng tuyển gồm nhiều thành phần khác nhau như cựu sinh viên hành chánh, luật, sư phạm, có cả khoa học và một số là các công chức thâm niên. Ngoài lý thuyết, sinh viên thảo luận về những trường hợp điển hình lấy từ những kinh nghiệm trong thời gian đi làm, do đó, học hỏi được nhiều. Luận văn ra trường nghiên cứu những đề tài thực tế và sâu rộng hơn như các đảng phái chính trị, tôn giáo, tác dụng của báo chí, mô hình của một nền hành chánh tương lai... Ra trường còn có nhiều cơ hội phục vụ tại các cơ quan trung ương.

Tôi gặp nhà tôi ở trường Luật và lập gia đình vào năm 1966. Tôi ra trường năm 1967, làm việc tại Giám Sát Viện một năm, rồi sang làm ở Văn phòng của Đô Trưởng Sài Gòn. Đất nước tràn ngập trong khói lửa. Bạn bè đi học ngày trước, có đưa đi Sĩ Quan Thủ Đức, có đưa vô Trường Võ Bị Đà Lạt, thỉnh thoảng được tin có đưa nằm xuống, đưa em trai tôi cũng tử trận năm 1968 tại Hậu Nghĩa.

Năm 1969, Quận Trưởng Quận Tư về hưu, tôi được chỉ định sang thay. Đô Thành Sài Gòn gồm 11 quận và là nơi duy nhất các quận trưởng còn là dân sự trong thời gian đó.

Quận Tư là một quận của dân “lao động” hay nói rõ hơn, của dân nghèo và của phu bến tàu. Diện tích không quá 7 cây số vuông mà có đến 200,000 cư dân. Làm gì cũng vậy, làm phó bao giờ cũng dễ hơn làm chánh. Người dân mình thường tự nói đùa làm “phó thường dân” là khỏe hơn hết. Thật vậy, phó không có trách nhiệm nhưng cũng không có quyền hạn, vì quyền hạn có được là do ông chánh giao cho, nếu ông ấy dành làm hết thì ông phó chỉ ngồi chơi xơi nước. Nhưng thật sự làm quận trưởng cũng không có quyền hạn gì nhiều, ngoài những vấn đề hành chánh thông thường. Quận không có ngân sách riêng, muốn thực hiện dự án nào cũng phải xin Tòa Đô Chánh chấp thuận và các dự án phải dự trù ngân sách. Do đó, phải tính toán từ cả năm trước, thành thử chậm chạp. Những dự án nhanh chóng nhất lúc đó là những dự án phát triển do Cơ quan USAID cung cấp vật liệu như xi măng. Quận đề nghị những dự án thường là xây cất những cơ sở lợi ích chung, đặt cống tháo nước, xây đường hẻm, nhưng dân địa phương phải tự tổ chức thực hiện công

tác tức là “dân làm chánh phủ giúp”. Rất nhiều dự án đã được thực hiện, nhiều đường hẻm ngập lụt và lấy lợi trở nên kang trang, phường khóm sạch sẽ và vệ sinh hơn. Mất thời giờ nhứt có lẽ là tổ chức những cuộc bầu cử, nào Hội Đồng Đô Thành, Thượng Hạ viện, cả Tổng Thống nữa! Lo danh sách cử tri, thẻ cử tri, phòng phiếu, vận động dân đi bầu, nhiều khi lại bị chỉ thị ủng hộ ứng cử viên gà nhà nào đó! Riêng tôi có nghe rồi cũng bỏ qua vì không lẽ đi bắt người dân làm theo ý mình và làm sao buộc họ được, ít nhứt cũng để cho “tiến trình dân chủ” lần lần thành hình như mình đã học! Điều lý thú nhứt là đi tiếp xúc với các vị thân hào nhân sĩ, các vị lãnh đạo tinh thần, các tổ chức nghiệp đoàn vì họ là những hậu thuẫn cần thiết khi cần huy động. Điều chán nhứt là được lệnh của ông Đô Trưởng đi giải tòa nhà cửa bị chiếm ngụ hay xây cất bất hợp pháp. Lúc tôi về Quận Tư, chung cư Vĩnh Hội đã bị dân chúng chiếm ngụ bất hợp pháp. Chung cư này do Gia Cư Liêm Giá Cuộc xây cất chưa xong thì dân vô chiếm ở. Tôi đi một vòng xem, hầu hết dân tị nạn từ các tỉnh lên, nhà nào cũng đông người ở, bàn ghế không có. Tôi cũng biết vùng quê bất ổn như thế nào, tôi cũng biết tinh thần tôn trọng luật pháp như thế nào, nhưng làm sao đứng ra kêu xe hoạt vụ và cảnh sát để giải tỏa chung cư này, cả hơn 1,000 căn nhà. Tôi trình miệng với ông Đô Trưởng là tôi không làm được, ông Đô Trưởng cũng hiểu và từ đó ông không nhắc đến nữa.

Đặc biệt là khu bến tàu thường gọi là kho 5 Khánh Hội. Nhắc đến Quận Tư là người ta liền tưởng đến kho 5, nếu không nhớ đến quán nhậu Tư Sanh. Các hãng bốc dỡ tàu bè hầu hết quy tụ ở đường Tôn Thất Thuyết, hãng lớn nhứt là hãng Triệu Tiết. Hãng này có nhiều phu bốc dỡ và có hai cai thầu trông coi. Mỗi cai thầu coi một số phu bốc dỡ, phụ trách điểm danh, làm sổ hiện diện, tính lương bổng, cai thầu nói chung rất có uy tín đối với dân phu. Hai người cai thầu này một là Bảy Đờm, hai là Mười Cụt. Bảy Đờm đáng người thấp nhưng mạnh mẽ, đầu mang nhiều vết sẹo, có lẽ là dấu dao chém. Tôi có nói chuyện mấy lần với Bảy Đờm nhưng thấy tay này có vẻ ba gai nên tôi không gặp nữa. Mười Cụt cũng là anh hùng một thời, nghe nói khi xưa đi lính cho Le Roy ở Bến Tre, không biết làm sao mà cụt cánh tay trái, nên có biệt danh là Mười Cụt. Tay này có vẻ thẳng thắn hơn nên thỉnh thoảng tôi có gặp nói chuyện. Gặp nhau lâu ngày, tôi mới nói với Mười Cụt: “Anh Mười, tôi muốn tìm hiểu rõ hơn dân phu ở đây, anh có thể giúp tôi được không?”. Anh ta mới trả lời: “Nếu ông Quận muốn vậy, tôi xin giới thiệu thằng Tư, nó là đứa em thân tình của tôi, có thể tin cậy được, đàn em cũng nể nó lắm, nó cũng cùng quê ở Mỹ Tho với ông Quận đó!”. Ý tôi lúc đó là muốn có một số người ở bến tàu để nắm vững tình hình tại khu vực này, thành thử tôi mới hỏi thêm: “Anh Mười có thể nói rõ hơn về người đó cho tôi biết được không?” Anh Mười nói: “Thằng này nó lưu lạc tầm lum, nó làm ở bến tàu hơn 3 năm rồi, hiện giờ nó phụ tôi coi đám phu tại kho 5, nó hiền lành nhưng rất mạnh mẽ, có cứng mới đứng đầu gió, đứng bên phải như vậy, không thì tụi phu nó coi không ra gì. Để tôi cho nó biết lên trình diện ông Quận!”

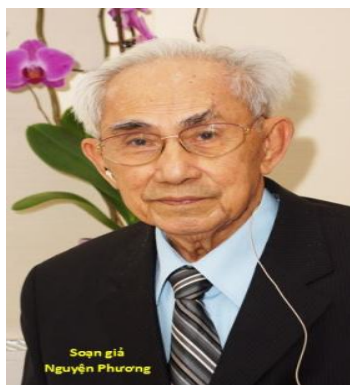
Một bữa nọ, trong lúc đang làm việc ở Văn Phòng, tùy phái vào trình có ông Nguyễn Văn Tư nào đó ở bến tàu muốn xin vào gặp tôi. Tôi cho mời vào. Thật là ngạc nhiên, lại Chú Tư Đen nữa! Tại sao chú làm ở đây, tại sao lại gặp chú ở đây, tại sao đi đâu cũng gặp chú, gặp một cách vô tình, tôi đặt cho chú Tư một số câu hỏi, chú không trả lời mà chỉ cười, vẫn cái cười chắt phác và hiền lành. Trông chú có vẻ trung niên hơn, có thêm một chòm râu nhỏ dưới cằm, da vẫn đen, vẫn còn mạnh khỏe nhưng đi đứng chậm chạp hơn hồi xưa. Sau khi hỏi thăm qua, chú nói: “Từ ngày gặp cậu ở Phước Bình, tôi không có tin tức gì của cậu nữa, tôi không về được dưới quê vì tình hình lộn xộn hơn lúc trước nhiều. Cậu biết không, nghe nói cây cầu Chùa đã bị mấy ông phá sập, dân gác hai cây cầu làm cầu khỉ để qua lại, đường vô nhà tôi không thể nào về được nữa, ba má tôi còn ở đó, tôi không dám về, và má tôi lại già nên sức yếu không lên trên này thăm tôi được. Như

cậu biết từ bữa gặp cậu trên Phước Long, mấy tháng đường bị đắp mô thường xuyên, không ai dám vô rừng nữa. Ông Bảy Xe be cũng bỏ nghề. Vì vậy, tôi xin làm phu bốc dỡ ở đây cũng được hơn 2 năm, nhờ anh Mười thương nên anh ấy cho tôi phụ công chuyện cho đám phu, cũng đỡ khuôn vác vì sức tôi không còn mạnh nữa, móc mương, vác gạo như ngày xưa chắc tôi không còn làm nổi nữa! Nghe tin trên Phước Long lộn xộn tôi không biết cậu có còn trên đó không, tôi cũng lo sợ cho cậu nhưng trời xui đất khiến lại gặp cậu ở đây, tôi mừng quá!” Tôi mời chú Tư chiều đó ra quán Tư Sanh nhậu tôm nướng và ăn huyên.

Mùa hè đỏ lửa, Đô Thành được lệnh quân sự hóa, các quận trưởng dân sự biến thành “phụ tá hành chánh” cho các đặc khu trưởng. Và sau đó bị luân chuyển về Tòa Đô Chánh, biệt phái sang Bộ Dân Vận một thời gian, rồi tôi về Viện Đại Học Sài Gòn làm cho đến ngày mất nước. Tôi thật sự mất liên lạc với chú Tư Đen kể từ đó.

Tháng 2 năm 1997, tức là sau 22 năm, tôi trở lại Việt Nam lần đầu tiên vì nhạc phụ tôi bị bệnh nặng. Tôi ghé lại gian nhà ngày xưa ở Mỹ Tho ngủ lại một đêm. Cảnh vật không còn như xưa nữa. Tôi hỏi thăm về chú Tư Đen, người chị dâu thứ ba kể lại: “Sau năm 1975, chú ấy có trở lại đây, vẫn một thân một mình và ở lại nhà của chú ấy ở trong xóm trong. Tỉnh thoảng chú ấy có ghé qua đây và hỏi thăm chú ra sao. Tôi nói chú đã đi ra nước ngoài rồi, chú ấy có vẻ mừng. Nhưng làng xã họ làm khó dễ chú Tư dữ lắm, thằng Sáu Đẹt bây giờ là Chủ Tịch Ủy Ban Nhân Dân Xã cứ kêu chú ấy xuống hỏi han khai báo hoài nên chú chịu không nổi rồi bỏ ra đi đâu mất. Hôm đi chú ấy có ghé qua nhắn lời thăm chú nữa”. Tôi nhìn những líp vườn và những mương nước, thơ thần nghĩ một thời gian qua từ đó đến giờ đã trên 40 năm, chú Tư Đen có còn sống cũng đã hơn 70 tuổi, chú không còn mạnh như ngày xưa như tôi thường gặp sau những buổi đi học về và gọi chuyện với chú. Tôi lưu lạc trên đất người còn chú lưu lạc ngay tại quê hương.

Từ đây, trên bước đường ly hương, chắc tôi không có dịp tình cờ gặp lại chú nữa, nhưng hình ảnh của chú vẫn ghi đậm trong lòng tôi.

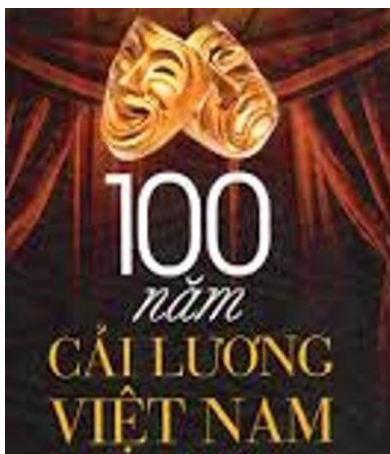


Soạn giả Nguyễn Phương, (tên thật Nguyễn Văn Hòa)

Sanh ngày 1 tháng 7 năm 1922. Làng Điều Hòa tỉnh Mỹ Tho, Cựu học sinh trường Collège de Mytho, Chuyên viên Phòng Kỹ Thuật Sở Bưu Điện Saigon (1943 – 1948), Soạn giả cải lương các đoàn hát Tiếng Chuông Bầu Càng, Việt Kịch Năm Châu, đoàn Kim Thoa, đoàn Thanh Minh Thanh Nga, đoàn Dạ Lý Hương, Trưởng Ban Cải Lương Đả Phách Thanh Sàigon, Đả Quân Đội VNCH, Trưởng Ban Kịch Đài Truyền Hình Saigon, phụ trách thu thanh hãng đĩa Continental, Quê Hương, Capitol Cholon, soạn giả truyện phim Triệu Phú Bất Đắc Dĩ, Con Ma Nhà Họ Hứa, Chàng Ngốc Gặp Hên, Lệnh Bà Xã, Hai Hình Ảnh - Một Cuộc Đời, và phụ tá đạo diễn các phim truyện hãng phim Mỹ Vân, hãng phim Mỹ Ảnh, hãng phim Dạ Lý Hương.

Định cư Montreal năm 1989, viết báo Nghệ Thuật 1992, báo Thời Báo Montréal, Toronto mỗi tuần một bài từ năm 1993 đến 2018, Phụ trách chương trình cổ nhạc đài Á Châu Tự Do RFA mỗi tuần một chương trình phát thanh trong thời gian 4 năm (2000- 2004) Đả SBS Radio Úc Châu 54 chương trình phát thanh, đài RFI Pháp hai năm 2006 - 2008).

Kỷ niệm 100 năm nghệ thuật sân khấu cải lương.(1918 – 2019).



Theo học giả Vương Hồng Sển, ngày 15 / 3 / 1918, Đoàn hát Thầy Năm Tú hát tuồng Kim Vân Kiều của tác giả Mạnh Tư Trương Duy Toàn tại rạp hát Thầy Năm Tú tỉnh Mỹ Tho, sự kiện này được các nhà nghiên cứu Văn Học Nghệ Thuật ghi nhận là ngày ra đời của nghệ thuật sân khấu Cải Lương Việt Nam.

Tỉnh Mỹtho được ghi nhận là cái nôi của nghệ thuật sân khấu cải lương với các sự kiện sau đây :

- Gánh hát Thầy Năm Tú là gánh hát đầu tiên hát tuồng cải lương năm 1917.
- Rạp hát Thầy Năm Tú là rạp hát đầu tiên hát tuồng cải lương 1917.
- Tuồng Kim Vân Kiều là tuồng cải lương đầu tiên được hát năm 1917.
- Đoàn cải lương xuất ngoại lần đầu tiên là đoàn hát Phước Cường của ông bầu Phước George (Mỹtho), hát tại Hội Chợ Đấu Xảo Paris năm 1931 với đào Năm Phi (người Mỹ Tho) và kép Bảy Nhiêu.
- Tỉnh Mỹ Tho sản sinh ra nhiều soạn giả Cải Lương nổi tiếng, nhiều nghệ sĩ nam, nữ t ả danh. (**Soạn giả có** : SG Năm Châu, Lê Hoài Nở, Tám Vân, Nguyễn Phương đều là học sinh trường Collège de Mỹtho.) **Soạn giả** Tư Trang, Tư Chơi (Huỳnh Thủ Trung), Thanh Cao, Phi Vân, Việt Thường, Yên Ba, Kim Cương, Bảy Nam; **các diễn vi ên** : Năm Châu, Tư Xe, Hai Giỏi, Tám Meo, Từ Anh, Tư Đầu, Phùng Há, Năm Phi, Bảy Nam, Mười Truyền, Tư Sặng, Hai Nữ, Năm Thiên, Thanh Cao, Lệ Thơ, Thanh Hương, Kim Cương, Kim Hoàng, Minh Phụng, Hùng Minh, hề Hồng Tơ, Hoa Hạ, kịch sĩ Túy Hoa, ...

Tỉnh Mỹ Tho đáng lẽ là đơn vị đứng ra tổ chức lễ kỷ niệm 100 năm Cải Lương nhưng rạp hát Thầy Năm Tú ngày xưa đã đổi thành rạp hát bóng Vĩnh Lợi. Sau 30 tháng 4 năm 1975 bị nhà cầm quyền CS tịch thu, đổi thành nhà bán sách. Rạp Viễn Trường hư nát, không sử dụng được, vì vậy Sở VH-TT S ăgon đứng ra tổ chức lễ kỷ niệm 100 năm nghệ thuật sân khấu cải lương.

Tối 13 / 01 /2019, tại phố đi bộ Nguyễn Huệ (quận 1 Saigon) diễn chương trình 100 năm ngày ra đời của nghệ thuật sân khấu cải lương Việt Nam. Đến dự có ông Trương Tấn Sang nguyên chủ tịch nước, Lê Thanh Hải(nguyên bí thư thành ủy), Võ văn Thương Trưởng Ban Tuyên Giáo TƯ, Nguyễn Thiện Nhân(Bí tư thành ủy), Nguyễn Thành Phong Phó bí thư thành ủy, Trương Thị Ánh Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Thân thị Thư Trưởng Ban Tuyên Giáo thành ủy cùng các Ban, Sở, Ngành, Sở VH-TT-DL c ác tỉnh thành lân cận, các nghệ sĩ cải lương tài danh và dân đi chợ Tết ghé xem lễ.

Dân ái mộ cải lương của các tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Bến Tre, Cần Thơ, Long Xuyên, Bạc Liêu, Cà Mau đến Saigon bằng mọi phương tiện chuyên chờ để xem lễ kỷ niệm 100 năm nghệ thuật Cải Lương đồng thời đi chợ Tết, chợ Hoa ở đường Nguyễn Huệ.

Sân khấu dành cho cuộc lễ rất rộng, ghé cho khán giả dự có trên 800 ghé, các ghé hàng đầu dành cho quan chức các Ban, Sở, Ngành và đảng viên của Thành phố, sau đó một số ghé dành cho nghệ sĩ nổi tiếng và khách mời của Thành phố. Khởi đầu chương trình, ông Nguyễn Thành Phong, Phó bí thư thành ủy, chủ tịch UBND Thành phố nói: « *Nghệ thuật cải lương là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống người dân miền Nam, được*

kế thừa tinh hoa của các loại hình nghệ thuật truyền thống dân tộc như Hát Bội, Đờn Ca Tài Tử và tiếp thu những cái hay của kịch Phương Tây được nhân dân nuôi dưỡng và bảo tồn...» Ông nói tiếp(khi ông Phong nói thì hình ảnh minh họa chiếu trên phong lớn căng trên sân khấu) Sau gánh hát *Thầy Năm Tú, Miền Nam có nhiều gánh hát như Đồng Bào Nam, Nam Đồng Ban, Tái Đồng Ban, Nghĩa Hiệp Ban, Trần Đắc, Phước Cường, Huỳnh Kỳ, Tân Hí Ban, Tập Ích Ban...* Sau năm 1954, có các gánh hát lớn như Thanh Minh của bầu Nghĩa, Hoa Sen của bầu Bảy Cao, Kim Thanh của các ông Bầu Út Trà Ôn, ...vv. **Cải Lương khai sinh từ trong Nam nhưng phát triển lớn nhờ Miền Bắc.** (Có nhiều tiếng la Ô trong nhiều hàng ghế khán giả) Ông Phong tiếp tục:« từ năm 1923 đến năm 1927 có các gánh hát cải lương miền Nam ra Bắc diễn như gánh hát của bầu Sáu Súng, Gánh hát Nghĩa Hiệp Ban của bầu Năm Đầu. Có nhiều nghệ sĩ tài danh của miền Nam ra Bắc hát: Tam Danh, Ba Du, Bảy Nhiêu, Năm Châu, Phùng Há, Năm Phỉ, Ba Vân, Tư Chơi, Từ An, Phước Cường, Bảy Nam...nghệ sĩ tiền bối miền Bắc nhanh chóng tiếp thu loại hình nghệ thuật mới để xây dựng lực lượng **CẢI LƯƠNG PHÍA BẮC. ĐỒNG THỜI CÔNG TY QUẢNG LẠC VÀ** Nhóm Sân Nhiêu Điều của Ngô Nhật Miều(tục gọi là charlot Miều) bỏ tiền ra mua chuộc đảo kép giỏi miền Nam như kép Ba Vân, kép Phương Danh, đào Xuân ở lại truyền nghề hát cho các nhóm **Đồng Ấu** miền Bắc để sau này thành các diễn viên trụ cột của **Cải Lương** phía Bắc. Sau đình chiến năm 1954, các nghệ sĩ tài danh như Phương Danh, Ba Du, Tám Cúi, Tư Xe, Thanh Loan, Thanh Hương, Thanh Hùng, Ngọc Hoa tập kết ra Bắc, xây dựng lý thuyết về hát, ca và sáng tác kịch bản cải lương, làm tài liệu cho các trường Đại Học Sân Khấu Cải Lương. Có thể nói: **Cải lương gốc cội miền Nam – Lá cành hoa trái đất Bắc**»(Nhiều khán giả la lớn: Sáu ơi Sáu, đi chợ Hoa, chợ Tết rồi về. Minh ở xa quá phải về trước» nhiều khán giả ở tỉnh và cả ở Saigon xô ghế, bước ra khỏi chỗ làm lễ, họ đi về phía chợ hoa Nguyễn Huệ...Cuộc lễ chuyển qua tặng hoa và quà cho các nghệ sĩ rồi Minh Vương và Lê Thủy ca vọng cổ bài **Bán Bánh Ông Lan**. Sau đó nghệ sĩ khác ca vọng cổ theo kiểu đàn ca tài tử. Cuộc lễ 100 cải lương trở thành một thứ lễ lượm thượm, đầu voi đuôi chuột.

Biểu diễn Đờn Ca Tài Tử tại phố đi bộ Nguyễn Huệ vào tối 10 tháng 01.

Diễn Đờn Ca tài tử **miền phí** tại nhà hát Trần Hữu Trang(Rạp Hưng Đạo cũ) từ mùng 2 đến mùng 5 Tết Kỷ Hợi có nhiều trích đoạn cải lương: **Máu Nhuộm Sân Chùa, Cô Gái Đồ Long, Hằng Nga - Hậu Nghệ, Thu Hương - Đường Bá Hổ(Toàn là tuồng Tàu)**

Mùng 2 đến mùng 6 Tết, hát **Rẻ Quý** (Rẻ Đài Loan Hải kịch), **Trà Hoa Nữ**(kịch phóng tác của Pháp, và tuồng **Thanh Xà - Bạch Xà (truyện Huyền thoại Tàu)**

Mùng 10 Rạp Vườn Lài đường Vĩnh Viễn (đường Minh Phụng cũ) diễn vở Thu Hương - Đường Bá Hổ **Tuồng Tàu**.

Mùng 12 hát tại rạp Công Nhân (Nguyễn Văn Hảo cũ) tuồng **Long Phụng Kỳ Duy ân** (cũng **tuồng Tàu luôn**) **Tết Năm nay, các đoàn, các rạp đều hát tuồng Tàu**, chắc là chuẩn bị cho năm 2020, nước Việt Nam bị biến thành **tỉnh An Nam trực thuộc của Quốc Mẫu Trung Hoa Cộng Sản** nên các đoàn hát, hát tuồng Tàu bằng tiếng Việt, vài năm nữa chắc sẽ hát bằng tiếng Tàu luôn.

Tất cả hoạt động và tin tức biểu diễn các tuồng hát mà tôi kể ra trong bài này đều lấy từ youtube về Ngày lễ 100 Năm Cải Lương thu tại phố đi bộ Nguyễn Huệ và đăng trong CLVN.com.

Ký giả dấu tên đăng trong CLVN.Com, câu kết luận nguyên văn như sau :

Nghệ sĩ cải lương chân chính sẽ đi về đâu ?

Việc vinh danh thiếu sót những tên tuổi có nhiều đóng góp cho sân khấu cải lương thể hiện sự vô trách nhiệm của những người thực hiện chương trình kỷ niệm 100 năm sân khấu hình thành và phát triển. Điều này làm tổn thương nghệ sĩ và người thân của họ. Nhưng nếu xem hết chương trình. Có lẽ chúng ta sẽ công nhận, những người thực hiện còn làm tổn thương đến cả những khán giả mộ điệu cải lương... (ba dấu chấm sau: ý của ký giả này nói là ai đó đã **sửa đổi lịch sử cải lương**, cái nôi cải lương từ trong Nam mà đưa ra Bắc thành ra người cải lương khổng lồ Bắc Kỳ. Bao nhiêu tuồng cải lương mà họ gọi là kinh điển, **khi hát kỷ niệm 100 năm cải lương thì toàn là những tuồng Tàu bá láp.**

Nịnh gì mà nịnh dữ vậy mấy tía ?

Hồng biết đến năm 2020 nước Việt Nam có thành tỉnh An Nam như Hội nghị Thành Đô hay không và Xi Thầu nào làm Hội trưởng Hội SK, chú Ba Tàu và Thiểm xẩm nào sẽ làm đào kép chánh thay cho Minh Vương và Lệ Thủy ? Tuồng Tàu sẽ diễn chắc là tuồng Lầu Đê và bao tử heo phá lẩu để cho bọm nhậu bia hơi thưởng thức.

Ôi xin lỗi các bạn, buồn quá, tức quá nên nói cho xả hơi. Lễ kỷ niệm trăm năm của nghiệp Tổ mà làm theo kiểu Vô Thần như vậy, đau quá !.

Nguyễn Phương 2019

Như giọt nắng phả vào đông hơi ẩm của mùa xuân.

Nguyễn Phương

Những giọng ca của nam nữ danh ca ngày xưa... những hình ảnh, những giọng ca ru hồn của các cô Tư Sạng, Tư Bé, Ba Bến Tre... của Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Mỹ Châu, Thanh Nga, Bạch Tuyết, Hồng Nga... giọng ca của các bạn Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Minh Cảnh ...

Năm 1938(lúc tôi được 16 tuổi), tôi đã mê nghe giọng ca của cô Tư Sạng, cô Ba Bến Tre, cô Tư Bé...Hãng thu đĩa nhựa Béka, Pathé thu vào đĩa tuồng « *Túy Hoa Vương Nữ* », « *Uyên Ương bạt gió* » « *Gái trợn nghĩa tình* », « *Quan Âm Thị Kính* », « *Hoa Rơi cửa Phật* » « *San Hậu* »... và các đĩa vọng cổ « *Đêm khuya trông chồng* » « *Khóc bạn* » « *Song the chiếc bóng* »...

Giọng ca của cô Tư Sạng, vời vợi xa như kể lể nỗi niềm sầu tư một cách chân chất, ru hồn mà không bi thương áo nảo. Đêm khuya nhìn bóng vạc, nghe tiếng vạc kêu sương, một mình trong đêm vắng trông đợi người chồng xa, giọng cô Tư Sạng buồn mà không thảm, tha thiết mà không nảo nùng. Ca sĩ đã bắt được cái mạch của người sáng tác « *Đêm khuya trông chồng* ».

Đã hơn 70 năm qua rồi, tôi vẫn nhớ câu ca: « *Đêm khuya mờ mịt bóng vạc về... Mà người thiếu phụ trông chồng còn lẳng ngời bên nhịp cửa song. Đưa tầm mắt nhìn chiếc vạc, mà mạch cảm hoài tự bao giờ đã chảy...* »

Hai từ « đã chảy » cuối câu, cô Tư cất lên thì thiết rồi dần dần chìm trong tiếng đờn, như thể tiếng đờn và giọng ca quyện chặt vào nhau thành một khối u buồn của người thiếu phụ ôm ấp nỗi đau, khiến cho người nghe xúc cảm, xót xa bồi hồi.

Ngay từ nhịp hò đầu, cô Tư buông lơ lơ như giọt sương rơi trên lá: « *Đêm khuya mờ mịt bóng vạc về...* » Nhịp điệu khoan thai có vẻ mơn mõi ấy cho đến song lang nhưt: « *Mà người thiếu phụ trông chồng còn ngời bên nhịp cửa song...* » Dừng một chút ngân nga, cô

Tư giản dần mấy nhịp « *Đưa tầm mắt nhìn chiếc vạc...* » Rồi thần thờ buông xuống chữ «...mà...» như tiếng thờ dài, để rồi thánh thót cất lên hai từ « *đã chảy* » làm rúng động tận nơi sâu thẳm lòng người.

Nhớ giọng ca cô Tư Sạng, không chỉ ở giọng ca trữ tình, truyền cảm, chân chất, khoan thai mà chỗ ngân, chỗ nghỉ, chỗ luyến, chỗ lướt, buông rơi...đầy nghệ thuật.

Tôi phân tích một câu ca của cô Tư Sạng để chỉ cho hai cháu Kim Oanh và Kim Trúc thấy rằng trong một câu vọng cổ, từng lời, từng chữ đều ẩn chứa nội tâm của nhân vật hay cái tinh túy của câu chuyện được kể trong bài ca.

Theo dòng thời gian 90 năm phát triển của bài ca vọng cổ, từng thời kỳ, có sự sáng tạo của ca sĩ và sự đóng góp của nhạc sĩ, soạn giả, cách ca vọng cổ có phát triển hay bị thoái hóa do ảnh hưởng của thời cuộc rất nhiều. Vì phạm vi hạn chế của một bài báo nên tôi cô đọng những nét lớn trong cách ca vọng cổ qua các thời kỳ như sau:

1 / - Từ khi được khai sanh đến thập niên 30 – 40, bài ca Vọng cổ với nhịp 2, nhịp 4, nhịp 8, nhịp 16, thường là kể về tâm sự của một nhân vật nào đó, lời văn ngắn nên cách ca rất tự nhiên, dung dị như một người từng trải, cay đắng mùi đời, kể lẻ nổi buồn riêng. Giọng ca như kể chuyện có nhạc đệm, mang âm hưởng: **Man mác, băng khuâng, chứa chan, phiền muộn, xót xa.** (*các b à Đêm khuya trông chồng, Khóc Bạ, Biệt Ly Sầu, Song the chiếc bóng, Văng vẳng tiếng chuông chùa, ...*) Khi được đệm với tiếng đàn sến độc chiếc của nhạc sư Sáu Tùng thì lời ca quyện vô tiếng nhạc nghe như tức tưởi, như nấc như nghẹn, như tiếng mưa rơi chậm chạp trên mái lá canh khuya. Như trong bài ca « *Khóc Bạ* » cô Ba Bến Tre đã ca như kể lể, vừa tức tưởi, vừa ngậm ngừng, uất nghẹn lời ca Khóc Bạ bên nấm mộ hoang... « *Tôi khóc đã lắm phen rồi...mà hồ lệ bên lòng chẳng đặng rơi, Trái tim nát tan, tâm sự đắng cay càng ngày càng cay đắng.* » *Bến nước làn mây chia rẽ lứa đôi...*

2 / - Từ thập niên 50 , 60, 70, chiến tranh Việt – Pháp chấm dứt, thời kỳ hòa bình vừa được lập lại, sân khấu cải lương và trong địa hạt ca vọng cổ thu đĩa xuất hiện nhiều danh ca trẻ, nhiều lối ca mới khi vô vọng cổ hay khi ca trong lòng câu vọng cổ. Các nhạc sư, nhạc sĩ và soạn giả nhận thấy bài vọng cổ khác hơn những bài cổ nhạc khác, được người trong giới nghệ sĩ lẫn khán, thính giả ưa thích hơn những bản cổ nhạc khác.

Vì một lẽ rất đơn giản là chỉ có bài Vọng cổ mới hội đủ các làn điệu: Xuân, Ai, Bắc, Oán, rồi nào là giọng Huế, giọng thơ, giọng thơ Vân Tiên, giọng hò Đồng Tháp, giọng thơ Tao đàn. Cho đến lời ca viết theo điệu hải hước hoặc ghép hai dòng tân và cổ nhạc để tạo thành một loại tân cổ giao duyên, cũng được mọi người ưa thích.

Nếu như Vọng cổ cứ mãi như bài Dạ Cổ Hoài Lang « *Từ phu tướng* » thì Út Trà Ôn ca cũng vậy, Hữu Phước, Thành Được – Út Bạch Lan ca cũng vậy, nhạc sĩ Sáu Tùng đờn: Hò là xang xê công, nhạc sĩ Bảy Bá cũng đờn : Hò là xang xê công, thì không ai thêm thắt gì được. Không ai trở ngón nghề, hoa lá gì được, mà bài vọng cổ cũng không được nhận là một bản nhạc vua trên sân khấu cải lương.

Về nhịp thì từ nhịp 2 của Dạ Cổ Hoài Lang, khi tiến tới cái danh xưng Vọng Cổ, Vọng cổ đã từng bước thường đến bước chân vạm dậm, từ nhịp 2, rồi nhịp 4, nhịp 8, nhịp 16 đến nhịp 32, 64, 128 rồi định hình ở nhịp 32.

Về nhạc thì nào là hò nhứt, hò nhì, hò ba, hò tư, hò năm, dây Bắc Oán, dây Nguyệt Diệu, dây Saigon, dây Rạch Giá, dây Ngân Giang, dây bán Ngân Giang...

Về lời ca thì có biết bao bài ca Vọng cổ như muôn ngàn cánh hoa rực rỡ muôn màu: nội dung xã hội, hương xa, tình sử, quê hương, tâm tình...những bài ca với lời văn chải chuốt,

mượt mà, theo gió bay khắp muôn phương, đến mọi miền đất nước và đến cho cả đồng bào tha hương ở hải ngoại.

Về nghệ sĩ, danh ca, mỗi người có một giọng ca đặc biệt, một lối hay riêng, một làn hơi không lẫn lộn với người ca khác. Dù ở xa, nghe ca văng vẳng cũng nhận được giọng người đang ca trong đĩa là ai.

Các giọng ca của nghệ sĩ Út Trà Ôn, Hữu Phước, Thành Được, Hùng Cường, Tấn Tài, Minh Vương, Minh Cảnh, Minh Phụng... mỗi người một vẻ, mỗi người có nét hay riêng, sở trường riêng. Về các giọng ca nữ, Thanh Hương, Út Bạch Lan, Ngọc Giàu, Mỹ Châu, Thanh Nga, Ánh Hồng, Bạch Tuyết... mỗi người có cách ca, cách luyện láy, ngâm nga đặc biệt thu hút người nghe. Chỉ có một điểm giống nhau là ca sĩ nào cũng ca nghe lời văn rõ ràng, làm nổi bật được nội dung bài ca, làm cho câu văn long lanh như sóng gợn biển chiều ít gió, chỉ có làn mây xám ngắt và biển muôn trùng, vời vọi quanh hiu. Giọng ca nữ ngày xưa như chất chứa bao nhiêu ai oán, ưu phiền. Từng chữ từng lời da diết, thướt tha, sâu muộn. Mỗi người một vẻ, làm cho vườn hoa nghệ thuật cải lương và vọng cổ thêm ngát hương, thắm sắc suốt gần trọn thế kỷ qua.

Tôi giới thiệu một ít bài vọng cổ, câu văn nói lối trước khi vô vọng cổ để các bạn thấy được sự thâm trầm thiết tha trong lời văn ý nhạc vọng cổ;

Trong bài ca « Ông lão chèo đò » có chèn vào lối nói thơ Vân Tiên:

*Con nước mơ màng, mây vẫn vơ,
Thì còn lão với một con đò
Có tiền mua lấy vài chai rượu
Nhấp rượu xong rồi, lão nói thơ:*

*(Thơ Vân Tiên) Linh đình trời rộng sông dài
Đò ngang một chuyến lần hồi sớm trưa
Chiều rồi nghỉ một chuyến đưa
Nằm nghe lá rụng như mưa trên đò
Cơm ngày hai bữa câu no
Dám đâu bàn chuyện cơ đồ viễn vông
Đời này có cũng như không
Sớm còn tối mất bận lòng mà chi.*

Vọng cổ câu 1 : Còn nước còn non thì nơi bến cũ vẫn còn trơ một ông lão.... đưa...đò...

Một câu nói lối gát vô vọng cổ (tuồng Thái Hậu Dương Vân Nga) Bà cố mẫu sọ Dương Vân Nga trao quyền cho Thập đạo tướng quân, khi tỳ nữ dâng trà, trước mặt thái hậu Dương Vân Nga, bà đổ nước xuống đất và ca:

« Nước đã đổ rồi, có hót lại được đâu? Hẳn là con dâu của Mẹ cũng nghe qua lời xưa tích cũ. Kìa, nước thấm thêm hoa, nước đi vào lòng đất để tìm lại gốc cũ người xưa. Con ôi! cội nguồn họ Đinh, xuất phát từ nơi mẹ vừa đổ nước. Trên mảnh đất ướt mà mẹ con ta đang đối mặt nhìn nhau. Nơi đây bây giờ cửa cuốn rèm che, chớ trước kia là hang sâu động thẳm, nơi mà người mẹ góa đầu đội mưa nguồn, chân leo dốc vắng, tháng ngày lặng lẽ, thất lưng buộc bụng làm lũi nuôi con cho đến khi con khôn lớn nên....

(Vọng cổ câu 1) ... người... Chung quanh ta xưa kia hoa lao san sát non ngàn... Nhớ thuở thằng bé bẻ lau làm cò tập trận. Trâu thả lưng đèo, vắt vẻo tiếng sáo khuya, chỗ này xưa kia chỉ là mái tranh nghèo, gió lùa vách núi từng cơn, mẹ góa con cô, sống kiếp mục đồng, học điều nhân nghĩa....

Danh ca Hữu Phước đã ca hai câu vọng cổ, tâm sự của một nhà sư trẻ bị lời quyến rũ của một cô gái đẹp và sang giàu, nhà sư trẻ gói lòng mình qua hai câu vọng cổ trần tình với cô gái trong tuồng *Giữa Chón Bụi Hồng*:

« Tiểu thư ôi! Tôi tự biết mình trí não ngu si nên khó trở thành thoát nhiên đại ngộ. Nhưng mười bốn, tai đã quen hồi chuông tiếng mõ, mũi đã quen mùi hương bông vạn thọ, bông trang, mắt đã quen nhìn loài thỏ múa băng quơ khi thấy ánh trăng vàng, và bầy hạc rĩa lông dưới cội tùng bình thản. Ngũ Vân Tự sống âm thầm như quên ngày quên tháng, chỉ có bầy dơi quạ đong đưa trên cành vắng, lâu lâu giật mình buông cánh khi chùa ở non sâu lạnh lẽo...»

Câu vọng cổ 1 / ... *tiếng chuông hồi... Với muối dưa rau cỏ, người xuất gia cũng đã quen rồi... Nay Tiểu thư nào buộc tôi phải về với thị thiên lắm ngựa nhiều xe thì chẳng khác gì người thả con thuyền không người lái trôi giữa sông mê, chuyện lợi danh như sóng bủa tư bề, còn lòng dục vọng để đắm người như con nước xoáy.*

Trong thập niên 50, 60, 70, khi thường thức những vở tuồng cải lương hoặc nghe ca vọng cổ, khán giả và ký giả kịch trường có quyền phê bình và góp ý với nghệ sĩ hay bầu gánh. Nếu khán thính giả và ký giả kịch trường chê tuồng dở, ca sĩ ca vọng cổ không hay, văn chương và nội dung không đáp ứng cảm xúc của khán, thính giả thì đoàn hát sẽ mất khách, nghệ sĩ không được ái mộ; gánh hát có thể rã, nghệ sĩ không được tái kỳ hợp đồng hát cho gánh hát đó. Vì vậy tác giả sáng tác các vở tuồng, các bài ca vọng cổ đều nghiên cứu kỹ, thận trọng, chăm sóc cách hành văn, hoàn thiện cốt truyện và nội dung vở tuồng hay bài ca. Nghệ sĩ không ngừng luyện giọng ca, nghiên cứu cách ca diễn sao cho hay nhất, làm cho khán giả say mê thưởng thức những tuyệt phẩm nghệ thuật sân khấu.

3 / - Thời kỳ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Miền Bắc chiếm được miền Nam, họ áp đặt một chế độ toàn trị ở miền Nam. Tất cả ruộng vườn, nhà máy, hãng xưởng, mọi phương tiện cơ giới giao thông vận tải, chợ búa, các tiệm quán lớn hay nhỏ, trường học, rạp hát, gánh hát, báo chí, đài phát thanh, hãng thu đĩa... đều bị đảng và nhà nước CS tịch thu. Bác Sĩ, kỹ sư, công nhân, giáo chức, công chức, nghệ sĩ đều phải chịu dưới quyền sai xử của đảng. Vì vậy không có tự do báo chí, không có ai có quyền viết báo góp ý hay phê bình điều chi khác với các quyết định của đảng.

Về sân khấu, đoàn cải lương Trung Hiếu do Sở Công An thành phố dựng lên, đoàn này hát tuồng với hai diễn viên chuyên ca vọng cổ dài hơi là Phượng Hằng và Châu Thanh. Xin trích một câu vọng cổ dài hơi tuồng *Vụ Án Mã Ngưu* để khán thính giả và độc giả trang báo thưởng thức trình độ văn hóa của các nhà cầm quyền CS:

Phượng Hằng trong vai Thục Oanh trong tuồng *Vụ Án Mã Ngưu* ca dài hơi vô một câu vọng cổ :

... Ông ơi! Thế lực trong tay chung quanh biết bao kẻ chực chờ để cho ông ban cho dịp may hầu hạ chớ có đáng chi một nhan sắc tầm thường mà ông ra tay chiếm đoạt để thiên hạ dèm pha coi thường người hảo hớn để tan nát tình yêu hai mái đầu xanh không phút rời xa đã nguyện thề bao nhiêu không bao giờ thay đổi dù cho non mòn biển cả không phai tình đâu ai nỡ ngăn đôi làm tội lắm ông ơi tội lắm ông ơi chỉ xin đừng chia rẽ mối duy ên...

vọng cổ câu 1 / - ... đầu... Trăm lạy ông ngàn lạy ông xin đừng gây chi cảnh cơ câu... công ơn ấy như trời như biển như trọn đời tôi ghi tạc trong tim. Xin ông đừng chia rẽ mối lương duyên để cho chúng tôi được tròn hạnh phúc, nếu xảy ra điều bất hạnh sau phúc dày vò giết chết đời con gái..

Câu vọng cổ ca dài hơi 99 chữ mới đến chữ Hò vô vọng cổ. ca sĩ P. H ca như tụng kinh, đi luôn một hơi, không chấm không phết, không cần biết ý nghĩa của câu hát, văn chương của câu vọng cổ này và nhiều câu vọng cổ dài hơi trong tuồng *Vụ Án Mã Ngưu* đã kéo thụt lùi nghệ thuật sáng tác tuồng cải lương đến mức khán giả nghĩ là văn chương cải lương là một thứ rơm rác, hạ cấp. Một thứ văn mà cô đào chánh hát lên không có dấu chấm, dấu phết, ý nọ xen ý kia, nhai đi nhai lại một ý, chỉ nhờ vào cái lạ ca dài hơi của P. H và C. T mà đoàn cải lương của Sở Công An thành Hồ hốt bạc.

Năm 1987, đoàn cải lương Bông Hồng Vàng ở Hậu Giang, hát tuồng *Ai Làm Vua*, của một cán bộ Sở VH TT tỉnh. có một câu vọng cổ dài hơi khác đáng ghi vào kỷ lục thế giới về tài bôi lọ văn chương cải lương: tuồng kiếm hiệp, cô đào chánh sau 18 năm gặp lại người tình cũ ca dài hơi:

*Chàng ơi! chàng ơi! chàng ơi! Dù mười tám năm qua như sông dài biển rộng, em vẫn giữ tình chàng như dù với lọng, như mộng với mơ, như tơ với tóc, như ốc với cua, như ăn với thua, cuộc đời dù có te tua em cũng đành cam chịu, biết liệu làm sao như máy bay bay cao cao vút giữa
vô vọng cổ 1 / - ... lưng trời...*

Khán giả la lớn: « Chờ » ơi! *Vọng cổ hay quá « chờ »!*

Rồi họ ùn ùn ra khỏi rạp vì sợ nhiễm câu ca như ốc với cua như ăn với thua, họ ngồi trong rạp hát xem hết tuồng chắc là phải te với tua!...

Sau năm 1975, báo chí là của đảng, ký giả là cán bộ và đảng viên, họ không có tự do ngôn luận, chỉ được phép viết khen vì đó là định hướng chính trị của đảng, không được phê bình chê, vì vậy mới có lối viết và ca vọng cổ dài hơi như vừa kể.

Tôi có cảm giác âm điệu vọng cổ như có linh hồn, mỗi lần nghe ca, tôi nhớ cha mẹ, bà con thân tộc, nhớ bạn bè nghệ sĩ đồng nghiệp, nhớ cả cái tỉnh Mỹ Tho xa xôi nghìn trùng... tôi nhớ lại một thời vàng son của sân khấu cải lương trước năm 1975 và nhớ mãi cái thời kỳ dấy chết của sân khấu miền Nam sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, dưới gọng kềm của các đảng đỉnh cao trí tuệ của loài người!

Nguyễn Phương

Thầy Bùi Văn Mạnh Và Tôi

Huỳnh Chiểu Đăng

Tôi gặp Thầy Mạnh vào những ngày mới bước chân vô lớp Đệ Thất Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu. Lúc đó vào giữa thập niên 1950, học sinh Nguyễn Đình Chiểu hầu hết mặc quần xà lỏn áo bà ba hay áo tay cụt mang guốc mà đi học. Riêng tôi khi sắp tới cổng trường mới xỏ chân vô đôi guốc, còn suốt con đường từ nhà tới trường thì đi chân không cho nó đỡ mòn guốc và thoải mái hơn. Với đứa trẻ con như tôi thì chuyện lội bộ chân trần đi học hay đi chơi vài ba cây số là chuyện thường, đa số trẻ con lúc đó đâu có xe đạp. Vậy mà trong lớp học của tôi có một anh bạn đi học mặc quần tây trắng, áo chemise trắng bỏ vô quần, đi giày trắng, nhìn anh thấy trắng từ đầu tới chân, khi sắp hàng vô lớp nhìn anh y như con cò trắng lạc trong bầy quạ đen. Anh là con của một ông giáo.



Xin độc giả lưu ý là tuy nhan đề là thầy Mạnh và tôi, nhưng thực ra cũng có thể lấy nhan đề là hình ảnh một học sinh vào đầu thập niên 1950.

Một sáng Chủ nhật đẹp trời tôi đi từ nhà đến nhà lồng chợ Mỹtho con đường dài khoảng một cây số. Khi đi đến góc đường Thủ Khoa Huân và Lê Lợi (tên đường trước năm 1975), vừa quẹo qua đường Lê Lợi tôi gặp ngay Thầy Mạnh đang đứng chắp tay sau lưng trước nhà (do nhà nước cấp cho giáo sư ở), hồn vía lên mây, tôi khoanh tay cúi đầu miệng nói: “Thưa thầy”. Học trò thời tôi gặp thầy giáo là chào kiểu này hay ít ra là vì trước đó tôi đi học ở nhà quê nên quen rồi. Quý bạn trẻ không biết chớ ngày xưa học sinh sợ thầy lắm, sợ tự nhiên, không phải tại ông Thầy dữ dằn đâu (ờ mà ngẫm lại quý thầy giáo ngày xưa dữ thiệt chớ chẳng chơi). Bao giờ học trò cũng “né” đến những chỗ dễ gặp quý thầy, thấy dáng thầy đi từ xa là chuồn liền. Tôi “đụng” thầy Mạnh là vì tình cờ

mới quẹo ngay góc đường, chớ nếu mà tôi thấy trước thì làm gì thầy thấy tôi nổi, tôi lặn liền.

Thầy Mạnh hỏi “Đi đâu đó mậy?”, thầy đâu có biết tôi, tôi đâu có học với thầy trong Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu, tôi học Pháp Văn với thầy Dinh mà, tại tôi khoanh tay chào mới ra nông nổi. Tôi trả lời “Dạ con đi chợ”. Thầy bảo “Vô ngồi đây mậy”. Tôi riu riu bước qua ngạch cửa thấy có ba bốn chú nhóc con như tôi đang ngồi đó mặt mày buồn hiu, thầy chỉ ghé tôi ngồi xong bước ra cửa đứng “canh” tiếp. Tôi thắc mắc trong lòng sao ông Thầy kêu vô đây ngồi mà chẳng nói lý do. Một lúc sau thầy bắt được một đĩa nữa, vào ngồi xong rồi thầy lấy ra một xấp giấy tây gạch hàng sản trắng mịn, đặt trước mặt mỗi đĩa một tờ. Xong đĩa mỗi đĩa một cây viết với vài cái bình mực để trên bàn (lúc đó chưa có viết BIC). Ôi nhìn tờ giấy trắng tinh nhìn lại đôi bàn tay bùn đất đen đúa của tôi thấy thiệt là tréo ngoe, tay tôi mà đụng tới đâu là lem tới đó. Đang phân vân trong lòng thì thầy nói bây giờ thầy đọc “đít tê” cho các trò viết. Trời đất qui thân ơi, chết tôi rồi, cái môn mà tôi sợ gần chết giờ đây hiện ra chình ình trước mặt, khổ quá chừng. Thầy Mạnh mở sách ra đọc. Tiếng Tây của ông nghe rôm rốp mà tôi nghe y như nghe tiếng “Ma Rốc”, biết viết sao đây. Khổ một nỗi là ông đứng sau lưng tôi vừa đọc vừa nhìn tôi viết, lập lại vài lần mà viết còn sai là ông gõ cây thước vuông gỗ mun lên đầu cái cốc. Thầy nói đọc “đít tê” mà, sao bây giờ đầu con cũng tê luôn. Run ơi là run, trống ngực đánh thùng thùng. Đó là cuộc gặp gỡ đầu tiên của tôi với ông Thầy, thiệt là hãi hùng. Sau này những lần đi ta bà về hướng nhà lồng chợ tôi đâu có dại để cho ông thầy nhìn thấy nữa.

Rồi từ đó trở đi tôi gặp ông Thầy hoài, lần nào cũng vui y như vậy, ngay khi qua Mỹ này rồi cũng còn gặp thầy trong hoàn cảnh nửa cười nửa mếu. Xin tạm dừng chuyện thầy Mạnh và tôi ngang đây để tôi kể thêm cho quý độc giả trẻ biết hoàn cảnh của học trò ở đồng (nhà quê) như tôi thời thập niên 1940 và vì sao tôi sợ môn tiếng Pháp. Tôi vốn là “dân ruộng chân phèn” đâu có học hành chi đâu, làng tôi ở làm gì có trường học. Cha mẹ phải cho đi học ABC tại một ngôi Chùa. Mới có năm sáu tuổi sợ ma gần chết mà bị bắt nhét vô Chùa chung quanh toàn là lùm bụi mả mồ tứ tung, học hành làm sao cho nổi. Nhớ lại mỗi khi trời chiều thấy mây đen bao phủ chân trời là lòng hồi hộp lo âu. Số là cách Chùa một khoảng ngắn, trên đường về, có cái mả đá với hai cây dương cổ thụ thật cao,

đây là nơi tôi sợ nhất, cây cao ắt có quỉ ở trên đó. Con đường trải đá đỏ từ Chùa về nhà chùng non một cây số, chung quanh là đồng ruộng, chiều tối là nhái bầu kêu ngắc nga, nghe thật thê lương. Người lớn đi một mình chắc còn thấy ớn ớn, nói chi trẻ con mới 5 tuổi như tôi. Một chiều nọ mưa giông sấm chớp vang trời, bỗng nghe tiếng nổ kinh hồn như sấm bên tai. Người lớn chạy ra cửa Chùa nhìn một chút rồi vào bảo “Cây dương ở gò mả đá bị Trời đánh tét làm hai rồi, chắc Trời đánh con quỉ ở trên đó”. Nghe vậy tôi càng run, chút nữa tan học ra về, biết tính sao đây. Trường học chi mà chi có mình tôi là học trò, phải chi có năm ba đứa cùng về thì đỡ sợ biết bao nhiêu. Rồi thì cũng phải về. Cởi cái áo ra, bó cuốn vở vào trong cái áo, mình trần đông ra khỏi Chùa, mưa rơi trên đầu. Quí độc giả trẻ không biết chớ chuyện dầm mưa với cái quần cụt chân đất là cái thú của trẻ con nhà quê như tôi. Tụi tôi coi mưa nắng như pha, sống y như cục đất. Đường vắng hoe, mưa rơi rả rít, trời âm u, mây đen kịt. Tôi vừa đi vừa chạy, nghe trống ngực đánh thình thịch vì sợ ma. Khi đến gần ngôi mả đá ven đường thì tôi nhắm mắt lại, cầm đầu chạy một mạch, càng qua nhanh càng tốt. Ủa mà hình như có ai rượt sau tôi thì phải, tôi nghe tiếng chân ai chạy theo mà. Biết vậy nên tôi càng chạy nhanh thêm, không dám nhìn lại, không dám mở mắt. Lạ là sao tôi không té, không lọt xuống ruộng. Chạy mấy phút mà lâu như cả giờ, mở mắt ra thấy vừa qua khỏi khu mả đá, phía trước lại có bóng người đi tới, mừng ơi là mừng. Đến gần té ra là ba tôi thấy trời mưa đi đón tôi về. Đó là hoàn cảnh học hành của trẻ con ở đồng tại Gò Công vào thập niên 1940. Đầu thập niên 50 chạy giặc lên thành phố Mỹtho, vì to đầu bị đẩy vô lớp Sơ Đẳng (lớp ba) trường Cầu Bắc Mytho (do thầy Nguyễn Văn Đạt làm hiệu trưởng, hiện định cư tại Little Saigon). Chữ Quốc Ngữ chưa đọc thông, nói chi chữ Tây chữ U.

Nhớ kỹ hình như tôi không có học Pháp Văn chánh thức với thầy Mạnh, nhưng khi tôi về dạy học tại Trung Học Kiên Hoà (năm 1962) thì thầy Mạnh làm hiệu trưởng. Thầy trò đều có nhà ở Mytho, mà phải đi dạy ở Bến Tre nên thường gặp nhau trên cùng một chuyến bắc, cùng một chuyến xe lô hoặc xe lam nên càng thêm thân tình. Lúc đó Tổng Thống Ngô Đình Diệm phát động phong trào Thanh Niên Cộng Hoà cùng lúc lấy Bến Tre làm thí điểm về Áp Chiến Lược, Tổng Thống thường đi kinh lý về đây. Chiều tối hôm trước ngày Tổng Thống xuống, học sinh và giáo sư được lệnh tập trung tại sân đình tỉnh trưởng Bến Tre. Học sinh mặc đồng phục, giáo sư mặc đồng phục xanh của Thanh Niên Cộng Hoà. Tất cả vừa ngồi dưới đất vừa coi “văn nghệ” vừa đập muỗi. Thôi đừng đập muỗi nữa bà con ơi. Máy anh chị nghệ sĩ nghe tiếng đập muỗi tưởng là tiếng khán giả vỗ tay sẽ hứng chí biểu diễn suốt đêm thì “chết cả đám”. Khi chương trình văn nghệ dứt thì trời đã khuya, nhiều người ngồi dựa lưng nhau mà ngủ gà ngủ gật. Đến gần sáng thì xe nhà binh chở vào một khu Áp Chiến Lược nào đó. Ngôi xe nhà binh cũng run lăm, ban đêm ban hôm rất dễ bị tai nạn vì mìn nổ. Trời vừa bình minh là học sinh và giáo sư cùng dân cán chính đã có mặt dàn chào ngay hàng thẳng lối, đứng ngay vị trí phơi nắng ngóng cổ chờ Tổng Thống tới làm lễ. Thường thì máy bay trực thăng của Tổng Thống đến khoảng 10 giờ sáng. Sau nghi lễ đọc diễn văn, đi diễn hành, là Tổng Thống lên máy bay ra về. Đây cũng là dịp để tôi cùng các em học sinh được nhìn Tổng Thống thật gần. Tan buổi lễ học sinh, giáo sư và dân cán chính đi rải ra mọi chỗ để tránh nắng chờ xe nhà binh lần lượt chở về. Thầy Mạnh lúc đó cũng sồn sồn rồi, thức một đêm, dang nắng nguyên buổi sáng đầu chịu thấu cho nên lò dò lại cái chợ chồm hổm, leo lên thớt thịt, trái cái áo mưa nằm dài, trông thật buồn cười. Dưới mắt học sinh và giáo chức, hiệu trưởng phải oai lẫm chớ đâu nằm dài trên thớt thịt. Thật ra thì chẳng ai cười thầy cả, vì thầy rất được lòng giáo sư và học sinh, phải nói là thầy quá hiền. Gọi là thớt thịt chớ thiệt ra trong làng có mấy khi bán thịt heo, do vậy chẳng có chi là dơ bẩn.

Trong thời gian tôi dạy học ở trường Trung Học Kiến Hoà có rất nhiều chuyện vui về ông Thầy Mạnh của tôi. Xin kể thêm một chuyện. Anh Trần Công Danh (hiện ở Mỹtho) được bổ nhiệm về dạy ở trường Trung Học Kiến Hoà. Sáng hôm đó anh Danh mặc quần xanh áo trắng y như đồng phục nam sinh vào thời này, chỉ khác là anh Danh không bỏ áo vào quần theo nội qui bắt buộc. Ông hiệu trưởng Mạnh niềm nở đón tiếp ông giáo sư trẻ, hỏi thăm gia cảnh có vẻ thân tình lắm rồi dẫn anh Danh qua phòng kế toán giới thiệu để làm thủ tục giấy tờSau đó anh Danh một mình đi quanh trường cho biết. Đang lang thang trong sân trường thì chuông báo hiệu giờ chơi rung lên, học sinh túa ra sân. Anh Danh đang đi bị ông Hiệu Trưởng đứng trước văn phòng ngoắc lại và nói: "Ê trò, trò có biết nội qui trường phải mặc bỏ áo vô quần không, coi chừng tui phạt trò đó nghe". Anh Danh nhỏ nhẹ nói là anh mới vừa trình diện với ông xong. Ông Hiệu Trưởng tinh bơ: "Ừa vậy hả, xin lỗi ông giáo sư". Từ đó có một số bạn bè giáo chức gặp anh Danh dùng hai chữ *Ê Trò* thay cho lời chào. Không biết ông Thầy Mạnh muốn "chọc quê" anh Danh hay sao, mới gặp mười phút trước đó sao mà quên được.

Sau này khi qua Mỹ định cư rồi, mỗi lần gặp ông Thầy là mỗi lần có chuyện vui, xin kể tiếp. Lần nọ tôi có dịp lên San Jose chơi, muốn thăm thầy Mạnh ở tại thành phố Fremont, cách San Jose 20 miles. Tôi gọi điện thoại gặp thầy ở nhà. "Ê bồ có rảnh lên tôi



ăn cơm đi". "Tụi em không có xe, có cách nào đi xe bus lên thầy được không". "Không sao đâu. Bồ đi xe bus lên ga xe BART, xong lên chuyến xe bus số x, xuống tại góc đường y, xong đi vô khu apartment tên z, tìm căn số vvv, ở đường này này, để tìm lắm". Tôi ghi hết vô giấy. Sáng bữa sau hai cha con theo lời mua vé xe bus lên nhà thầy Mạnh. Lạ không, cái số nhà rành rành ghi trên giấy đây mà sao vô cái khu apartment của ông Thầy đi mỗi chân vẫn tìm không ra, vậy mà trong điện thoại ông Thầy nói dễ tìm lắm. Sao mà hàng ngang dãy dọc căn nào cũng giống y nhau.

Cuối cùng rồi cũng gõ cửa được nhà ông Thầy. Ăn cơm trưa xong thầy phụ cô dọn dẹp, cha con tôi đâu thể làm khách, nhào vô dọn phụ. "Ê bồ, bây giờ mình đi xe BART lên San Francisco chơi đi bồ". Nghe nói xe chạy qua đường hầm dưới biển cha con tôi cũng muốn biết coi ra sao, có ông Thầy là dân địa phương ở đây lâu hướng dẫn thì an tâm biết bao nhiêu. Hai cha cha con tôi theo thầy cô đi xe bus ra bến xe BART, vào mua giấy đi San Francisco, cách Fremont 40 miles. Tới nơi cha con theo chân thầy cô đi dạo phố San Francisco, ngó ngàng y như Tư Éch đi "Thầy Gòn". Chợt thấy chiếc "xe lửa treo" chạy tới, ông Thầy nói: "Bây giờ mình leo lên xe này đi ra bờ biển chơi đi bồ". Khi chiếc xe dừng lại trạm thầy cô leo lên xe, cha con tôi hết chỗ, không "đeo" lên xe kịp. Ông thầy nhấn với lại: "Thôi bồ chờ chuyến sau đi, tui tôi lên đó trước, xuống xe chờ bồ". Còn biết nói sao bây giờ. Cha con tôi lên chuyến xe kế, chừng 5 phút sau, ra tới bờ biển (chỗ hẹn) leo xuống. Người đi đông nghẹt, nhìn tới nhìn lui chẳng thấy thầy cô đâu cả. Cảnh đẹp hàng quán chung quanh đâu còn lòng dạ nào ngắm nhìn tới nổi, chỉ lo lằng cổ kiếm cho ra ông Thầy. Cả giờ đi tới đi lui mỗi chân chẳng gặp. Thôi thì cha con đành vừa đi dạo phố vừa tìm thầy cô, chắc hai ông bà cũng đi loanh quanh ở đây chớ đâu, thế nào rồi cũng gặp, ông Thầy đã nhấn với như vậy mà. Đi một hồi gặp cái điện thoại công cộng, cha con góp bạc cắc bỏ vô, sao nó đòi nhiều quá vậy cà, quay số điện thoại về nhà ông Thầy câu may. Nghe giọng ông Thầy trong điện thoại "Alô" tôi *tá hoả*: "Ừa thầy về nhà rồi sao?". "Ừ, về rồi này giờ, thôi bây giờ chiều rồi, bồ lên xe BART trở về nhà tui ngủ đi, sáng mai hãy về San Jose. Giờ này không còn xe bus về San José đâu bồ".

Ông Thầy ơi ông Thầy, sao ông đành đem tụi em bỏ giữa chợ San Francisco vậy thầy, tụi em mới qua Mỹ còn khờ cam giờ biết làm sao tìm được đường về tới San Jose đây! Lúc nãy thầy cô dẫn đâu cha con tôi đi đó, bây giờ nhìn lại đường xá chẳng biết bến xe BART nằm nơi đâu mà tìm đến. Có về được tới Fremont thì cũng hết xe bus về San Jose. Cuối cùng cha con cũng mò tới được bến xe BART để mua vé về Fremont. Ngồi trên xe BART vừa lo sợ xuống xe không đúng trạm vừa lo sợ hết xe bus trở về San Jose. Mà chiếc xe BART này cũng kỳ, lúc đi muốn mầy chạy chậm để ngắm cảnh thì mầy chạy mau quá, giờ đây muốn mầy chạy nhanh nhanh may ra còn xe bus thì mầy lại cà rịch cà tang. Khi xe BART tới bến thì còn chuyển xe bus cuối cùng về San Jose. Đi chơi với ông Thầy thiệt là đúng tim!

Một lần nọ ông Thầy từ vùng San José xuống Los Angeles thăm con. Ông gọi anh Kiều Văn Chương (giáo sư trung học Kiến Hoà cùng thời với tôi, ở gần đây) lên Los chờ thầy xuống thăm tôi. Nghe điện thoại mà cảm động biết bao nhiêu. Ba thầy trò ngồi ăn cơm chiều nhắc chuyện xưa lúc còn ở dạy tại Trung học Kiến Hoà vui lắm. Ông thầy chêm tiếng Anh um sùm y như lúc đọc “đít tê” bằng tiếng Pháp. Tôi hỏi thầy già rồi học tiếng Anh làm chi cho cực, ông Thầy nói “Minh phải học chớ bỏ, học cho đầu óc trẻ trung. Tui gặp mấy bà đầm Mỹ tui nói chuyện bằng tiếng Anh mấy bà phục tui lắm”. Ông thầy dạy tôi rằng với ngoại ngữ muốn nói giỏi thì phải nói to lên chớ nói lí nhí thì không được. Xong ông Thầy biểu diễn liền mấy câu tiếng Anh um sùm lồi xóm. Ông mà chêm thêm hồi nữa hàng xóm Mỹ nghe không ra cứ tưởng trong nhà tôi gây lộn gây lạo dám kêu cảnh sát lắm.

Đến khoảng 10 giờ đêm, ông Thầy bảo anh Kiều Văn Chương về đi, ông Thầy ngủ lại với tôi, sáng đèn rước rồi chờ ông về. Tôi giật mình nghĩ bụng chết em rồi thầy ơi, sao lúc gọi điện thoại ông Thầy không cho hay sớm để em thu xếp. Căn apartment của tôi ở Anaheim nhỏ xíu, không có giường, gia đình tôi bốn người nằm ngủ trên nệm mua garage sale bỏ trên sàn nhà. Bây giờ biết để ông Thầy ngủ nơi đâu coi cho được đây. Nhớ lại lần nào gặp thầy Mạnh đều lâm vô cảnh miệng cười méo xẹo hết, vui thiệt. Mà đâu đã hết chuyện. Cả nhà thu dọn để ông Thầy có chỗ nằm coi cho được. Nằm một lúc, chưa kịp ngủ, ông Thầy trờ dậy gọi: “Ê bỏ, bây giờ bỏ lầy xe chở tui về Los đi bỏ”. Mèn đét ơi, gần 12 giờ khuya rồi, chiếc xe của tôi lại thuộc loại “đồ cổ” bán chưa tới năm trăm, chạy xa đâu được. Vả lại ban đêm ban hôm để gì tìm ra căn nhà của con thầy. Còn nếu nghe theo chỉ lời dẫn của ông Thầy mà chạy, chắc “tới Tết” cũng chưa tới nhà, ông Thầy đâu phải dân địa phương ở đây, hơn nữa tôi có bao giờ chạy xe lên Los đâu. “Bây giờ khuya rồi thôi thầy ngủ ở đây với em đi, sáng kêu anh Chương chở thầy về”. Ông thầy nói “Hổng được đâu bỏ, tui phải về”. Tôi chẳng biết làm sao đưa được ông Thầy về, ủa mà sao ông Thầy không gọi người nhà đến rước. Không lẽ ông Thầy nhớ cô, thầy mới xuống tôi hỏi chiều đây mà, có lâu lắc chi đâu mà nhớ. (Sau này tôi mới biết qua một thân hữu là thầy cô rất khấn khít nhau). Cuối cùng phải quay điện thoại gọi anh Kiều Văn Chương dậy, tôi nghiệp ảnh bỏ ngủ đến đưa ông Thầy về Los, xong ảnh từ Los trở về nhà chắc mất trọn một đêm quá.

Trên đây là vài chuyện khá khôi hài giữa tôi và thầy Bùi văn Mạnh. Còn nhiều chuyện vui khác trong thời gian ba năm tôi đi dạy ở Trung Học Kiến Hoà mà thầy Mạnh làm Hiệu trưởng, xin để dịp khác sẽ kể tiếp. Buổi đầu thầy trò gặp nhau còn ghi rõ ràng trong ký ức thế mà giờ đây Thầy đã ra đi về miền miền viễn. Thời gian qua nhanh tương lai vô định. Ai có ngờ được giòng đời đưa đẩy tôi, một đứa bé sợ ma đi học ABC tại ngôi chùa ở làng quê heo lánh bùn lầy, tới thành phố Mỹ tho để rồi gắn chặt phần lớn cuộc đời

với ngôi trường Nguyễn Đình Chiểu lúc là học trò cũng như khi làm thầy đứng trên bục giảng và sau cùng tới một thành phố tráng lệ huy hoàng tại Mỹ. Nhưng dù ở đâu, tình thầy trò giữa thầy Mạnh và tôi cũng lớn dần theo năm tháng. Tôi viết mấy hàng này gọi là để tưởng nhớ Thầy Bùi Văn Mạnh một nhà giáo mẫu mực trước mặt học trò lần ngoài đời.

Huỳnh Chiếu Đăng (15-Jun-2005)

Chốn đoạn trường

Truyện ngắn của Nguyễn Trần

*Ma đưa lối quỷ dẫn đường
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi
(Nguyễn Du)*

Vào những ngày cuối năm, người ta đông nghẹt làm Vĩnh phải chật vật chen lấn lắm mới đẩy được chiếc xe gắn máy Puch xuống bắc Chợ Gạo. Tuy nhiên chàng vẫn thấy lòng hân hoan rộn ràng vì chỉ còn 10 km nữa thôi là chàng sẽ gặp lại Huyền, người yêu lý tưởng tuyệt vời. Mà nói nào ngay Huyền mới từ giả chàng để về quê ăn Tết từ hôm 23 đưa ông Táo tính đến nay mới có ba ngày chớ có lâu lắc gì mà Vĩnh tưởng chừng như là một thời gian dài thiên thu. Đúng như ông bà mình đã chẳng từng nói “nhật nhật bất kiến như tam thu hề” đó hay sao. Chiếc bắc không động cơ từ từ ra giữa dòng nước theo nhịp đẩy của người tài công qua hai thanh gỗ có ngàm vừa vắn với sợi dây cáp bắt ngang con kinh.



Bắc Chợ Gạo-Mỹ Tho

Gió hiu hiu thổi càng làm chàng thấy mát mẻ dễ chịu. Thực ra có ai mà không cảm thấy sung sướng lâng lâng khi sắp gặp lại người yêu đâu. Lên tới bờ, Vĩnh cẩn thận lục soát lại cái giỏ xách xem ba mớ kẹo chuối và bịch bánh phồng khoai mì làm quà cho ba má Huyền còn nằm yên trong đó không rời chàng mới yên tâm nổ máy xe phóng tới.

Vĩnh là học sinh lớp Đệ Nhất trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho nhà ở xóm đình Điều Hòa, còn Huyền là nữ sinh cũng lớp Đệ Nhất trường Nữ Trung Học Lê Ngọc Hân. Huyền là con bác Hương Chủ Cận có nhà ngay tại chợ Vĩnh Hựu, quận Hòa Đông tỉnh Gò Công. Nhà Huyền đối diện với nhà của Quý, con trai thầy giáo Tuất. Sau khi học hết ban trung học đệ nhất cấp trường quận, Huyền – Quý được cha mẹ gởi lên Mỹ

Tho cùng trọ nhà cô giáo Hưng- bà con với má Quý - ở xóm Chợ Cũ để tiếp tục học. các lớp Đệ Nhị Cấp

Sở dĩ mà Vĩnh quen được với Huyền là vì chàng học chung lớp với Quý rồi xuống chơi nhà bạn mấy lần gặp Huyền cộng thêm cái màn học chung bộ ba với nhau mà hệ quả “lửa Vinh gần rơm Huyền” xảy ra lúc nào cũng không ai hay kể cả thằng bạn Quý (hóa) làm trái độn bấy lâu nay.

Nhưng câu chuyện éo le bi đát ở chỗ là Quý đã thâm yêu cô bạn hàng xóm từ lâu lắm rồi nhưng mà bản tính nhút nhát rụt rè hay nói thẳng ra là nhát gái nên cứ ôm mối tình một chiều hoài cho tới lúc phát giác ra là Huyền – Vĩnh yêu nhau thì trời ơi! Đã quá muộn làm chàng thấy cả vũ trụ sụp đổ, đầu óc quay cuồng, cuộc đời không còn ý nghĩa gì nữa hết. Thế rồi đêm nào Quý cũng trăn trở thao thức ngậm ngùi với con tim đau buốt làm chàng hộc hác gầy mòn trông thấy. Từ đó, đang là học sinh giỏi nhất lớp, Quý bỗng bị tuột hạng ngang xương. Cái bệnh thất tình nó tàn nhẫn như thế đó và ai mà vương vô rồi thì chỉ có từ chết tới bị thương mà thôi. Tội nghiệp thầy thiêm giáo Tuất thấy con ốm yếu xanh xao lại tưởng thằng nhỏ cố gạo bài thi Tú Tài 2 nên lo tẩm bổ thuốc thang tới đa nhưng cái bệnh yêu một chiều thì cho dù Hoa Đà Biển Thước có tái thế cũng đành phải bó tay mà thôi. Thình thoảng người ta nghe Quý làm nhảm một mình bài hát “Yêu một mình” của Nhật Ngân:

*Ngày xưa tiếc sao mình không ngộ
Thì giờ đây mình đâu thấy cô đơn*

Ván xưa bây giờ đóng thuyền rồi

Có còn gì đâu nữa thôi đành hẹn trong mơ

với khuôn mặt ủ rũ đau buồn và đôi mắt rung rung lệ sầu.

Từ nỗi đau thương chất ngất, Quý tập tễnh làm thơ thất tình:

Trời sinh chi bệnh thất tình

Cho ta vương phải tình linh biết đâu

Ngón ngang trăm mối u sầu

Một mình thơ thần qua cầu đặng cay

Trở lại chuyện đi Hòa Đồng của Vĩnh hôm nay trước là thăm Huyền sau là biếu ít quà Tết để kiếm điểm ông bà nhạc tương lai. Thiệt ra gọi là ông bà nhạc tương lai cũng không gì quá đáng là vì Vĩnh đã xuống thăm Huyền vài lần và ông bà Hương Chủ Cận thấy chàng hiền lành lễ phép, lại nghe nói chàng học cũng khá lắm, ngoài ra chàng là con ông bà chủ vựa trái cây lớn ở xóm đình nên cũng có ý tán thành cho đôi trẻ sau khi chúng ra trường có

nghề nghiệp đàng hoàng. Chiều hôm đó, sau khi cơm nước xong, Vĩnh và Huyền bước qua chào thăm Quý. Trong lúc Quý u sầu phải miễn cưỡng tiếp hai người khách không mời mà đến thì Vĩnh lại thực tình lo lắng cho sức khỏe bạn mình. Chàng khuyên Quý:

- Tao thấy mày bệ rạc quá. Sao không đi thử bác sĩ Bình xem sao?

Mặc dù đây là lời hỏi han ân cần quan tâm trong tình nghĩa bạn bè nhưng sao Quý thấy nó chua chát và vô duyên chi lạ. Bác sĩ Bình tốt nghiệp bên Pháp và mở phòng mạch ngay Chợ Cũ gần nhà Quý ở trọ cho nên nếu thực sự cần thì Quý đã bước qua coi mạch rồi đợi gì Vĩnh chỉ bảo. Nhìn Huyền – Vĩnh ngồi bên nhau mà lòng Quý nát tan đau đớn, cổ họng khô đắng, đầu óc xây xẩm, mắt hoa lên như thấy nghìn đóm đóm lập loè trước mặt. Chàng lão đảo đứng lên xin phép hai bạn là không được khoẻ để vào trong nằm nghỉ như một hình thức tiễn khách. Trong mọi cuộc tình tay ba nào thì kẻ bên lề luôn luôn cũng là kẻ khổ đau nhất. Đọc đến đây, các bạn có thấy tội nghiệp Quý qua tâm trạng:

Hai người vui biết bao nhiêu

*Một người lặng lẽ từ xa đứng nh ì
(Chuyện ba người của Quốc Dũng)*

Hơn lúc nào hết, Quý thấy ngậm ngùi theo câu nói:

*Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ
Vô duyên đối diện bất tương phùng*

Chàng quen biết với Huyền từ nhỏ, lại ở ngang nhà nàng mà nay phải đau đớn nhìn nàng trong vòng tay kẻ khác, một kẻ xa xôi thiên lý.

Cuối năm học đó, cũng còn chút may mắn cuối cùng như một yên ủi cho người thua cuộc là Quý đậu được Tú Tài 2. Nhưng may mắn chỉ chừng ấy thôi chớ sau đó chàng lận đận mãi ở ngưỡng cửa đại học, thi vào concours không đậu vô đâu hết, lang thang ở Đại Học Khoa Học hết MGP rồi MPC miết mà chàng chẳng lấy được cái chứng chỉ dự bị nào. Mà nói thẳng ra học hành gì được khi con tim rướm máu của chàng cứ vương vấn hình bóng Huyền, đầu óc chàng tối ngày cứ thần thờ với cái bóng hạnh phúc yêu thương của Huyền và Vĩnh. Hai kẻ yêu nhau tràn ngập hạnh phúc cùng đổ vào Đại Học Sư Phạm Sài Gòn và làm đám cưới ngay sau khi tốt nghiệp. Đau đớn thay cho Quý là hình như đôi tình nhân đẹp duyên đẹp ý này lại không để yên chàng, họ đã gửi thiệp mời chàng tham dự đám cưới được tổ chức tại Mỹ Tho vừa lúc chàng nhận lệnh gọi nhập ngũ khóa 18 Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức. Chàng đau khổ từ chối tham dự tiệc đám cưới “người ta” nhưng cũng gửi quà mừng và một lá thư riêng nhờ bé Ngọc, đưa con gái cô giáo Hưng trao tận tay Huyền. Lá thư mà chàng đã thức trắng đêm để viết trong nước mắt thương đau:

Huyền thương mến,

Xin phép Huyền cho tôi gọi bằng hai chữ thương mến một lần trong đời rồi thôi. Nếu có bao giờ Huyền nghĩ rằng cần nhỏ chút lượng từ tâm cho một người nào đó thì chính là lúc này, lúc mà Huyền đang đọc lá thư mà tôi đã dẫn đo ru ru trước khi viết cho Huyền. Huyền ơi ! Chắc chắn là Huyền đâu biết rằng tôi đã yêu Huyền, yêu từ lúc hai chúng ta còn cắp sách đến trường đệ nhất cấp ở Quận nhà. Hình ảnh diễm kiều duyên dáng của Huyền đã ngự trị trong tâm khảm của cậu bé lảng giềng suốt cả quãng đời ấu thơ cho tới bây giờ và sẽ mãi mãi cho ngàn sau. Tình yêu thánh thiện nhưng mãnh liệt, nhẹ nhàng nhưng đậm đà đã làm tôi ngày đêm thương nhớ Huyền. Huyền chính là cô giáo đầu đời đã dạy tôi bài học tương tư vỡ lòng. Nhưng Huyền ơi! Đời tôi đã trở nên bất hạnh vì chữ nhưng này. Yêu Huyền nhưng vì bản tính nhút nhát sợ sệt nên tôi cứ lặng câm cho tới ngày hai đứa cùng lên Mỹ Tho ở trọ nhà cô Hưng. Đây là cơ hội thuận tiện nhất để tôi bày tỏ nỗi lòng mình cùng Huyền nhưng lại cũng tiếp tục “không dám” mà cứ lờ lợ để tới một ngày Vĩnh đã chiếm được trái tim Huyền và đó cũng là ngày đau thương tang tóc nhất đời tôi. Trong tình trường tôi là kẻ đi trước lại vô phúc về sau còn Vĩnh lại là người đi sau mà may mắn về trước. Thiệt là đau đớn quá Huyền ơi!

Tôi xem như Vĩnh đã bắn phát súng ân huệ vào trái tim rách nát và bất hạnh của tôi rồi. Nhiều lúc nửa đêm, Huyền và mọi người trong nhà đều an giấc, tôi ra ngồi trước thềm nhà, buồn héo hắt trong dòng lệ đau thương cho mối tình một chiều tan nát, sương khuya thấm lạnh bờ vai nhưng có thấm vào đâu so với cái lạnh của con tim giá băng vì tình lụy. Cuộc tình lỡ làng của tôi biết trách ai bây giờ ngoại trừ cái do dự chần chừ đáng đời của tôi. Kể từ đó, nỗi thất tình đã khiến tôi chán nản đau buồn, học hành sa sút và trở nên thân bại danh liệt luôn. Thôi thì mình phải cam chịu nỗi bất hạnh do chính mình gây ra vậy. Tôi là kẻ đi trước mà lại tới sau. Nghĩ tới điều này, tim tôi đau nhói như bị ai bóp nghẹt.

*Số anh cái số muộn màng
Yêu em trước cũng xếp hàng đứng sau
Số anh cái số lao đao
Yêu em trước cũng đứng sau xếp hàng*

Sự thể đã tan tác lờ làng như thế này rồi, tôi chỉ biết chân thành cầu nguyện cho Huyền được mãi mãi hạnh phúc với Vĩnh và tôi tin chắc như vậy. Tôi cũng xin lỗi Huyền và Vĩnh là không thể dự đám cưới hai người vì tuần tới này, tôi sẽ sắp xếp trình diện trường bộ binh Thủ Đức và sau đó xông pha nơi lửa tên mũi đạn để làm nhiệm vụ người trai thời chinh chiến. Trước khi băng mình vào vùng lửa đạn, tôi rất cần nhìn thấy hình ảnh Huyền một lần cuối cùng để như một hành trang trân quý trên đường phiêu bạt gió sương và nói đại cũng có thể là con đường trở về với cát bụi hư vô, thế nên tôi khẩn khoản xin Huyền mở lòng ban cho tôi một ân huệ là cho tôi được gặp mặt lần cuối cùng và chỉ một lần này mà thôi.. Ngày mai đúng 4:00 giờ chiều, tôi sẽ chờ Huyền tại quán kem Duyên Thắm dựa bờ sông Trưng Trắc, tôi chỉ cần nhìn sâu vào đôi mắt Huyền 2 phút thôi rồi sẽ đi ngay. Nếu chờ mãi mà không thấy bóng dáng Huyền thì tôi biết rõ thái độ của Huyền ra sao... dĩ nhiên trong cả hai trường hợp tôi cũng sẽ âm thầm ra đi mà thôi. Rất cảm ơn Huyền đã kiên nhẫn đọc hết lá thư này.

*Chào Huyền,
Nguyễn Quyền Quý*

Ba giờ rưỡi chiều hôm sau, tại quán kem Duyên Thắm, một chàng thanh niên dáng dấp phong trần, mắt buồn rưng rưng ngồi ở chiếc bàn cạnh hàng rào bờ sông, mặt quay về hướng Cầu Quay, thỉnh thoảng chàng cúi xuống nhìn đồng hồ dáng điệu nôn nóng. Ba giờ bốn mươi... Ba giờ năm mươi... rồi Bốn giờ. Gương mặt chàng hơi tuyệt vọng thất thần, bỗng bé Ngọc ngừng xe đạp bên lề chạy vào trao cho chàng lá thư và nói:

- Chị Huyền biểu em đưa thư này cho anh.

Chàng trai run run xé ngay thư đọc:

Anh Quý

Huyền vô cùng sửng sốt và cũng bàng hoàng khi đọc thư anh. Trời ơi! Sao định mệnh trái ngang thế này. Huyền thật không ngờ là anh yêu Huyền đó nha. Hai đứa quen nhau từ tám bé, đi học chung và chơi chung trong thân tình láng giềng cho tới lớn lên Mỹ Tho mà Huyền có nghe thấy anh nói gì đâu. Nhất là lúc anh và Huyền cùng ở chung nhà của cô giáo Hưng. Thực ra Huyền cũng rất có cảm tình và nghĩ tới anh nhiều lắm. Tâm hồn Huyền trong trắng như trang giấy mà trong đó chỉ có hình ảnh của anh nhưng chưa thấy anh nói gì. Nhiều lúc trước thái độ lạnh lùng thờ ơ đó, Huyền buồn buồn nghĩ rằng chắc anh chỉ xem Huyền như đứa em gái mà thôi. Phải chi lúc đó anh chịu khó mở lời giùm thì mọi chuyện êm xuôi hết rồi chớ đâu có lâm cảnh trái ngang xót xa này đâu anh. Huyền là con gái mà anh muốn Huyền lên tiếng trước hay sao? Thôi bây giờ mọi chuyện đã lờ làng hết rồi, xem như chúng ta không duyên nợ với nhau, nhưng mình cũng giữ tình anh em nha anh Quý ! Xin lỗi anh vô vàn là đã không thể đến gặp anh được mặc dù tâm tâm Huyền rất muốn. Mong anh thông cảm cho. Xin chúc anh nhiều may mắn và an bình trong đời binh nghiệp. Cầu nguyện Trời Phật phù hộ anh.

Luôn luôn quý mến anh,

Huyền.

Quý rụng rời cầm lá thư Huyền trong tay. Chàng lặng người thờ thần, cổ họng khô đắng. Dù đau buồn nhưng chàng nhìn nhận nàng nói rất đúng. Người thương ở kế bên mà mình thương thầm thì phải rán chịu chứ sao. Trách ai bây giờ đây? Người ta con gái hồng lẽ cứ chờ đợi mình một cách vô vọng hay sao? Chàng thấy tức tối giận dữ với chính mình, cơ hội nằm trong tay mà không biết nắm lấy thì phải nuốt hận chứ biết sao. Cho đáng đời!

Sau khi mẫn khóa Thủ Đức, Quý chọn binh chủng Nhảy Dù cho thỏa chí tang bồng

hồ thi cũng như để tìm quên lãng chuyện tình buồn đời mình. Và bất hạnh thay! định mệnh nghiệt ngã xui khiến ngay trong trận chiến đầu tiên, chàng đã anh dũng hy sinh, vĩnh viễn mang theo khối hận tình vào chốn vĩnh hằng xa vắng. Cô giáo Huyền bây giờ là bà Trần Đức Vĩnh đón nhận tin Quý tử trận với tâm tư đón đau nát lòng nhưng tĩnh lặng lạ thường, một sự tĩnh lặng tang thương cay đắng. Cô tưởng chừng như tim mình đang bị rạch vỡ từng mảnh vụn với cảm xúc lại tê cứng buồn thương quá độ. Những giọt nước mắt lăn dài trên má xuống mặt môi làm cô mới biết rằng mình đang khóc. Cô thấy vô cùng hối hận là trước đây đã không đến cho Quý gặp mặt lần cuối để chàng mang hình ảnh đó vào cõi thiên thu bất tận. Trời ơi! Tiếc làm chi chi một lần gặp gỡ người đã thương thầm mình rồi sau đó mình sẽ mãi mãi yên vui hạnh phúc với chồng con cơ mà. Bây giờ thì quá muộn màng rồi.

“Quý ơi! Hãy tha lỗi cho em. Ngàn thu vĩnh biệt anh! Em cầu nguyện anh yên nghỉ nơi cõi vĩnh hằng nha anh”.

Toronto một ngày xa vắng

Nguyễn Trần

Sài Gòn Qua Lăng Kính của Tôi

Thanh Hương

Buổi sáng năm nào, khi leo lên tàu Hải Quân VNCH để xa rời quê hương vĩnh viễn, tâm trí tôi không hề có một hình ảnh rõ rệt nào về những ngày đen tối sắp tới, ngoại trừ sự tin chắc rằng một trận hồng thủy sẽ thay đổi số phận của hàng triệu sinh linh miền Nam Việt Nam.

Thế rồi dùng một cái, tin thủ đô của miền Nam đã bị thay tên. Khi nghe được tin này, tôi bàng hoàng hụt hẫng như đánh mất một vật gì thiêng liêng, rất quý, rất thương.

Thủ đô Sài Gòn giờ đã mang tên của một con cáo già tu luyện lâu ngày biến thành tinh. Con cáo tự xưng mình cực kỳ thông minh. Thông minh? Tôi tìm hiểu thêm ý nghĩa của hai chữ “Chí” và “Minh” và theo Tự Điển Hán Việt, “chí” là một loài chim mạnh tợn ngoài nghĩa hung ác. “Minh” mang nhiều ý nghĩa tiêu cực không kém, như u ám, tối tăm, ngục tối, âm phủ.

Dù tên Sài Gòn đã đổi thành tên của một thứ hung ác, tối tăm u ám như địa ngục, như âm phủ, trong lòng tôi bao giờ thủ đô của miền Nam Việt Nam vẫn là Sài Gòn, vĩnh viễn là Sài Gòn. Không bao giờ tôi gọi tên thủ đô của miền Nam Việt Nam bằng tên nào khác. Tôi không muốn gọi tên thủ đô ngày xưa của tôi bằng cái tên mới, vì mỗi lần nhắc tới tên mới là một lần nhắc đến sự kiện một tên đồ tể đã đưa toàn thể dân tộc tôi vào gông cùm cộng sản, đã nhuộm đỏ toàn thể quốc gia hình chữ S của tôi. Lòng tôi phản kháng như thế, từ khi ở bên Quận Cam, và chưa có dịp tỏ bày tinh thần chống cộng của mình bên “Thiên đàng hạ giới” này.

Cho đến một ngày.

Hôm đó chàng và tôi lái xe đi về phía Bắc của Hilo để ngắm cảnh, sau khi đã dọn sang bên Đảo Lớn gần nửa năm. Vì rời nhà sớm khi mặt trời chưa lên, chúng tôi ghé vào một nhà hàng để ăn điểm tâm. Vừa mở cửa vào bên trong, một tấm bản đồ thế giới thật to gắn trên bức tường bên trái và một bản đồ nước Mỹ, nhỏ hơn, đã đập vào mắt tôi. Không hiểu động lực nào đã khiến tôi đưa mắt nhìn tấm bản đồ mà không nhìn gì khác, ví dụ như cách trang trí của nhà hàng, hay tìm chiếc bàn vừa ý.

Ông quản lý người Bò Đào Nha tiến tới chào và ra dấu hỏi chúng tôi có ưng ý ngồi nơi bàn ngó ra ngo ài đường. Chưa kịp ngồi xuống, ông quản lý đã hỏi chúng tôi "Ông bà từ đâu đến?" Có lẽ ông ta chưa bao giờ thấy chúng tôi ghé qua nhà hàng? Adam nhìn tôi, chờ tôi trả lời trước. Tôi đáp, "Tôi là người Việt Nam. Tôi là một trong những thuyền nhân Việt Nam đầu tiên của thế kỷ trước và định cư tại Nam Cali hơn 40 năm qua. Chúng tôi mới dọn sang Đảo Lớn này." Ông ta mỉm cười, đưa cho tôi một cái đinh ghim, rồi chỉ về phía tấm bản đồ và nói, "Bà hãy ghim vào nơi quê quán của bà đi". Khi tiến tới gần hơn để nhìn cho rõ bản đồ hình chữ S, tôi thấy tên của tên quý đội lột người đã được in đậm trên chỗ mà ngày xưa là Sài Gòn, là thủ đô của nước VNCH của tôi. Tôi lắc đầu nhìn ông ta trong khi chỉ lên trên bốn chữ HCM City. Tôi nói, "Tôi không ưa cái tên này. Vì hấn mà dân tộc tôi bị khổ sở, bị mất tự do, dân chủ và toàn thể đất nước tôi bị nhuộm đỏ hoàn toàn từ năm 1975 đến nay."

Không thể tưởng tượng những gì tôi nghe kể đó. Khi than thở với người đàn ông chưa từng quen biết về những gì chất chứa trong lòng, từ khi biết tin thủ đô yêu dấu đã bị đổi tên, tôi không mong sẽ có phản ứng gì đặc biệt nơi ông ta. Có thể ông ta sẽ nói lời chia buồn hay lạnh lùng hơn, ông ta có thể nhún vai, coi như không phải là vấn đề của mình. Thế thôi. Ngờ đâu, thái độ của ông này đã đem đến cho tôi một ngạc nhiên bất ngờ. Ông quản lý nghiêm mặt nói, "Thế thì bà hãy xóa tên hấn đi!" Không đợi tôi phản ứng, ông tiến tới quây tính tiền, lấy một cây bút Bic từ trong một cái hộp và đưa cho tôi. Tôi không thể nghe lầm, và không muốn ông quản lý tử tế phải lập lại lời khuyên, tôi cầm lấy cây bút Bic, đặt lên trên bốn chữ "Ho Chi Minh City" và bắt đầu gạch lấy, gạch để. Cây bút Bic theo bàn tay tôi gạch xéo lên, xéo xuống trên bốn chữ màu đen bướng bỉnh. Dường như chúng không muốn chịu thua ngồi bút mực màu đen, cố gắng ló mắt nhìn đời. Không ngăn được cảm xúc, nước mắt tôi ứa ra. Tấm bản đồ dù được bọc bằng một lớp nhựa mỏng nhưng không thể xóa đi dễ dàng tên thành phố có tên của tên hồ, tên cáo. Tôi cứ sợ ông quản lý đổi ý khi thấy tôi "đánh vật" với bốn chữ này thì tôi sẽ đánh mất cơ hội viết lại tên thủ đô Sài Gòn trên tấm bản đồ của một nhà hàng cách Sài Gòn mấy ngàn cây số. Mực bút Bic không hoàn toàn xóa hết tên của lão cáo ác ôn. Nếu du khách nào để ý, họ sẽ thấy thành phố mang tên họ Hồ đã bị ai cố tình tẩy xóa.

Sau đó, cầm cái đinh ghim có đính hột trai màu trắng mà ông quản lý đã trao cho tôi lúc nãy, tôi cắm lên trên hai chữ SAI GON với nụ cười mãn nguyện. Quay nhìn ông quản lý tôi nói "Cám ơn ông. Cám ơn ông hết lòng!" Tôi không thể diễn tả được sự rộn ràng trong lòng tôi lúc đó. Chỉ vì cùng chí hướng chống cộng mà một người lạ đã cho tôi cơ hội xóa đi tên thành phố nhắc nhở đến nhiều đau thương của dân tộc tôi.

Hôm nọ, tìm mãi không ra tấm hình tôi chụp sau khi ghi lại hai chữ SAI GON, tôi thử lên Internet tìm và ngạc nhiên thay, đã có người đăng tấm hình này (vài hôm sau, tìm kỹ hơn, tôi đã thấy trong PC của mình). Hôm ấy, tấm hình chỉ có 3 đinh ghim phía Bắc và 6 ở miền Nam.

Từ ngày tôi sửa lại cho đúng tên thủ đô của quê hương tôi trên bản đồ của nhà hàng này, không lần nào đi qua mà chúng tôi không ghé vào thăm (dù chỉ có hai đứa hay với bạn hữu), để nhìn lại bằng chứng chống cộng của mình. Tôi chống cộng thế đó. Như một cơn gió nhẹ thoảng lay trên cành dừa, cành tre, cành trúc; như tiếng thì thầm trong đêm vắng; hay như một viên cuội nhỏ lăn trên mặt hồ. Hành động chống cộng của tôi không làm mưa làm gió, không can cường như một số người dân tôi chống cộng công khai, mặc dù phải đối diện với tù đày, với bất cứ khổ nạn nào đến từ nhóm cầm quyền, hay mất sự sống của chính mình, như cố luật sư Lê Đình Hồ.

Thanh Hương

Trò chơi tuổi trẻ



Do lề lối sinh hoạt và môi trường thuận lợi nên trò chơi ở miền quê thường đa dạng hơn ở thành phố

Trò chơi cá nhân như : đá dế , đá cá lia thia , cho kiến đánh nhau , thả điều , đá cầu , đánh bông vụ , đánh đáo , bắn giàn thun , bắn bi , bơi lội , câu cá , đọc sách

Trò chơi tập thể như : chơi nhà chòi , chạy đua , bơi đua , đá banh , đánh bóng bàn , cút bắt , trốn kiếm , đánh trống , đánh bài , chia phe đánh nhau ,

Ba tui rời gia đình lên Sài Gòn lập tổ ấm khác khi tui còn bé tẻo teo .

Mẹ tui quê mùa , không biết chữ , nhưng cần cù , tần tảo làm bánh bán nuôi bà Mẹ Chồng già , lú lẫn và hai chị - em tui .

Khi tui lên 8 thì Nội tui mất .

Gia đình nghèo nên hết bậc Tiểu học Chị tui phải nghỉ học , lên Sài Gòn giúp việc cho Cô tui .

Còn tui , từ khi lên chức **phụ tá chánh** cho Mẹ thì bắt đầu **mệt phờ râu**

Mẹ tui , năm 365 ngày chỉ có vốn vẹn từ mồng 1 đến mồng 5 tết là nghỉ ngơi , cúng Ông Bà , còn lại quanh năm thì đầu tắt mặt tối , quần quật từ 4 – 5 giờ sáng đến 7 – 8 giờ tối làm bánh bán .

Mẹ tui làm bánh rất nổi tiếng , từ bánh í , bánh qui , bánh tẻ , bánh ú , bánh dứa , bánh cúng , bánh bò , bánh chuối hấp , bánh bột bán , các loại xôi ...

Hồi trước không có lò gaz , lò điện , không có sẵn nguyên liệu như ngày nay nên làm bánh cực lắm , vì lấy công làm lời nên các khâu đều phải tự làm lấy . Tỉ như muốn có bột gạo hoặc bột nếp thì phải ngâm gạo hay nếp , đãi sạch , xay nhiều lần cho nhuyễn , lọc , bông bột cho ráo nước , xắt miếng mỏng và đem phơi khô . Tui râu nhứt là xay bột vì mất rất nhiều thời giờ .

Ngoài giờ học tui phải phụ Mẹ . Tuy đôi tay còn thật bé bỏng nhưng hầu hết các khâu như cắt , lau lá , nạo dừa , xào nhum , xay bột ... tui đều góp tay , do đó thời giờ rảnh rỗi của tui thật quý và tui luôn tận dụng nên tất cả trò chơi kể trên đều có tui tham gia .

Tuổi trẻ háo thắng , nhiều tự ái , chơi gì cũng không muốn thua kém người khác , nhưng mục đá dế , đá cá lia thia thì vì không tiền để mua những con cá hay , dế chiến nên môn này tui không khá .

Còn đánh đáo , đánh trống , bắn bi , búng thun , búng hình , đánh bóng bàn ... thì tui trội hơn .



đá cá lia thia



tắm sông

Tui biết bơi rất sớm vì cạnh nhà có ao , vũng , rạch và gần sông . Lúc đầu thì ôm cây chuối , bộp dừa nước , nằm trên thanh ngang của 2 trái dừa điếc cho đến khi đã thạo . Việc bơi lội của tui lúc đầu phải lén lút , vì Mẹ tui sợ tui chết đuối không còn ai để nổi dũi tông đường nên cấm và mỗi khi tui bị bắt gặp đều bị đòn quíu đít .

Cho đến một hôm Mẹ tui đã đậu dưới sông , lơ dềnh thế nào mà thúng đậu trôi đi , Mẹ tui không biết bơi , hôm đó chắc là sẽ mất của lại không có đậu để làm bánh . May lúc đó tui ở cạnh bèn phóng mình xuống sông lội vớt thúng đậu . Mẹ tui rất mừng và thấy tui biết bơi nên từ đó không cấm tui tắm sông nữa .

Quê tui có 1 nhánh của sông Tiền vắt ngang , thủy triều thường lên xuống ngày 2 lần , những khi rảnh rỗi nhất là ngày nghỉ học , với lũ Bạn cùng trang lứa chúng tôi rủ nhau tắm sông , hái bần , bơi đua ,những khi nước ròng thì móc bần nếm nhau Tui mê chơi có khi mê đã thâm tím , đã nổi da gà , nhưng vẫn chưa ngưng nếu không bị réo gọi hoặc thấy bóng cây roi . Mẹ tui hồng biết đọc sách , tuổi đôi mươi đã về nhà chồng làm dâu như tôi đòi , đâu có ai dạy dỗ , nhưng hồng biết nghe ai mà Mẹ tui thường rầy tui là " **tắm từ lúc chuối tròng đến chuối trở** " ! (ý nói là tắm lâu) .



đá banh

Trò chơi đá banh thì chỉ người lớn có tiền để mua banh da và thường tranh tài giữa các xã , quận với nhau sau mùa gặt được rảnh rỗi , chúng tôi thường theo ủng hộ gia đình và nhất là để được uống ké đá chanh . Lũ nhóc chúng tôi thì chiến nhất là có được trái banh cao su , nhưng sau vài trận

hoặc nhập nhau thì banh bẻ . Do đó , mỗi trận đá banh thường chúng tôi hái một số bưởi làm banh , hoặc khi không phải mùa bưởi thì thường dùng lá chuối khô quấn thành banh . Banh bẻ đá banh với nhau tuy cũng có chơi xấu , nhưng đá với bọn chẵn trâu thì lần nào cũng **sút tay gãy gong** vì tụi chẵn trâu suốt ngày dạn nắng nên xương rất cứng cáp , chúng không lừa banh giỏi như chúng tôi nhưng thường đá chun chơi xấu , đau nháng lửa . Nhiều khi tức quá , chúng tôi dùng giàn thun bắn trâu chúng chạy tán loạn , sợ bị đòn chúng phải chịu thua để đuổi bắt trâu .

Chơi nhà chòi



Chơi nhà chòi thì thường hợp tác bởi 2 phái . Bọn con trai thì trách nhiệm làm nhà chòi bằng cọng tàu dừa , nứa , lá , lá chuối . Con gái thì lo kiếm rau cải trời , cải đất , rau húng ... xúc tép , đồ bánh khọt . Tráng miệng thì chuối , mận , xoài ăn mấm đường hoặc cóc ăn mấm ruốc

Chơi bóng bàn thì chúng tôi cưa ván làm vợt , không có lưới thì dùng thanh tre gác lên 2 cục gạch , đặt trên bộ ngựa (divan) , khi thì đánh đơn có lúc đánh cặp . Sở dĩ tui đánh bóng bàn khá vì khi đấu nhau chúng tôi thường cá độ , ai thua phải uống 1 ly cối nước . Tui hông thích bị uống nước nên thường tự dợt và cố gắng trau giồi khi chơi .

Sau này khi học ở Mỹ Tho , nhà trọ gần quán bóng bàn , tui đã nướng hết tiền 1 năm học bóng để đánh bi da và bóng bàn . Bị Mẹ trách , từ đó đến nay đã 60 năm tui không đụng đến bi da và bóng bàn .

Việc bắn giàn thun thì chắc do nghiệp chướng , quê tui nhiều cây trái nên có rất nhiều loại chim như chim sâu , chim khoen , chim sắt (chim ri) , traỏ traỏ , cu , cuồng , sáo , thẳng chài , traỏ trẹt , dòng dọc , tu hú Tuổi nhỏ sức yếu không dùng được loại thun đàn hồi mạnh như ruột đỏ của xe Peugeot , tui dùng loại thun ruột xe đạp , cắt dây nịt da của Ba tui làm quai và chặt nhánh cây hình chữ Y làm nạng , vậy mà lần đầu tiên tui hạ được con chim sắt đang làm tổ trên cây cam nhà thẳng Bàn . Hôm sau tui lại bắn được 1 con cò ngà . Những khích lệ này sau đó đã khiến tui trở thành cao thủ về bắn giàn . Trừ ó , điều , quạ , rẻ quạt , tất cả các loại chim khác , chuột , dơi , rắn , cá ... tui đều hạ được . ([Thú vui miền quê](#))

Việc câu kéo tuy cũng là thú vui , nhưng phần do nhu cầu để kiếm thêm chút tiền nên tui trở thành **đại sát thủ** . Tui để ý , tìm hiểu đặc tính của nhiều loại cá , từ cá đồng , cá sông và cả cá biển sau này nên từ thửa nhỏ đã là tay câu có hạng trong xóm . ([Thú vui câu cá](#))

Ngoài ra , quan sát những người trồng dưa hấu , thấy họ dùng nước pha với nhựa rẻ " **dây thuốc cá** " (loại dây leo , rẻ khô giả nát pha với nước cho chất đục như sữa) tưới dây dưa chống rầy , nước chảy xuống mương thì tất cả cá đều chết nổi lên mặt nước , nhưng ăn được và không độc (dân vùng biển Polynésie – Thái Bình Dương cũng dùng nhựa loại rẻ này để bắt cá biển dưới những gộp đá hay rặng san hô) . Nhà nông chỉ chủ trương chống rầy hại dưa , còn tui chíp trong bụng , nên dành dụm ít tiền rồi mua rẻ thuốc cá để bắt cá lóc , trê , rô , sặc , cá rầm ... ở những ao hoang bán kiếm chút tiền . Mỗi ao như vậy hàng nghìn, hàng vạn cá lớn nhỏ đều chết, do đó bàn tay tui đã sát hàng trăm

ngàn, hàng triệu tôm cá . May mà hồi dự trận Hoàng Sa uýnh nhau với Trung Cộng ngày 19.01.1974 " **đạn né tui**" , nếu không , **bị** thủy táng chắc lữ cá nhất là cá mập đã xúm nhau **tùng xẻo** tui để thanh toán món nợ tui đã vay .

Tuổi trẻ vô thức nhưng nghiệp sát lớn nên tui tuy **ngây thơ mà vô số tội** . Ngày nay nhờ nhiều lần gác chân lên trán suy gẫm , hơn 3 thập niên nay tui đã buông dao đồ tể , dù vậy khi lia đời chắc là tui phải ở địa ngục số 11 để trả quả .

Tui cũng có cái thú khác là rất mê đọc sách . Mượn , đổi chác ... bất cứ sách nào tui thấy cũng đều tìm đọc . Mẹ tui không biết chữ , nhưng thấy tui cầm cuốn nào dày thì nghĩ là truyện và uýnh đờn . Nhiều khi tui phải lén đọc truyện kiếm hiệp trong kẹt bồ lúa dưới ánh sáng mờ mờ của khe cửa sổ . Có khi phải đọc trên cây . Hơi phiến là cây mận , cây xoài thường có nhiều kiến vàng . Để tránh bị kiến cắn , tui thường phải vắt vẻo trên 1 nhành xoài lảo nằng ngang .

Ông Hồ Nguyên Trừng và Ông Đào Duy Từ thì xây chiến lũy để chống giặc , tui thì dùng tro làm lũy để ngăn kiến . Con kiến nào hiểu chiến muốn trị tội tui xâm nhập lãnh địa của chúng thì khi vượt qua cái lũy tro đều bị rơi xuống đất và tui nằm hoặc ngồi trên nhánh cây giữa 2 cái đê tro thì vẫn an toàn .

Sách gì của Ba tui để lại hoặc của Chị tui mua như **Đắc nhân tâm , Tôi là mẹ , Ngọn cỏ gió đùa ...** tui đều đọc ráo trọi . Thích nhất là bộ **Việt Sử Toàn Thư** do Chị tui lãnh thưởng , tui thuộc như cháo , do đó hồi ở bậc Trung Học , mỗi khi thi về môn Sử – Địa tui luôn đứng nhất . Ngoài ra tui cũng rất mê truyện kiếm hiệp , chương ... nên Tam Quốc Chí , Thủy Hử , Tiết Nhơn Quý chinh đông , Tiết Đinh San chinh tây , Bắc Du Chơn Võ , Nam Du Huê Quang , Phong Thần , Tây Du Ký , Hán Sở tranh hùng ... vô số truyện Tàu , truyện Việt đều được xếp vào tàng kinh các trong đầu tui .

Chắc tui có máu kỳ thị nên sách tiếng Việt thì tui nhớ vanh vách , còn sau này học tiếng Tây , tiếng Ảng Lê thì chỉ nhớ qua loa dơ mãng , do đó năm 1971 đi Mỹ công tác tui phải xài động từ **tu quơ** mệt nghĩ .

Tui tuổi con khỉ nên tánh **liếng khỉ** lại được thiên phú cho cái " **tâm viên** " nên trò chơi , nghịch ngợm gì cũng có tui .

Có lần chơi đánh bông vụ , tui Bạn thì có cha , anh khéo tay đeo giùm dĩ nhiên là đẹp hơn cái bông vụ xì cút của tui và tui tự ái . Thấy cái bàn 4 chân , cuối cái chân được thợ tiện hình cái bông vụ rất đẹp , thế là tui xách cửa xẻo 1 cái rồi ma giáo lấy cục gạch kê thay để cái bàn khỏi gập ghình . Vài hôm sau Mẹ tui thấy được thế là tui quíu đít .



chơi đánh bông vù

Lần khác, có 1 gia tộc lập đàn cúng **chúa quỷ thần trùng** vì theo thầy pháp thì 3 người cùng họ của gia tộc này chết trong năm do bị chúa quỷ bắt. Đàn cúng mỗi đêm quy tụ hàng chục thầy pháp và kéo dài cả tháng, thiên hạ đi xem rần rần, nhưng tui thì bị cấm vì Mẹ tui sợ ma quỷ thích tui rồi bắt về làm tà lọt. Tượng chúa quỷ thần trùng, cao hơn 2 mét, chỉ 1 giò, tay cầm cái thòng lọng, được làm bằng sườn tre, dán giấy bồi và sơn phết, nội cái đầu đã to như cái thúng.

Cúng xong thì gia chủ đốt chúa quỷ nhưng giữ lại cái đầu đem thờ trong miếu ông Thiên

Tui hồng được xem, tiếc hùi hụi. Khi được "xả trại" tui bèn đến miếu xách đầu chúa quỷ, lấy nắm sáng - loại nắm có chất lân sáng trong đêm - gắn thêm vào mắt mũi rồi ban đêm đem treo ở 1 cây cầu khỉ. Hồi đó ở thôn quê người ta thường chỉ dùng tre, cau ... làm cầu bắt ngang cái rạch và các Bà 4 - 5 giờ sáng thường đội, gánh rau quả ... ra chợ bán. Khi vượt cầu mà thấy cái đầu quỷ có Bà sợ quá lọt xuống rạch và méc chủ nhà. Ông chủ đất biết ngay tui là thủ phạm đã phạt tui trong 1 tháng hồng được bèn mang đến nhà Ông.

Do thiếu tình cảm nên từ nhỏ tui hay suy nghĩ và đã bày ra không ít trò chơi mà Bạn Bè đồng trang lứa ít ai nghĩ đến.

Một trò chơi tui nghĩ ra là khi mới 7 - 8 tuổi tui đã tự xưng Bác Sĩ Sản Khoa. Hồi đó quận tui tuy dân cư đông đúc, sầm uất, có vài tiệm thuốc tây và 1 cái nhà thương, nhưng chỉ có Y Tá thôi. Khi khẩn cấp bệnh nhân phải được chở xuống bệnh viện ở Mỹ Tho.

Không có sách vở hay ai chỉ bảo nhưng hồng biết tại sao tui tự tiêm chức BS Sản Khoa và phòng mạch của tui cũng có được 7 - 8 thân chủ là những cô nhóc hàng xóm. Tui xúi mấy cô lấy lá chuối khô độn trong áo để bụng phình lên như có bầu và đến để tui khám thai. Có điều là tui chỉ sờ bụng thôi chứ hồng có sờ rắm gì khác nên các cô cũng rất tin tưởng thường hái lá trứng cá, lá ổi, lá mận ... làm tiền trả công tui rất hậu hỉ.

Rồi dòng đời trôi, trong số 7 - 8 cô bé thân chủ hồng có cô nào sau này chịu làm phu nhân của một cựu Bác Sĩ tài hoa, giàu y đức như tui.

Khám thai cho mấy cô nhóc hoài cũng chán tui nghĩ ra trò chơi khác là chế "**nước hoa ái tình**".

Gần nhà tui có anh chàng lớn hơn tui vài tuổi đang đi học về **bùa** . Anh ta nỏ là được thầy dạy cho cách làm bùa nước hoa ái tình . Tui có biết ái tình là khi khô gì đâu nhưng cũng vênh tai nghe .

Anh ta kể rằng , con gái còn trinh khi chết thì không thành ma , quý mà thành yêu , tinh . Trong đêm khi cây chuối trồng gần cái mả trở hoa thì con tinh sẽ hiện lên xanh lè , đứng trên tàu lá chuối . Còn chuối khi trở hoa thì giống như người phụ nữ khi sinh đẻ sẽ có nước trào ra - nước ối - . Hứng được nước đó đem rây vào phụ nữ họ sẽ mê và theo mình

Năm đó tui 12 -13 tuổi học lớp Tiếp Liên (dù năm nào tui cũng lảnh thưởng nhưng học lớp nhứt thì vô đê thất trường NĐC thì rớt tuốt , tui phải học lại lớp TL) . Trường tiểu học ở quận tui thì trai , gái học riêng nhưng lớp TL thì hỗn hợp .

Lúc đó tui chưa biết yêu vì Ông – Bà mình bảo **nữ thập tam, nam thập lục** mà, nhưng tự dưng bỗng khoái một cô bé cùng lớp . Hồng nhớ là cô đã có vú móm hay trở mả gì chưa , nhưng trông cũng xinh xinh .

Nhớ lại câu chuyện về nước hoa ái tình và nhằm lúc có cây chuối trồng gần cái mả sắp trở hoa , tui đã xâm mình rình 2 đêm để hứng nước hoa . Tuy cũng hơi sợ ma , nhưng cố chịu đâm ăn xôi nên sang đêm thứ 2 thì tui cũng có được tí nước hoa ái tình đem về chứa trong cái chai nhỏ thường dùng đựng mực .

Rồi một hôm , sau buổi học tui tò tò theo sau cô bé và lợi dụng lúc đi gần tui búng vài giọt nước hoa ái tình vào lưng cô bé .

Kết quả là cô bé tỉnh bơ và tui biết ngay là **bùa yêu dấm** .

Xin cho tui thanh minh thanh nga chút xíu là tui hồng phải **con nít quý , hỉ mũi chưa sạch mà bày đặt yêu với thương** . Tui chỉ thích khơi khơi thôi còn lỗi thì vì tui nhẹ dạ bị phỉnh và do cuốn Tam Thế Diên Cầm . Sách bảo "**tui có số đào hoa**" nhưng khi in sách th ì lờ ra phải viết cho đúng là **đào hoa ny lông** .

Tui tin sách , thử kiểm chứng nhưng thấy không khá nên sau trực trặc đó suốt 6 năm sau tui hồng dám yêu nữa , mãi sau tuổi thập lục đến 3 năm , tui mới lém phéng lại và lần này cũng không khá , Lộc Cốc Tử lại hại tui , ông phán "**Dần –Thân , Tỵ –Hợi tứ h ãnh xung**" khiến tui lại phờng kh ông gói chiếc đến năm 26 tuổi mới bị rọ cột chân cho đến khi Miền Nam bị đổi đời .

Rồi có ông thi sởi nào đó nhả ra 2 câu "**người đi một nửa hồn ta chết - một nửa hồn kia đứng chữi thề**" .Tui hồng biết xài tiếng Đan Mạch nên an phận từ hơn 3 thập niên nay trụ trì chùa Bà Đanh cho phẻ . Nói vậy chớ dường như tui hơi từng từng nên nảy giờ bị lạc đề , thôi giờ trở lại những trò khi của tui . Lần này tui bày trận , hồng phải để kiến , gà , cá đánh nhau mà là tui tui uýnh nhau .

Hồi thế kỷ thứ 10 , Ông Đinh Bộ Lĩnh (924-979) nhờ bày trò **cờ lau tập trận** , sau đó dẹp loạn 12 Sứ Quân và được làm vua .

Còn tui sống giữa thế kỷ 20 nên không dùng bông lau mà uýnh nhau bằng vũ khí hiện đại hơn .

Tui cura ván làm gươm , chế súng lục giống súng bắn pháo , chế súng tiểu liên bằng thân cây lùn, cắt thiếc, nỉ của cái b ết , giấy kim tuyến ... làm cầu vai cấp bậc .

Có ai chỉ biểu gì đâu nhưng trong quận, thấy quan một lầi vạch nên lon của tui là quan sáu với 6 vạch, thẳng bạn thân nhất thì tui cho nó đeo quan năm và cứ thế mà tụt dần xuống .

Buồn cười là sau này tui mới biết Tướng thì lớn hơn Đại Tá và theo galon của Tây thì Quan năm, quan sáu gì cũng chỉ có 5 vạch nhưng colonel thì 5 vạch trắng còn quan năm thì 5 vạch vàng – trắng lẫn lộn. Tuy vậy mỗi lần Tây đi ruồng bố tui phải giấu thật kỹ, may mà họ biết nhà tui chỉ có Mẹ tui và tui hồng có ai theo Việt Minh nên chẳng bao giờ lục soát, bằng không thấy mấy cái lon tự chế của tui chắc chúng sẽ cười bể bụng mà chết

Hồng có ai dạy tui, nhưng thay vì cút bắt, trốn kiếm dưới trăng tui thường tổ chức 2 phe dàn trận đánh nhau, cũng có người chỉ huy, mật khẩu nhận dạng, cứu thương ...

Có những người lớn hơn tui nhiều tuổi nhưng thấy ngộ ngộ và vui vui nên tham gia cũng đông.

Tiếc thay một thiên tài quân sự nhí như vậy mà hồng được làm vua như Ông Đinh Bộ Lĩnh và khi đi lính sau này hết cỡ chỉ làm tới chức **xuồng trưởng**.

Tui còn vô số trò chơi khác như cho kiến vàng, kiến hôi, kiến lửa, kiến nẻ ... đánh nhau, cho chim ngáy và chim đêm (cú, ục, heo) uỳnh nhau, bơi mặt gà để chúng đánh nhau, tổ chức săn chim, dơi, chồn, chuột, săn mật ong, đốt tổ ong vò vẽ, hót cá lia thia

Những chất liệu này người có khiếu viết văn có thể sáng tác thành quyển sách hấp dẫn, nhưng tui viết lách dở lại sợ làm cho các Bạn nhàm chán nên xin được phép ngưng nơi đây.

Paris, đầu năm 2018.

HQ.tkd

MÙA XUÂN NĂM ẤY...

Lê Tấn Lộc



Hỡi cô gái khép đôi tà áo

Xuân nhật dăng lâu vọng cố nhân

Chàng trai phong nhã ngày xưa ấy

Đã bỏ tình riêng theo nước non

Tân đứng trước không khí rộn rã vui tươi tung bừng đón Xuân Tân Mão 1951. Trăng đêm thức đọc *Nửa bờ xương khô* của Vũ Anh Khanh, một tay xoa bóp các vết bầm trên thân thể sau trận đòn do người anh răn dạy mình đã tỏ tình không đúng chỗ với cô gái cưng của ông chef của anh, tay kia lần giở tập học trò với nhiều bài thơ tiền chiến chép tay, Tân thì thầm đọc:

*Cụ gạo nghề cười rung rung râu trắng
 Nhẹ bảo chàng: “Em chẳng biết gì u?
 Bao năm qua khói loạn phủ mịt mù
 Người nước Việt ra đi vì nước Việt
 Tha La vắng vì Tha La biết
 Thương giống nòi, đau đất nước làm than...”*

Từ dạo bước chân vào trường trung học, càng đọc các truyện về những chàng trai theo kháng chiến chống Pháp -nhút là các truyện của Thâm Thệ Hà- Tân càng thán phục họ và cảm thấy lòng yêu nước bị kích động mãnh liệt, thâm tâm nhen nhúm niềm khao khát noi gương họ... “thoát ly”! Các tập truyện mỏng này do nhà phát hành Nam Cường phổ biến rộng rãi và được giới trẻ -nhút là giới học sinh- cũng như người đứng tuổi nồng nhiệt đón nhận. Tân vừa say mê vừa cảm động ngẫu nhiên đọc *Em không về nữa chị ơi, Chiếc hòm chun nhận, Xin đắp mặt tôi mảnh lụa hồng*, v.v... Nhưng “Nửa bờ xương khô” mới thực sự là quyển sách gói đầu giường của Tân.

Phải nhìn nhận thuở ấy, đối với Tân, những truyện viết này quá xuất sắc, càng xuất sắc hơn nữa là chúng đã khéo léo “qua mặt” được nòng kiểm duyệt “thông tin” của bộ máy cai trị thời đó, vốn chịu nhiều áp lực nặng nề và sự kiểm soát gắt gao của thực dân Pháp. Điều lạ lùng nhút là chúng đã thành công đẩy lui vào quên lãng những hoài niệm kinh hoàng của Tân tích tụ từ thời cùng gia đình tản cư, hưởng ứng lời kêu gọi “tiêu thổ kháng chiến” của Việt Minh! Quả thật,

tuổi thơ vẫn sẵn lòng quên những phát súng những mũi dao của bọn người lớn...

Cuối cùng Tân quyết định sáng sớm tinh sương mừng bốn Tết Tân Mão âm thầm ra đi với Trang, bạn cùng trường ở Vĩnh Long, cả hai vai mang đờn mandoline, tay xách túi nhỏ đựng hai bộ quần áo với một ít tiện nghi vệ sinh hằng ngày. Để qua mắt chính quyền, người “móc nôi” kín đáo “gởi” Trang và Tân trên chuyên xe di chuyển gánh hát cải lương *Phát Thanh* của ông *Bầu Tèo* sang lưu diễn tại Cái Bè, thuộc quận Cai Lậy, với thành phần diễn viên nòng cốt: đào thương tinh sắc vẹn toàn *Nguyệt Yên*-“*Nữ Thần Trong Động Lửa*”, kếp mù *Paul Thuận* gây yếu xanh xao, kếp độc *Hoàng Dưỡng* tướng tá bậm trợn, đặng đặng sát khí, v.v... Và hẹn một tuần sau đến đón hai cậu học sinh bỏ trường vô “khu” ...

Đảo mắt nhìn bao quát lần cuối thành phố còn say ngủ, thành phố tư bề có sông rạch bao quanh, đã yêu thương dung dưỡng biết bao mộng mơ bất thành của mình, Tân khe khẽ ng âm nga:

*qu êt ôi ở giữa kinh thành
 có những phố phường nhỏ nhỏ
 có những buổi chiều xanh xanh
 bụi loã trong lòng thương nhớ
 -*-*

Đến hẹn vẫn chưa thấy người móc nôi xuất hiện như đã hứa. Hai thiếu niên Tân-Trang bỗng nhiên trở thành hai trẻ lạc loài như *Rémi* và *Mattia* trong truyện *Vô Gia Đình* (Sans famille) của Hector Malot. Tân chợt nghĩ có lẽ rồi đây mình cũng sẽ như Rémi theo ông nhạc sĩ già *Vitalis* mưu sinh! Được báo cáo có hai cậu học sinh “bỏ nhà theo gánh hát”, ông bầu Tèo và tình nhân Nguyệt Yên vặn hỏi hai đứa muốn họ cho người đưa về nhà chẳng. Cả hai đều nhút quyết “theo gánh hát”, chẳng thể nào dám tiết lộ chờ người dẫn

ra “khu”! Thôi thì *một liều ba bảy cũng liều*, sự thế đã thế thì đành... *gặp thời thế thế thời phải thế!*

Khởi đầu, bầu Tèo giao cho hai trẻ thủ vai vệ sĩ cho “dũng” tướng Paul Thuận, cứ mỗi lần ra quân phải kéo ro ro vài điều lấy hơi và phải mặc áo độn cho ngực vung vai u để không quá lép vế trước người yêu Nguyệt Yên, đào lẳng tràn đầy nhựa sống, “trẻ mãi không già”, phu nhân bị cưỡng ép của loạn tướng Hoàng Dương quá ư gồ ghề, “gian ác”. Hai trẻ rất được ông bà bầu gánh cung chiều và anh chị trong đoàn hát thương mến. Nhờ thế Tân và Trang đỡ tủi thân. Trước mắt, có cơm ăn áo mặc tương đối tươm tất. Riêng Tân có khiếu văn nghệ nên được truyền dạy cổ nhạc. Hai cây mandoline coi như bỏ xó! Thế nhưng, không như Trang có vẻ dễ dàng thích ứng với cuộc sống mới, Tân vẫn thấp thỏm trông đợi người móc nối tới lời mình ra khỏi “kiếp cầm ca”, để được dịp nhắn gửi người con gái đã khiến Tân bị ông anh mình dẫn một trận đòn như từ:

*Nghe chẳng cô gái đô thành nội?
Áo trắng an ninh giữa lũy đồn
Xuân sang rằm rức sầu quê tổ
Ai điểm trang mà em phấn son?*

Trong khi chờ đợi, đào chánh Nguyệt Yên sai người hầu cận *Bảo Ngọc*, một thiếu phụ nhan sắc hiền thực, phong cách thùy mị (phụ trách trang điểm các diễn viên) tới nhờ kếp độc Hoàng Dương và *Tư Đệ* (nhỏ con, nhẹ cân, chuyên thủ vai kiếm khách “bay” lượn trên sân khấu) trông chừng và truyền nghề cho Tân: Đệ dạy đánh kiếm, đầu “boa nha” (dao găm). Dương chỉ dẫn điệu bộ trình diễn cải lương và các điệu ca *Vọng Cổ, Xàng Xê, Chuồn Chuồn, Nam Ai, Mẫu Tầm Tử, Khóc Hoàng Thiên, Lý Con Sáo, Kim Tiền Bản...* Riêng Trang được thầy đờn huấn luyện ghita sáu dây phím lõm; không mấy chốc ngón “nhấn” của Trang được coi như đã nhuần nhuyễn, nức-nở-mùi-mẫn-thôn-tim!

**

Một tháng, hai tháng, rồi ba tháng trôi qua: chẳng thấy bóng dáng người có nhiệm vụ đưa đường dẫn lối hai cậu học-sinh-tho ấ-ly vào “khu chiến”. Tân và Trang -nhút là Tân-đành miến cưỡng thập tùng gánh hát đi lưu diễn khắp các tỉnh miền Đông Nam Phần. Hằng đêm cùng ăn cháo khuya với Hoàng Dương và Tư Đệ, Tân được nghe nhiều chuyện bí ẩn, cực kỳ lý thú, khi bức màn nhưng đã buông xuống, lúc “*sân khấu (đã) về khuya*”...

-Lúc này Tân có thấy gì khác lạ khi hai tay trung thần và nịnh thần đối đáp chẳng? Hoàng Dương hỏi.

-Họ diễn thực quá! Tát tai nẩy lửa, đối đáp chan chát...

-Bởi vì trung và nịnh thần trên sân khấu có mỗi tư thù ngoài đời. Ông thầy tuồng biết rõ nên mới phân vai quá đúng. Cả hai là tình địch. Nịnh thần cướp tình nhân của trung thần. Cho nên khi trung thần xỉ vả nịnh thần: “*Bản mặt nhà người coi bảnh bao vậy chó cái lưng nhà người đây theo ghê ngứa*”, anh ta “hát cương” (mà kếp nịnh thần ghê ngứa đầy mình thiệt!). Và nịnh thần cũng vả miệng trung thần thiệt tình (trả đũa mà!) thay vì gơ tay mặt giả bộ vả, tay trái vỗ vô đùi tạo ra tiếng “bốp”! Tân thấy chưa, sân khấu và cuộc đời nhiều khi không khác nhau lắm đâu! Thảm trạng của những ai theo đuổi nghiệp “dưới ánh đèn màu” là vậy đó: Một số đem cuộc đời lên sân khấu như Tân vừa chứng kiến. Một số, ngược lại đem sân khấu xuống cuộc đời! Câu sanh nghề tử nghiệp coi vậy mà đúng quá!

Nóc cạn ly xây chừng rượu thuốc, khả một tiếng nghe thật đã, Hoàng Dương tiếp:

-Anh kể Tân nghe vài hiểm nguy nghề nghiệp: Có lần đi hát ở tỉnh lẻ, cô Bích Thuận diễn xuất vai Thúy Liễu (trong *Lan và Diệp*) quá xuất sắc, đã bị một nam khán giả văng tục mắng nhiếc thậm tệ, thiếu điều muốn trèo lên sân khấu hành hung cô! Vị khán giả này phản ứng kịch liệt như vậy vì ông ta thực tình “thấy” cô đích thị là...Thúy Liễu! Châm thêm rượu vào ly xây chùng, Hoàng Dương kể tiếp:

-Cách đây 2 năm, khi gánh hát mình lưu diễn tại Nam Vang, anh xem bị một ông “đàn thỏ” (Cao-Mi ên) *cáp duôn!* Cũng vì anh đóng quá “đạt” vai nịnh thần Bàng Hồng! Tay này ngồi hàng ghế đầu, phát thính chửi thề: “*Dơ! Tao chem chêt me mây!*”. Rồi xách dao xông lên sân khấu toan làm thịt anh! Rất may cảnh sát can thiệp kịp thời, còng tay chàng ta lôi đi. Thế mà ông còn ngoái đầu lại hét lớn: “*Dơ! Tao chờ mây ra đưng tao chem chêt cha mây luôn!*”. Suốt cả tháng anh chẳng dám lộ mặt ra đường ăn cơm tiệm, đành trốn miết trong rạp hát húp cháo cầm hơi, sụt gân chực ký! Lúc giờ gánh đi, anh phải núp trong rương quần áo, hia mả mới thoát chết vì ông đàn thỏ ổng cầm dao chực sẵn ngoài rạp, hễ thấy anh là...“phụ” liền!

Một điểm khá lạ lùng với Tân, không hiểu vì sao Bảo Ngọc có vẻ rất “thương” và tận tụy chăm sóc từng miếng ăn, thức uống, giặt ủi luôn áo quần cho Tân...Đặc biệt hơn nữa, người thiếu phụ xinh đẹp dễ mến này cứ nằng nặc đòi Tân phải nằm ngủ sát cạnh nàng! Lý do nàng nêu ra là có Tân kề cận nàng yên bụng đêm khuya khoắc không bị mấy tay kếp “thả dề” ầu tả!

Đã có tiếng xầm xì nàng và Tân “bồ bịch”. Dĩ nhiên không có chuyện đó, dù nàng chỉ hơn Tân bốn năm tuổi thôi. Nghe đâu nàng đã một lần dang dở tình duyên. Tân không dám hỏi nhưng nghe đồn kết cuộc rất bi thảm...

Thế rồi việc gì phải đến cũng sẽ đến, khi gánh hát trở lại Cái Bè. Tân chẳng thể ngờ lâu nay Bảo Ngọc âm thầm “chăm sóc” Tân là vì đã được người móc nối ở Vĩnh Long giao trách nhiệm tìm hiểu hai cựu học sinh bỏ trường có thực lòng muốn theo kháng chiến chống Pháp chẳng. Sau vài tháng theo dõi, quan sát, Bảo Ngọc thấy rõ chỉ còn Tân muốn vô khu...

Đêm ấy, như thường lệ, sau khi vãn hát Tân sửa soạn chỗ ngủ sát cạnh Bảo Ngọc. Giữa đêm, một làn hơi ấm thoang thoang mùi hương bưởi phả vào mặt Tân: khuôn mặt hiền hòa của Bảo Ngọc ẩn hiện huyền ảo dưới ánh đèn măng-xông (manchon) vụn nhỏ... Nàng đưa ngón tay lên miệng ra dấu giữ im lặng, vội vã kéo tay Tân về vùng bóng tối sau cánh gà “đề-co” (décor) trên sân khấu, kề tai Tân yêu cầu gấp rút gom góp hành trang rời gánh hát ngay...

Tim Tân đập loạn xạ, thầm nghĩ chẳng lẽ nàng rủ chàng bỏ trốn đi xây tổ uyên ương? Vô lý, lâu nay nàng vẫn xem Tân như người em mà!

-Đi đâu vậy chị? Tân thì thảo hỏi.

-Đi đến một nơi mà Ngọc sẽ giúp Tân toại nguyện...

Tân đỏ mặt tía tai. Toại nguyện cái gì? Lẽ nào là...“chuyện ấy”? Sao nàng lại xưng tên mình và gọi Tân bằng tên, không như từ lâu vẫn một mực “*chị nói em nghe...*”?

-Chị nói gì em không hiểu...

-Tân đừng chị chị em em với Ngọc nữa! Chúng ta bình đẳng, cùng chí hướng. Ngọc nói cho Tân rõ: Ngọc là giao liên. Ngọc sẽ đưa Tân vô khu trước khi trời sáng. Từ nay trở đi, chúng ta là bạn và Ngọc sẽ luôn sát cánh giúp đỡ Tân trong mọi tình huống. Yên chí đi, lúc nào bên cạnh Tân cũng có Ngọc, như trước đây lúc nào bên cạnh Ngọc cũng có Tân...Xuồng ba lá nguy trang đã được chuẩn bị sẵn sàng. Tân không rành đường đi nước bước nơi đây, nhứt là trời còn tối om, nên Tân phải nắm chặt tay Ngọc. Từ đây tới

chỗ xuống đậu mắt ít nhứt nửa tiếng đồng hồ. Trong mọi trường hợp Tân không được buông tay Ngọc...

Chàng và nàng vừa bước xuống xuống thì có tiếng chân người thành thịch bên kia bờ sông! Ngọc vội vã đẩy Tân bật ngựa ra khoang xuống, nằm sấp lên người Tân, đúng lúc ngọn đèn pha trên lô-cốt quét sáng trưng vào bụi ô-rô đang che khuất chiếc xuống ba lả cùng lúc với tiếng quát tháo bằng tiếng Pháp:

-*Qui va là? Halte-là!* (Ai đó? Đứng lại!)

Một tay bịt miệng Tân, tay kia nắm chặt trái lựu đạn đã mở chốt, Ngọc trong tư thế sẵn sàng phản công tự vệ hoặc...tự sát!

Một tràng tiểu liên “ria” bừa vào đám ô-rô. Ngọc áp sát người trên Tân, chắc chắn với ý định dùng thân đỡ đạn cho chàng!

Một loạt đạn thứ hai “tươi” cầu âu vào lùm cây thăm dò phản ứng. Trong tình thế cực kỳ nguy ngập, Tân vẫn thấy người nóng rần trong đêm lạnh, bởi chưa bao giờ được dịp ngây ngất vì hương vị da thịt của phái yếu...Khoái cảm đầu đời!

Đèn pha quét rọi đã tắt ngấm từ lâu nhưng Ngọc vẫn nằm yên trên Tân! Tự dung Tân ao ước ánh đèn oan nghiệt kia lại chọc thủng màn đêm, từng tràng tiểu liên lại “rót” không ngừng vào bụi cây, cho Ngọc tiếp tục ghi siết Tân thâu đêm...Nhưng Ngọc đã nhòem dậy, bình tĩnh đẩy xuống ra khỏi lùm ô-rô: Nàng vẫn không quên trách nhiệm được giao phó!

Cuối cùng Ngọc chu toàn nhiệm vụ. đưa Tân an toàn “ra bung”. Lúc bước lên bờ, đến bìa rừng chồi, Ngọc yêu cầu Tân cho Ngọc bịt mắt để bảo mật lộ trình dẫn tới điểm đến, theo qui định Ngọc phải tuân thủ.

Sau khi hướng dẫn Tân đến “ra mắt” người điều khiển khu mang bí danh *Tur Ròm*, trách nhiệm chiến khu mang ám số *C5*, Ngọc giữ đúng lời hứa không rời Tân nửa bước, Sự quan tâm của Ngọc khiến Tân đỡ xao xuyến. Không hiểu sao giáp mặt *Tur Ròm*, Tân cảm thấy rợn người, tâm thần bất ổn trước cặp mắt cú vọ và cái miệng gần như không có môi của hắn, y như miệng rắn!

-Cô Ngọc giao cậu Tân cho *Sáu Cui* khai tâm về đường lối của Cách Mạng và huấn luyện xử dụng vũ khí, *Tur Ròm* ra lệnh. Cậu Tân qua bên đó ăn ở luôn với anh Sáu...

-Thưa anh *Tur*, Ngọc nghiêm mặt trả lời. Huấn luyện Tân thì giao cho anh Sáu. Nhưng Tân phải ở với tôi. Người móc nối Tân ở Vĩnh Long dặn dò tôi rất kỹ phải luôn luôn canh chừng Tân. Anh ấy nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Và tôi không thể trái lệnh...

-Thôi được. Tạm thời, tôi chấp nhận như vậy. Tuy cô trực tiếp chịu trách nhiệm với *Bảy Vẹo* ở Vĩnh Long, nhưng ở đây là vùng trách nhiệm của tôi, mọi chuyện phải theo qui định của tôi...

-Anh *Tur* cho Tân theo tôi “hoạt động” vài lần cho quen việc, rồi chúng ta bàn lại... Trên đường về trạm giao liên -hầm trú ẩn được nguy trang rất tinh vi, tránh máy bay quan sát khám phá dành riêng cho Ngọc nghỉ ngơi, Tân thắc mắc:

-Sao Ngọc cứ muôn mình ở chung với nhau vậy? Tân thấy *Tur Ròm* có vẻ hắc ám quá! Anh ta là người Nam mà sao giọng nói lơ lớ như...người Bắc hay người Trung vậy?

-Câu hỏi thứ nhứt của Tân, Ngọc sẽ trả lời sau, vì chuyện khá dài dòng...*Tur Ròm* là người Nghệ Tĩnh. Hắn bắt chước giọng Nam để giấu biệt gốc gác của mình, cho thiên hạ lầm tưởng hắn là dân địa phương, hầu dễ bề gây cảm tình với quần chúng. Tân linh cảm đúng về hắn đó. *Sáu Ròm* rất tàn bạo và quỷ quyệt. Ngọc nhắc Tân lần nữa, như mình đã nhất trí: Tân phải luôn bám sát Ngọc.

Ngưng một lúc, Ngọc choàng vai Tân, kề tai hạ thấp giọng:

-Thêm điều kiện này nữa cho thật an toàn: Từ nay trở đi, mình phải đóng kịch như đôi nhân tình. Tân không nên xem thường điều kiện mới này, vì nó tối quan trọng, có t ính

cách sinh tử chứ không phải chuyện giả bộ chơi cho vui đâu! Chuyện này ít nhiều liên quan tới câu hỏi thứ nhứt của Tân...

Tân định vặn hỏi nhưng Ngọc đã nhanh chóng kéo Tân xuống hầm, đóng nắp lại. Qua ánh đèn bập, Tân nhìn thấy một thùng gỗ chứa đầy lựu đạn đặt cạnh một cây mi-trai-dét (*mitraillette Mas 36*) mà Tân thường thấy lính Tây được trang bị.

-Tân nhìn khẩu *Mô-ze* (Mauser) phòng thân của Ngọc đây. Ngọc sẽ chỉ Tân cách sử dụng. Có dịp, Ngọc sẽ kể câu chuyện về nó để trả lời câu hỏi thứ nhứt của Tân...

Trước khi ngọn đèn dầu leo lét được thổi tắt, Tân thoáng thấy Ngọc lên đạn khẩu Mauser...

Suốt hai tuần, Sáu Cũ vừa nhồi nhét “đạo đức cách mạng” vừa tập cho Tân đủ mọi thể ném lựu đạn (và tháo chạy!), tuyệt nhiên không chỉ dẫn gì hết về súng đạn. Ngọc luôn có mặt bên cạnh Tân, đưa chàng về trạm giao liên ngay sau mỗi buổi tập, không muốn Sáu Cũ kéo Tân ra khỏi tầm nhìn của Ngọc nói chuyện riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Tư Rọm tới ve vãn nàng.

Tư Rọm bực tức, hậm hực nhìn “hai trẻ” nắm tay “tình tứ” đưa nhau về “động hoa vàng-hầm trú ẩn”! Hắn thèm khát Ngọc từ lâu. Bao nhiêu lần hắn đột nhập vào “sào huyệt” của Ngọc mưu toan hái mận bẻ đào nhưng không kết quả. Lần nào Ngọc cũng mở chốt lựu đạn cảnh cáo hắn nếu sấn tới sẽ buông tay cho cả hai cùng tan xác!

-Ông sẽ cho chúng con biết tay ông! Hắn làu bàu, miệng méo sệch, sùi bọt mép, cặp mắt cú vọ đỏ rực, trợn trừng trông khiếp vía...

Một tuần sau Tư Rọm giao cho Tân công tác rải truyền đơn. Dĩ nhiên có Ngọc đi kèm. May thay! Nếu không Tân đã bị mật thám Tây bắt hoặc bị bắn hạ khi tháo chạy! Vào giờ chót, Ngọc thay đổi địa điểm do Tư Rọm chỉ định. Thay vì trong nhà lồng chợ, Ngọc canh chừng cho Tân thi hành công tác tại trường tiểu học quận lý...

-Tân chớ lo. Ngọc báo cáo địa điểm trong chợ bị địch phát giác...

-Ngọc tài thật. Sao Ngọc biết trước địa điểm này nguy hiểm?

-Ngọc sẽ nói rõ ngọn ngành với Tân sau. Tạm thời Ngọc bảo gì Tân cứ y thế mà làm. Nếu không mạng sống Tân sẽ như chỉ mảnh treo chuông!

Trên đường về, Ngọc thay đổi lộ trình nhiều lần...

Đêm đó, dưới ánh trăng lười liềm yếu ớt, ẩn mình trong khu rừng chồi ven sông, Ngọc tiết lộ hành tung khiếp đảm của tay huyện ủy đã khiến Tân rợn óc, lần đầu chạm mặt:

-Hắn tên Đỗ Xảo, năm nay hắn đúng 35 tuổi, giỏi lắm học tới lớp tư trường làng, sống bằng nghề chính bung mâm rửa chén cho các tiệm ăn; nghề phụ, nhỏ rãnh và thiên heo đạo. Năm 20 tuổi, hắn bỏ xứ trốn vào Nam vì đâm chết một đối thủ cùng trở nghề cướp giựt, móc túi. Hắn chuyển qua nghề dẫn mối gái ăn sương cho lính Tây. Nhờ vậy hắn được một tên lính lê dương (*légionnaire*) giới thiệu làm bồi cho vợ chồng một quan hai Tây. Hai năm sau hắn mò vào phòng ngủ đâm chết ông trung úy, rồi hãm hiếp và siết cổ bà trung úy cho tới chết. Từ đó hắn tuyệt tích giang hồ. Nghe đâu nhờ “thành tích” dẫm máu này, hắn được kết nạp vào Đảng!

Ngọc nghe anh chị em ở đây xầm xì là trước khi đáo nhậm C5 hắn đã trở về quê cũ ném lựu đạn rồi phóng hỏa đốt nhà ông hội đồng Thành, giết sạch gia đình ông này cùng vợ và hai con hắn được ông hội đồng cho tá túc làm việc nhà, sau khi hắn can tội giết người bỏ trốn. Nhằm tạo thành tích dâng cho Đảng, hắn không từ nan bất cứ chuyện gì có lợi cho hắn thăng tiến, kể cả việc giết luôn vợ con mình! Hiện nay “quan” huyện ủy nhà ta cuỗm vợ của một du kích xã đã bị Tây phục kích bắn chết. Thiên hạ đồn rằng hắn đã mật báo cho Tây lộ trình của anh du kích! Bây giờ hắn lại muốn “chiếu cố” Ngọc...

-Do đó Ngọc cần Tân sống chung với Ngọc để...

-Đúng vậy. Nhưng còn một lý do thầm kín khác mà từ từ Tân sẽ hiểu... Trong khi chờ đợi, Ngọc có bổn phận bảo vệ Tân và... ngược lại!

-Ngược lại?

Ngọc không trả lời câu hỏi của Tân, trái lại vội vàng ghi siết Tân vì... Sáu Cũ đi tuần tra các tổ báo động ven sông vừa rơi đèn pile vào “chàng và nàng” đang (giả bộ) mùi mẫn!

Một tháng sau khi tới C5, Tân bắt đầu nhuộm bệnh sốt rét rừng. Ngày cũng như đêm, Ngọc túc trực bên Tân cạo gió, giác hơi, nấu nồi xông, đút cháo cho Tân cầm cự chịu trận cho cơn bệnh hành hạ. Mỗi lần “làm cử”, đắp bao nhiêu chăn mền đều không ngăn được Tân rét run tận xương tủy, đến độ Ngọc phải ôm cứng Tân “đè” chàng xuống sạp tre, nếu không chắc Tân đã té lăn xuống đất!

Ngọc van nài Tư Rọm xin vài viên kí-nin (quinine), nhưng hắn dứt khoát từ chối, viện lẽ thuốc để dành chữa cho các “đồng chí” chiến binh mau bình phục, sớm trở ra trận tuyến. Tân không thuộc loại được ưu tiên săn sóc này.

Không còn cách nào khác, Ngọc đành liều lĩnh lên ra “thành” cầm đôi bông tai mua kí-nin giá chợ đen về cứu Tân qua cơn nguy kịch. Cơn làm cử vừa lui đôi chút, Tư Rọm giao công tác liền tức khắc cho Tân. Ngọc phản đối. Hắn lạnh lùng “phản”:

-Cánh Mạng không thừa cơm nuôi bọn ăn không ngồi rồi!

Lần này hắn cho Sáu Cũ “tăng cường” tổ công tác: Tân phải liệng lựu đạn vào một quán ăn trong chợ, nơi lính tráng từ trại binh của Tây thường ra ăn uống. Sáu Cũ lên đường trước, hẹn giao hai trái lựu đạn cho Tân trước cửa chợ.

Nửa giờ sau Ngọc và Tân rời hầm trú ẩn, tiến về mục tiêu được chỉ định...Đột nhiên, Ngọc thay đổi lộ trình, kéo tay Tân vô khu rừng chồi, nhờ Tân phụ đẩy xuống nước chiếc xuống ba lá đã đưa Tân tới C5, đem giấu sau đám lau sậy ven sông.

-Tân giữ trái lựu đạn này phòng thân, tuyệt đối im lặng chờ Ngọc trở lại. Ngọc đã lo liệu mọi thứ đâu vào đó rồi. Tân đừng sợ. Ngọc đi đây!

Áng chừng 30 phút sau, một tràng tiểu liên phá tan sự im lặng ban mai. Tân bồn chồn lo lắng cho Ngọc, muốn rời xuống chạy về hướng có tiếng súng nghe ngóng tin tức, tuy nhiên vẫn cố dằn lòng nằm im, nhớ lời Ngọc dặn dò...Nhưng rồi nhiều loại súng thi nhau nổ ròn tan khiến Tân không còn chịu nổi sự căng thẳng cân não. Tân dợm nhảy lên bờ tiếp cứu đồng đội thì... từ xa Ngọc hốt hể phóng tới hồi hả bơi xuống lướt nhanh đi, luồn lách trong hệ thống kinh rạch chằng chịt tìm cách thoát khỏi khu C5.

Đêm đến, Tân “làm cử” dữ dội hơn mọi bận: sau cơn rét run bằng bật suýt làm xuống lật chìm, Tân nóng sốt mê sảng, ói mửa thâu đêm. Ngọc mệt mỏi choàng ôm cứng Tân ngủ thiếp cho tới lúc mặt trời đứng bóng, Tân vẫn chưa ra khỏi giấc ngủ như hôn mê...

-Tân! Tân! Ngọc lay gọi. Ráng tỉnh dậy đi! Có chuyện này rất quan trọng, Ngọc cần bàn với Tân. Mình đã ra khỏi vùng kiểm soát của C5 và cũng đã vượt khỏi khu Tây có thể truy lùng. Sáu Cũ đã bị bắt.. Ngọc cố ý cho “bê” vụ Tư Rọm sai hắn gài bẫy cho Tân sập hầm Tây. Tràng tiểu liên do Ngọc bắn đã cứu Tân thoát chết. Bây giờ Ngọc dự tính đưa Tân về với gia đình, trở lại trường học. Ở lại C5, Tân không chết về tay Tư Rọm cũng sẽ chết vì sốt rét rừng.

-Làm sao Tân về nhà mà không bị công an bắt về tội trốn ra bung?...

-Tân yên tâm. Anh Bảy Vẹo đã chuẩn bị rất tỉ mỉ cho chuyến trở về của Tân hoàn toàn êm xuôi với chính quyền Vĩnh Long. Trước mắt, về tới nhà, Tân phải ẩn mặt một thời gian. Anh Bảy sẽ kín đáo cho người đến lo liệu mọi thứ với gia đình Tân...

-Nhưng Ngọc sẽ ra sao nếu Ngọc trở về C5? Chẳng thể nào Tư Rọm tha cho Ngọc và Tân đã bất tuân lệnh của hắn, khiến Sáu Cũ bị bắt...

-Tân không phải lo. Anh Bảy “uy thế” hơn Tư Rọm nhiều, nên hẳn không dám đụng tới Tân. Ngọc sẽ báo cáo Tây nó làm tướng Sáu Cũ là...Tân! Mà đúng vậy. Vì sau đó Tây mang Sáu Cũ ra giữa chợ bán bỏ! Điều này cho thấy rõ ràng Tư Rọm đã mật báo cho Tây vây bắt Tân và bắn chết ngay, bởi vì hẳn dinh ninh Tân là tình địch ...

-Càng thêm một lý do nữa để Ngọc đừng quay lại C5! Sao Ngọc không thừa cơ hội này ra đầu thú hay trở về hoạt động với anh Bảy?

-Có nhiều tình tiết mà lúc này Ngọc chưa tiện tiết lộ cho Tân rõ. Nhưng nhứt định Ngọc phải tiếp tục công tác bên cạnh Tư Rọm để chờ cơ hội...

-Cơ hội?...

-Từ từ Tân sẽ rõ. Ngọc thấy Tân còn quá yếu, cần nằm nghỉ lấy sức. Ngọc cũng vừa bán chiếc nhẫn mua thêm vài viên quinine giúp Tân cầm cự vài hôm nữa để Ngọc có thể đưa Tân tới Bắc Mỹ Thuận cùng Tân đón xe đò về Vĩnh Long...

-Tân không đành lòng để Ngọc hứng chịu mọi hiểm nguy thường xuyên với con quý dâm ô có cái miệng như miệng rắn, chỉ vì muốn giải cứu Tân...

- Thì Ngọc cũng đã lợi dụng Tân như tấm bình phong để bảo vệ mình trước mưu đồ hắc ám của tên quý sứ đó! Và lại Ngọc có mối thù bất cộng đái thiên với tên lưu manh đội lốt cách mạng này. Tân còn nhớ Ngọc nói có dịp Ngọc sẽ kể câu chuyện về khẩu Mauser tùy thân này chẳng?

Ngọc không nghe Tân trả lời vì Tân lại vừa lên cơn sốt rét kịch liệt...

Tân hồi tỉnh trên căn gác mà các cửa sổ đều được đóng kín, tưởng chừng như vừa giật mình thức giấc sau cơn mộng dữ dai dẳng: Tân bỏ học? Tân theo gánh hát? Tân vô khu? Tân rải truyền đơn? Tân trên đường mang lựu đạn đi ném vào khu chợ búa đông dân cư? Tân bị sốt rét rừng suýt chết? Tân bỏ khu trốn về thành? Ngọc! Ngọc ơi! Ngọc đâu rồi? Mọi chuyện đã thực sự xảy ra như thế hay tất cả chỉ là một giấc mơ dài?

Rõ ràng đây là căn gác trên lầu nhà Tân, nơi vừa là phòng ngủ vừa là phòng học của Tân và đứa em trai mà! Lẽ nào do ôn bài thấm mệt Tân ngủ quên trên giường đến độ nằm chiêm bao kinh khủng quá sức tưởng tượng?

Thân thể nóng bốc khói, miệng khô đắng, Tân dụi mắt cố gượng dậy. Vừa đứng lên, chàng lão đảo té sập xuống sàn gỗ, sặc máu mũi, môi miệng ứ máu sừng húp! Dưới nhà có tiếng chân người vội vã chạy lên cầu thang...

-Tân! Tân con! Ba đây, đừng sợ! Đã 3 ngày rồi con mê sảng... Có người giúp ba lên đưa y tá tới chích kí-nin-mắc (quinimax) nên con mới bớt làm cử. Nhưng con còn yếu lắm, lưỡi con đóng bợn cứng ngắt, nói chuyện khó khăn. Chưn con chưa đứng vững được nói chi tới bước đi. Chờ má con đi chùa Bà Đồi thu xếp xong về, ba sẽ đưa con vô đó tạm lánh mặt để chữa trị, tránh chòm xóm dòm ngó. Cô Ngọc nói với ba anh Bảy đã “lo” xong với chánh quyền chuyện con trở về. Họ coi như con lỡ đại ham vui “theo gánh hát” thôi. Anh con cho biết đã được trường con đồng ý cho con trở lại đi học. Con ráng tỉnh dưỡng...

-Vậy là con không nằm mơ, phải không ba? Ngọc đâu rồi ba?

-Cô ở lại một ngày, một đêm bên con. Sáng sớm hôm sau cô kiêu từ và nhờ ba má nói với con là cô rất quý mến con. Cô yêu cầu ba giữ cuốn sổ nhỏ này nhưng dặn ba chỉ đưa cho con khi tình trạng sức khỏe con khả quan...

Tân cảm thấy cổ họng nghèn nghẹn, mắt cay xè...Ngọc ơi! *Bây giờ (Ngọc) ở đâu? Góc biển hay rừng sâu?* Chúng ta vĩnh viễn chia tay nhau rồi chẳng? Có lẽ Tân sẽ không còn ứa lệ như trước nữa, khi cảm cảnh *Em không về nữa chị ơi...*Mà rồi đây Tân sẽ phải âm thầm thổn thức...*Chị không về nữa em ơi!*

Đã một thời chúng ta tựa vào nhau chống chọi với thói đời ở một nơi mà chúng ta ngỡ là ưu việt, là cao cả, là... cách mạng! Ngọc ơi...

*hai cánh bèo trôi bết lẻ
sông dài cũng đỡ tràng giang
ta ép chung từng tiếng lẻ
chia nhau nửa giấc kê vàng*

Liên tiếp ba ngày sau khi Ngọc ra đi, một cơn bão rớt trút mưa xối xả xuống thành phố Vĩnh Long. Hệ thống cống rãnh không còn khả năng thoát nước, đường phố chìm dưới nửa thước nước. Riêng con đường mòn từ lộ cái dẫn tới chùa Bà Đội, nước ngập tới lưng quần! Xe cộ vô phương lưu thông, ba Tân đã phải kê lưng cống Tân lội nước trên 3 cây số, từ nhà đến chùa dưới cơn mưa tầm tã... Tân khóc nức nở thương xót cha già khổ lụy vì con! Nhờ cơn bão rớt, đường phố vắng hoe, cha con Tân an toàn di chuyển trên lộ trình gian khổ đưa Tân đi mai danh ẩn tích trị bệnh...

Một tuần cật lực điều trị, lớp uống quinine, lớp tiêm quinimax, Tân hồi lực thấy rõ. Sớm chiều nghe kinh, tâm hồn nhẹ lâng theo tiếng đại hồng chung thanh thoát, tiếng chuông mõ hoà quyện với tiếng ê a tụng niệm, Tân dần dà tìm lại được an bình nội tâm.

Bước ra sau chùa, tìm bóng mát dưới tàng cây đa, Tân lần mở quyển sổ tay của Ngọc ..mở đầu với 4 câu thơ khiến Tân đau nhói trong tim:

*Mây sớm nay về u ám quá
Đường sấu ướt át phở mờ sương
Ta xé lòng nhau làm mấy mảnh
Anh một phương và tôi một phương*

“Tân thương mến,

Không nỡ rời Tân đang đau yếu, nhưng Ngọc không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc ra đi, dù thâm tâm vẫn muốn luôn kề cận Tân để bảo vệ.

Không như lúc chúng ta sớm tối có nhau ở C5, nần ná, bịn rịn với Tân lúc này Ngọc sẽ gây nguy hiểm chẳng những cho Tân mà còn cho cả gia đình Tân. Ngoài ra, Ngọc còn món nợ to lớn phải thanh toán với Tư Rọm. Anh Bảy yêu cầu Ngọc giao cho anh ấy giải quyết, nhưng Ngọc không đồng ý. Ngọc phải đích thân ‘tính sổ’ với hắn...

Chỉ một thời gian quá ngắn sinh hoạt với gia đình Tân, Ngọc nhận ra ba má Tân thương con hết lòng, hết sức, nhứt là ba Tân. Suốt thời gian Tân vắng nhà, ông bỏ bê công việc, suốt ngày thất thần buồn bã, lắc đầu thờ dài, không mần tới chuyện uống rượu vốn đã thành thói quen của ông sau giờ trại mộc đóng cửa. Má Tân kể ba Tân vốn vô thân, chẳng những không tin tưởng gì hết mà còn châm biếm bà mê tín dị đoan, thờ ‘Chà Và’ (Phật), ‘Chệt’ (Quan Công, Cửu Thiên Huyền Nữ) v.v... Thế mà khi Tân bỏ nhà ra đi, bà thuyết phục được ông vô chùa lạy Phật và thấp nhang chấp tay xá trang thờ Bà Cửu Thiên cầu xin phù hộ cho Tân an lành trở về!

Ngọc đoán Tân rất nôn nóng muốn biết rõ việc gì đã xảy ra giữa Ngọc và tên huyện ủy ác ôn của C5. Hôm nay Ngọc sẽ kể đầy đủ tình tiết...

Sinh trưởng trong một gia đình trung lưu (ba mẹ Ngọc đều dạy học), mẹ qua đời khi Ngọc vừa bước vào tuổi 16. Ba ở vậy nuôi con mà Ngọc là đứa con đầu đàn. Ông đốc học của ba muốn Ngọc về làm dâu ông. Mà Ngọc đã trót yêu Bảo, đang học Luật. Cũng như Tân, chịu ảnh hưởng những chuyện viết về kháng chiến chống Pháp, Bảo ‘thoát ly’... Rồi thuyết phục Ngọc bỏ nhà, tránh bị cưỡng ép kết hôn.

Khởi đầu hai đứa hoạt động với anh Bảy. Sau đó được điều tới tăng cường cho C5. Ngay buổi tiếp xúc đầu, Bảo đã nghi ngờ tư cách ‘khó khá’ của Tư Rọm. Hình dong, dáng dấp của hắn gần như thường xuyên toát ra tính chất mờ ám... Riêng Ngọc thì bắt gặp ánh

mắt thèm thuồng như muốn lột trần Ngọc ra và cái nhìn quá ác cảm chia về phía Bảo của hắn!

Vài lần hắn giao công tác cho hai đứa, Bảo không còn nghi ngờ gì về tính gian manh của tên dân tộc tàn nhẫn này. Bảo nhất quyết phải vạch trần bộ mặt thật của hắn để vĩnh viễn khai trừ hắn ra khỏi hàng ngũ kháng chiến quân.

Cơ hội diệt trừ hắn đến, khi hắn sai Bảo đi ám sát con yêu râu xanh người Cọt (Corse) - Xếp sòng công an liên bang (sûreté fédérale) Pháp, trách nhiệm truy lùng khu C5-chuyên hãm hiếp phụ nữ địa phương chẳng may bị hắn nghi ngờ hoạt động chống Tây bắt giam. Tư Rọm không đồng ý Ngọc theo trợ lực, nhưng Ngọc vẫn bí mật tới yểm trợ Bảo... Hai đứa tin chắc tài liệu về hành tung bí hiểm của hắn nằm trong tay của tên Corse dân đảng. Phen này hắn vô phương chạy tội. Nhưng... ai ngờ hắn cao tay ẩn hơn, mật báo cho tên trùm lính kín. Nhằm tuyệt đối bảo mật -đề phòng nội tuyến- tên này đơn độc phục kích sát hại Bảo với khẩu Mauser mà Ngọc đã cho Tân xem qua...Hắn không ngờ Ngọc có mặt, có lẽ Tư Rọm đã cam kết với hắn rằng Bảo sẽ đi một mình. Ngọc bắn hạ, trượt đoạt khẩu Mauser trên tay hắn, lục túi áo hắn lấy mảnh giấy -chứng có ràng ràng về sự hãm hại độc địa anh em kháng chiến của tên huyện ủy gian xảo- đau lòng bỏ xác Bảo cạnh xác tên quý sứ, gấp rút vượt thoát đám lính Tây đang ủa tới truy nã...

Ngọc ẩn mình trong rừng suốt đêm, khóc thương Bảo hết nước mắt, tìm quặn thắt đau đến mức sắp quỵ ngã nhưng cố lấy lại bình tĩnh, thản nhiên đến báo cáo Bảo đã anh dũng hy sinh sau khi hoàn thành nhiệm vụ ám sát tên Corse-trùm-lính-kín.

Cho nên Tân yên tâm: Tư Rọm không biết Ngọc đã rõ hết hành vi tàn độc của hắn mượn tay kẻ thù giết chết Bảo. Trái lại hắn yên chí sớm muộn gì Ngọc cũng sẽ rơi vào vòng tay thô bạo của hắn vì không còn 'chướng ngại' Bảo ngăn trở. Cho tới khi Ngọc nhờ Tân đóng kịch nhân tình... Một công hai việc: Chúng ta bảo vệ lẫn nhau và qua cách hắn âm mưu hãm hại Tân, Ngọc thu thập thêm bằng chứng về dã tâm sát hại đồng đội để rảnh tay cường chiếm vợ con họ..."

Tân ngược nhìn lên không trung, thầm cầu xin Trời Cao phù hộ cho Ngọc, giờ đây đang liều lĩnh trở về hang hùm C5, rình chờ cơ hội hạ thủ độc-xà-huyện-ủy Đồ Xảo!

"Sau cái chết tức tởm của Bảo, Ngọc xin anh Bảy đổi bí danh thành 'Bảo-Ngọc', để vừa tưởng nhớ Bảo vừa nhắc nhở Tư Rọm 'giao liên' Ngọc hiện thuộc diện góa phụ tử sĩ hy sinh vì cách mạng, bất khả xâm phạm...tiết hạnh! Vậy mà hắn cứ lăm le giờ trò bỉ ổi..."

Tân yên tâm dưỡng bệnh để trở lại học đường. Ngọc chắc chắn Tân sẽ thành công mỹ mãn trên đường học vấn và tin tưởng mãnh liệt sau này Tân sẽ nhiệt thành đóng góp sức mình cho đất nước hữu hiệu hơn.

Phần Ngọc, Tân chớ lo: Ngọc đủ sức đối phó với Tư Rọm. Ngọc được biết ít nhất có 3 người đang ra sức truy tầm hắn, đòi hắn trả nợ máu: Cô em vợ hắn, cậu em trai ông trung úy Pháp bị hắn đâm chết và ông anh bà trung úy bị hắn hiếp dâm rồi siết cổ chết. Chưa kể thân bằng quyến thuộc của ông hội đồng mà hắn đã tàn sát hết cả nhà...

Ngọc hy vọng thành công xử tội hắn với khẩu Mauser đã hạ sát Ngọc, cho thân nhân các nạn nhân của hắn khỏi nhọc công ra tay...

Tân sẽ được thông báo đầy đủ chi tiết về số phận của Tư Rọm một ngày gần đây. Hắn và đám em út tay sai của hắn không dám chạm tới Tân vì anh Bảy đã bố trí nghiêm ngặt chờ 'đón tiếp' rất kỹ bọn hắn.

Tân đừng liên lạc với anh Bảy để tìm cách gặp Ngọc. Cứ coi như Ngọc đã biến mất trong trí nhớ của Tân. Hãy trở lại nếp sống thư sinh, chuẩn bị hành trang vào đời hữu ích hơn, phong phú hơn, nhân ái hơn...

Giao Thừa Tân Mẹo-Nhâm Th ãn 1952

*Vĩnh biệt Tân,
Bảo-Ngọc ”*

Tân thân thờ đạo quanh sân chùa, thì thâm:

*Cứ cúi đầu cứ thế rồi ra đi
Trờ sẽ tới, tiếc thương rồi sẽ hết
Và dấu giày mai sẽ lá sương che*

Bất giác Tân ngâm ngùi nhớ đến *Tha La xóm đạo*:

*Thôi hết rồi! Còn chi nữa Tha La!
Bao người đi thề không trở lại nhà
Nay đã chết giữa chiến trường ly loạn!...*

Lại thêm một mùa xuân nữa! Tân thâm nghĩ. Mùa xuân tha hương thứ 36. Tân chợt nhận ra hầu hết các chuyến biến quan trọng đều đến với Tân vào mùa xuân.

Nhìn lại những mùa xuân đã đi qua đời mình chỉ còn **mùa xuân năm ấy** -mùa xuân ra đi với duyên số gặp gỡ “người tình bất đắc dĩ”, mùa xuân quay về với duyên phận vĩnh viễn lia xa “người ân xưa”- vẫn chưa phai mờ trong tâm trí Tân ở ngưỡng cửa mùa xuân mới, mùa xuân thứ 62 từ độ Ngọc tuyệt tích giang hồ...

Chỉ một lần duy nhất Tân nhận một lá thư Ngọc cho người mang tới trao tận tay, sau khi Ngọc rời Tân được một năm:

*“Tân thương mến,
Như đã hứa, Ngọc xin vẫn tắt báo tin cho Tân rõ: Ngọc đã thành công tự tay nã đạn vào ngay tam tinh của Tư Rọm với khẩu Mauser đã sát hại Bảo. Hắn đã trúng mỷ nhân kế, theo Ngọc vào khu rừng chồi, tưởng rằng sẽ được ân ái với Ngọc. Năm anh em bên anh Bảy gởi qua phục kích chặn bắt trời gô rồi buộc hắn quì nghe đọc cáo trạng về tội ác tày trời của hắn. Sau khi trưng các bằng cớ về sự phản trắc của hắn, bán rẻ sinh mạng anh em cho thực dân Pháp để cưỡng hiếp người phối ngẫu của họ, Ngọc thi hành bản án tử hình dành cho tên cuồng dâm, phản dân hại nước Đỗ Xảo, bí danh Tư Rọm!*

Tuy nhiên, để tránh hoang mang trong hàng ngũ kháng chiến, tên tử tội cực kỳ lưu manh này được ‘tuyên dương’ tử trận vì...phục vụ cách mạng! Và được chôn cất tử tế. Ngọc phản đối, nhưng không kết quả...

Ngọc đã làm xong hoàn mỹ hai việc mà Ngọc hết sức tha thiết:

-Đưa Tân trở lại học đường cho khỏi uổng phí một bàn tay, một con tim, một khối óc hữu dụng cho đất nước sau này hơn là để nguồn năng lực tiềm ẩn này bị nhóm người thiếu tư cách như Tư Rọm hoang phí.

-Rửa hận cho Bảo đã chết tức tử vì một tên vô loại dùng xương máu anh em lập thành tích, mưu đồ tạo cho mình một ‘sự nghiệp cách mạng’!

Thôi thì từ nay trở đi, xin Tân hãy coi như Ngọc đã vĩnh viễn tan loãng trong sương khói rừng rậm...”

Cũng chỉ một lần duy nhất Tân dò la tông tích Ngọc, 10 năm sau khi đọc lá thư trên, trong một lần hành quân qua thôn xưa: khu rừng chồi ven sông hầu như vẫn không thay đổi. Tân tưởng chừng như Ngọc vẫn còn quanh quần đầu dây, kéo Tân xuống xuống dùng thân mình đỡ đạn cho Tân. Hỡi ôi!...

về đây ta lại về đây
về đây mây trắng trôi hoài ngàn năm
về đây hoàng hạc mất tăm
về đây lặng đứng âm thầm chốn xưa

-0-0-0-

Cao tay nâng ly rượu đỏ chào mừng *mùa xuân năm ấy*, Tân nhân gửi người năm xưa
chẳng bao giờ còn trông thấy nhau lần nữa:

*Kỷ niệm cũ vẫn còn nguyên vẹn đó
Trời tháng giêng, tháng bảy buồn như nhau
Gió vẫn thơm mùi hoa bưởi hoa ngâu
Rồi Tết đến, rồi lòng anh nhớ quá*

Thôn trang Râu-Phong, Xứ tuyết, 37 Xuân xa xứ
-Lê Tấn Lộc-

Ghi chú:

*Thơ trong bài này mượn của các nhà thơ Vũ Anh Khanh, Vĩnh Lộc, Kiệt Tấn, Nguyễn Đình Toàn...

**Người viết sửa đổi tên một số nhân vật, nhằm tránh gây phiền toái cho họ -nếu còn sống- và gia đình họ -nếu còn ở Việt Nam. -LTL-

DANG ĐỎ

Hà Mai Kim

Phượng ngập ngừng chưa bước lên xe. Các băng ghế đều chật ních người. Chỗ đứng thì may ra. Nàng đang lúng túng với cái xách tay quá nặng, đầy ắp đồ ăn, thì chú Chín nói :

- Lên đại đi, cô Hai. Xe sắp chạy rồi.
- Còn cái xách này, chú Chín?
- Mình nhờ người ta bỏ trên mui xe.

Phượng nghĩ ngay đến cái bánh bông lan mới làm xong hồi hôm. Chắc nó sẽ bẹp dúm như đất sét! Phượng rụt rè đề nghị.

- Hay mình đi chuyển sau?

Chú Chín khẽ kêu lên.

- Ý! không được đâu cô Hai, đi chuyển sau sẽ bị trễ. Vì tới bến, mình còn phải đi dò vô trông. Mất hơn một giờ đồng hồ. Trời tối quá đi không an toàn.

Người đàn ông mà Phượng kêu chú Chín khoảng trên dưới năm mươi tuổi. Nhìn bề ngoài, người ta biết ngay là một nông dân hiền hòa, cục mịch, nước da chú đen sẫm vì râm nắng. Cái hàm chú bạnh ra nói lên một nghị lực sắt đá, một ý chí khó lay chuyển. Đôi mắt chú tuy rất sáng nhưng lại thoáng một nét buồn, như dấu một tâm sự u uẩn nào đó!

Chú đã được ông Thiếu Úy Mai, Trưởng đồn Thanh Long khẩn thiết nhờ lên Sài Gòn đón vợ ông xuống ăn Tết. Vì biết hai người mới cưới nhau, tình yêu còn nồng thắm lắm, nên chú đã nhận lời. Chú sẽ mất trọn hai ngày đường, một ngày đi và một ngày về.

... Chiếc đồng hồ chỗ quầy bán vé chỉ đúng một giờ trưa, thì người tài xế rồ máy. Cả chiếc xe đồ rùng mình vài cái rồi nằm im, dường như bất mãn vì phải chờ quá nặng. Anh lơ xe nhanh nhẹn nháy xuống, mở ca pô, lấy dây câu bình điện. Người tài xế vừa lấy khăn lau mồ hôi trán, vừa lăm bằm chửi thề. Chiếc xe bực tức phun khói cả một khoảng không. Sau cùng nó mới chịu nổ máy, nhưng nổ một cách hăn học, không đều. Để tranh thủ thời gian, người tài xế nhấn ga cho xe dzọt về phía trước. Không đề phòng nên Phụng ngã chúi xuống. Một anh quân nhân bèn nhường chỗ cho nàng.

- Ngồi xuống đây, cô Hai. Qua khỏi Cái Răng là tôi xuống rồi hà!

Phụng bẽn lẽn, vuốt lại mấy sợi tóc lòa xòa trước mắt, miệng lí nhí nói:

- Dạ cảm ơn Ông!

.....Phụng vừa cất xong mâm mứt dứa vào hộp thì nghe tiếng chó sủa. Nàng đi nhanh ra cổng ; một người đàn ông lạ mặt, đang so lại địa chỉ trên bao thư với cái bảng số gắn ở tường.

- Thưa Cô, Cô có phải bà Thiếu Úy Mai?

- Dạ phải.

- Ông Thiếu Úy có nhờ tôi đưa lại cô cái thư này.

Thấy có tin chồng, Phụng vội vã mời khách vào nhà.

- Ông mới ở Chương Thiện lên?

- Dạ!

Chú Chín, phải người khách chính là chú, cảm thấy mình nhỏ bé trong căn phòng quá sang trọng. Chú cố thu hẹp người lại trong chiếc phờ tơi bọc nhung. Những bức tranh đủ màu sắc treo trên tường, những chậu kiểng với các loại cây quý giá, cái bồn cá với những con cá vàng bơi lờ lững ở trong, tất cả đều xa lạ với chú! Chú quên cả đói, quên cả mệt. Chú đâm ra ân hận, tự trách mình đã “*dẫn xác*” đến nơi kỳ cục này.

- Ăn nhằm gì, - chú Chín tự an ủi – Miễn là giúp ích được cho chú Hai!

Ba má Phụng thấy nói có khách ở xa lạ, cũng ra nói chuyện với chú. Ba nàng lịch sự hỏi dăm ba câu chuyện rồi rút lên lầu. Ông muốn để người khách được tự nhiên; vì nhìn chú Chín, dù kém thông minh đến đâu, người ta cũng biết chú không thoải mái. Phải nói rõ chú không thoải mái một chút nào.

Má Phụng vốn vãng hơn, bà kêu người giúp việc đi mua một tô phở đặc biệt cho chú Chín. Biết chú sẽ nghỉ lại đêm, bà mời chú ra phòng ăn rồi lo dọn chỗ ngủ cho chú.

Lát sau, người làm bung tô phở về, đặt ngay ngắn trên cái đĩa lớn. Mùi phở bốc lên thơm ngào ngạt, làm chú Chín nuốt nước bọt. Con đói được đánh thức dậy, bắt đầu hành

hạ chú. Từ sáng sớm đến giờ, ngoài một đĩa cơm nuốt vội ở Bắc Mỹ thuận, chú chưa ăn gì thêm. Chú từ tốn vắt chanh vào tô phở. Những trái ớt xiêm đỏ ối này chắc phải cay xè lưỡi, mà càng cay càng ngon. Má Phượng rót đầy ly la de cho chú rồi bước ra ngoài.

Chú Chín nhấp miếng la de đầu tiên, sao mà nó “đá” thế! Nó vừa đắng đắng, vừa lạnh buốt. Chú có cảm tưởng nó không chạy xuống dạ dày, mà nó đi thẳng vào lục phủ ngũ tạng của chú! Còn những miếng thịt bò tái, ôi chúng mềm một cách lạ lùng! Ở Thủ đô, có khác! Cái gì cũng ngon. Chẳng bù cho chỗ chú ở, tối ngày ăn thịt trâu, dai như giẻ rách!

Chú Chín ực ngum la de cuối cùng. Chú chép cái miệng vì hãy còn thèm. Nếu có hai tô Phở với hai chai la de nữa, chú cũng có thể thanh toán một cách không khó khăn. Chú nắn túi áo lấy hộp thuốc rê. Nhưng chú khựng lại. Cái gạt tàn thuốc lá bằng sứ này, chắc chắn không phải để dùng cho loại thuốc rê tiền. Chú đành dẹp ý định trên, và tự hỏi: “*Mình phải làm gì tiếp?*” Chú lơ đãng nhìn lên trần nhà. Bây giờ chú mới nhớ lại sự vắng mặt của Phượng.

Tiếng tăng hắng nhỏ làm chú quay lại. Má Phượng hỏi:

- Phở ăn có ngon không? Chú no chưa? Chú muốn ăn nữa không?

Câu hỏi thật vô duyên. Chú chỉ ậm ừ cho xong chuyện. Má Phượng gợi chuyện muốn biết qua thân thể của gia đình chú. Thật ra bà hỏi vì bản tính tò mò chứ không có một hậu ý nào.

- Gia đình tui làm ruộng ở Chương Thiện đã mấy đời. Tuy không giàu có, nhưng chúng tui cũng có nhà, có vườn. Vợ tui sanh được sáu cháu. Thế rồi một hôm, quân du kích về làng. Bên Quốc gia hay được. Hai bên đụng trận lớn lắm. Máy bay bỏ bom trái bom rớt ngay giữa hầm, làm vợ con tui thiệt mạng. Riêng con Út theo tui ra tỉnh nên sống sót. Hai cha con tui bây giờ làm ruộng sống cho qua ngày. Nhiều người khuyên chúng tui ra tỉnh ở cho an toàn. Nhưng tui không thể sống xa mấy công ruộng của tui được.

Nghi một lát chú nói tiếp, giọng trầm hẳn xuống:

- Ông cha tui đã đồ biết bao nhiêu mồ hôi trên đó. Giờ đây nó lại thấm máu của vợ con tui, tui bỏ đi sao đành? Ông Thiếu Úy Mai thật hiền lành, tui tội nghiệp hết sức. Tui coi ông như em út tui. Thỉnh thoảng ông cũng có qua nhà nhậu với tui thật là dzui dzẻ.

Má Phượng ngồi im để nghe. Bà không ngờ câu chuyện lại bi thảm như vậy! Bà khéo léo xin lỗi chú Chín, vô tình bà đã khơi lại vết thương lòng của chú.

Sau đó, bà đưa chú về phòng ngủ của Thái, em ruột Phượng, đã nhập ngũ tháng trước. Chú Chín không mong gì hơn. Chú thực sự mệt mỏi sau một ngày dài ngồi trên xe. Men la de làm cặp mắt chú nặng trĩu. Vừa đặt mình xuống là chủ ngủ ngay. Chú mơ màng thấy vợ con chú m ối người được một tô Phở lớn.

Chương Thiện, ngày... tháng... năm 1974.

Phượng yêu!

Khô quá, anh lại thất hẹn với em rồi! Chiều nay, theo như chương trình đã định, anh phải đưa em đi Chợ lớn sắm đồ. Trên đường về, mình sẽ ghé chợ bông, mua một cành mai vàng về biếu Ba Má. Nhưng tình hình lại sôi động một cách bất ngờ. Lệnh cấm trại trăm phần trăm đã được ban hành. Tuần rồi, tụi nó mới tràn ngập hai Tiên đồn đó em ạ! Tình trạng như vậy không cho phép anh bỏ em đồng đội để về với cục cưng của anh được. Em đừng trách anh nhen! Bọn Việt cộng thật đáng tội tòng xẻo! Vì chúng mà anh mang tiếng hứa... cuối hoài.

Nếu em muốn biết thế nào là muỗi U Minh, nếu em muốn ngắm ánh hỏa châu trong đêm Giao thừa, nếu em muốn ăn một cái Tết thật thanh đạm với anh em binh sĩ, em hãy xin phép Ba Má theo chú Chín xuống với anh. Em sẽ được tiếp rước như một Nữ hoàng. Chú Chín là người rất tin cậy của anh, xin em đừng ngại.

Mong gặp em sớm.

Hôn em.

Tái bút: Nếu vì một lý do nào đó, em xuống không được, em cứ an tâm ở nhà, anh hứa không giận đâu!

Phượng đọc đi đọc lại bức thư mãi mà không chán. “Em không xuống, anh không giận đâu”. Nói cứ như là thật! Vợ chồng biết nhau quá mà! Anh ấy mà không giận thì cứ gọi là trời sụp! Lẽ dĩ nhiên là nàng sẽ đi thăm chồng. Nhưng nghĩ tới lát nữa phải vô xin phép ông Bô bà Bô, nàng thấy không hứng khởi chút nào. Chắc chắn ông bà sẽ gàn lại.

Nhưng Phượng thầm nghĩ “con gái phải theo chồng chứ!”, rồi nàng mạnh dạn gõ cửa. Có tiếng ba nàng vọng ra:

- Cứ vào!

Vừa thấy nàng, ba nàng hỏi ngay:

- Gì đó con?

- Dạ, con xin phép ba má cho con xuống ăn Tết với anh. Chú Chín sẽ đưa con đi.

Mặt ba nàng xịu xuống.

- Biết ngay mà! Thấy ông ta nói ở Chương Thiện lên là tao biết ngay có biến. Còn cái thằng chồng mày nữa. Dờ dờ, ương ương muốn làm quân tử Tàu. Mà quân tử Tàu thời nay thì chỉ có chết xác thôi con ạ! Tao chỉ nói với Ông Tướng một câu là Ông đưa nó làm tùy viên cho Ông. Tuần nào tụi tao chẳng xoa mặt chược? Khốn nỗi, cái thằng chồng mày bày đặt “kiếm chiêng” thành ra bây giờ mới khổ tao.

Phượng biết ba nàng có lý. Là một công chức cao cấp, quen biết lớn, thế lực nhiều, thì việc gì ông chẳng làm được? Nàng còn biết Ông Tướng vẫn đến nhà nàng chơi luôn, và nhìn trộm nàng như máy. Ông rất mê xoa mặt chược, và đặc biệt là Ông chơi thấp như... vệt. Bạ bệ đặt cho Ông cái hõn danh là “Thầy cúng.” Ông đánh lớn, thua lớn,

đánh nhỏ, thua nhỏ, càng đánh càng thua, càng thua, càng đánh. May mắn thay, đánh đây là đánh bài, chứ đánh giặc thì đào đầu ra quân sĩ cho Ông nường!

Phượng còn nhớ rõ trong một bữa ăn, Mai đã thẳng thắn từ chối sự giúp đỡ của ba nàng. Ông đã há miệng, trợn mắt lên vì ngạc nhiên đến cùng cực; Ông dần mạnh ly rượu xuống bàn, rồi lên lầu. Sau đó là tiếng đóng cửa mạnh. Mai nói:

- Quả đâm thoi sơn vào mặt anh thật khủng khiếp, chỉ có tình yêu của em mới giúp anh chịu đựng nổi cái đau đớn này.

Phượng phải vuốt ve, dịu dàng mãi, Mai mới nguôi. Bây giờ thì đến lượt Phượng vuốt ve ba nàng.

- Thưa ba, con biết ba nói đúng. Nhưng thanh niên ai chẳng bông bột, háo thắng? Đã lỡ thương xin ba thương cho trót. Ba cho phép con xuống với anh, con sẽ thuyết phục anh. Rồi ra giêng ba nhờ người ta chắc cũng không muộn.

Thấy con gái mình trình bày một cách khéo léo, ông cũng thấy xuôi tai.

- Ủ, thì con đi đi. Xuống đó, liệu lời mà khuyên bảo nó. Rồi để ba lo. Con nhớ giữ m nh.

Nói đoạn, ông xuống nhà, lái xe đi đánh bài. Phượng lo thu xếp quần áo và làm bánh cho chồng. Lúc đi qua phòng em nàng, cửa hé mở nên Phượng thấy chú Chín đã ngủ. Phượng thầm nghĩ.

- Thật là một con người vô tư lự.

Tết nhất đến nơi rồi mà tụi nó đánh đấm kỹ quá. Mẹ kiếp, không biết tụi nó ăn cái giải rút gì mà cứ thích chui đầu vào cửa tử? Mấy cái tiền đồn đã bị tràn ngập, thiệt hại đôi bên đều nặng nề như nhau. Nghe nói có T.54 ở biên giới tràn qua. Bên ta đã bắn cháy được mấy chiếc.

- Và cái tờ giấy phép của mình cũng cháy luôn!

Mai nghĩ vậy. Anh những tưởng Tết năm nay sẽ phải tung bừng lắm. Có cô vợ mới cưới, trẻ đẹp, dẫn đi bát phở thì còn gì "hách" cho bằng. Đêm Giao thừa, anh sẽ đưa Phượng đi xin xăm ở lăng Lê Văn Duyệt. Cứ tưởng tượng cái vẻ mặt trịnh trọng của nàng lúc nghe ông Thầy đoán quẻ, Mai đã thấy thích thú. Lời Thánh dạy được nàng tin một cách tuyệt đối. Sáng Mừng Một, anh sẽ bắt Phượng mặc chiếc áo xanh, vì "màu áo xanh là màu anh trót yêu..." Hai người sẽ đi chúc Tết họ hàng thân thuộc.

Ấy thế mà bây giờ... Mai buồn bực đến tận tận. Anh đem tâm sự đó giải bày với chú Chín.

- Có gì là khó giải quyết đâu, chú Hai? Nếu chú không về được với cô, thì cô xuống với chú, để vợ chồng có đôi.

- Chú nói giỡn tôi sao, chú Chín? Đường đi khó khăn, cách trở, làm sao vợ tôi biết đường?

- Thì chú ngồi người dẫn.

- Ai?

- Tui!

Hôm được Trực thăng vận đến đây, Đại đội của Mai như bị bỏ rơi, lạc lõng. Dân cư chung quanh không có một ai. Đó là vùng “xôi đậu”, máy bay được oanh kích tự do, nên không ai dại dột gì đem thân vào chỗ chết. Nhưng từ từ an ninh được vãn hồi, binh sĩ tỏ ra có kỷ luật, nên dân chúng trở về lai rai. Chú Chín Kính là một trong những người trở về đầu tiên. Chú sống đơn độc với đứa con gái út. Nghe nói vợ con chú đã chết vì một trái bom oan nghiệt!

Mai có nhiều cảm tình với chú Chín, vì chú thật thà, mộc mạc, lại ít nói. Nhưng khi chú nói thì nói đúng, nói thật. Lời nói của chú như đinh đóng cột. Ấy thế mà chú suýt bị một tai nạn lớn, một tai nạn mà người nông dân nào cũng thất đảm kinh hồn. Một hôm chú đang làm ruộng thì bỗng một Trực thăng xà xuống, ba quân nhân Mỹ hốt vội chú về Tỉnh với lý do là “*Vi xi*”.

Con Út vừa mếu máo vừa nói với Mai:

- Chú Hai ơi, lính Mỹ bắt ba con rồi!

Mai tức tốc mở máy liên lạc với Phòng Hai của Tiểu khu:

- Tôi muốn nói chuyện với Đại Úy Trưởng Phòng Hai.

Người Hạ sĩ quan trực trả lời.

- Thưa Thiếu Úy, Thảm quyền tôi bận đi dự tiệc khoản đãi phái đoàn Thanh tra từ Bộ Tổng Tham Mưu xuống.

Mai cáu tiết.

- Tiệc tùng với Thanh tra cái con mẹ gì? Anh nói lại với thảm quyền của anh thả Ông Nguyễn Văn Kính tự Chín Kính ra tức khắc. Tôi xác nhận ông ta là một nông dân cư ngụ trong vùng chúng tôi kiểm soát. Các anh làm ăn ẩu tả như vậy, dân chúng bỏ đi hết rồi chúng tôi ở với chó à?

Mai thấy mình nổi giận một cách vô lý. Lỗi ở mấy ông “*Cố vấn*” chứ Phòng Hai có tội tình gì? Mai cười nhẹ.

- Lại thêm một cái vô lý của chiến tranh.

Đúng một tuần sau, chú Chín được trả tự do. Chỉ có bảy ngày để điều chỉnh giấy tờ, quả thật là một cố gắng phi thường đáng được ghi nhận!

Hôm chú về, râu ria mọc lờm chờm. Da chú vốn đã sạm lại sạm hơn, đến nỗi Mai suýt nhận không ra. Mai hỏi.

- Người ta đánh chú chưa?

- Chưa chú Hai. Cũng may có chú can thiệp kịp. Nhưng nghe tiếng la hét phòng ké bên, cũng đủ làm tôi điếng hồn rồi. Cảm ơn chú Hai.

- Ôn với nghĩa gì, chú Chín. Đó là bổn phận của tôi. Thôi đừng buồn chú Chín. Coi như chú được nghỉ ở nhà một tuần không phải làm ruộng.

Rồi Mai khôì hài:

- Âu cũng là dịp may để chú được đi Trực thăng Mỹ lái! Khó mà có dịp thứ hai!

Chú Chín la lên.

- Ý “chời!”, tui hông ham đi “Chực thăng!”

Nếu có ai hỏi:

- Con đường nào xấu nhất Việt Nam Cộng Hòa?

Chắc chắn Phượng sẽ trả lời không suy nghĩ:

- Con đường Cần Thơ – Chương Thiện!

Hồi còn đi học, Phượng đã có lần đáp xe lửa từ Đà Lạt đến Krongpha, rồi đi xe hơi của bạn về đến Tour Chàm. Gớm, sao mà nó xấu thế! Vừa quanh co, khúc khuỷu vừa đầy đầy ổ gà. Đó là chưa kể cát bụi bay mịt mù trời đất. Nàng cứ tưởng nó xấu vô địch. Nhưng chưa thấm vào đâu, nếu đem so với con đường này. Ngoài những đặc tính trên, nó còn có những ổ... trâu, do mìn gây ra. Thỉnh thoảng, có một vài người võ trang xin quá giang. Những người này có thể là phe ta, cũng có thể là phe địch. Đường dài không quá bảy mươi cây số, mà xe phải chạy gần bốn tiếng đồng hồ!

Phượng được anh quân nhân nhường chỗ, nên cũng đỡ vất vả. Ngồi kế bên nàng là một người Tàu, cứ nhìn mặt thì biết, béo phệ. Cái thắt lưng bằng da củ kỹ như muốn bứt tung ra vì cái bụng vĩ đại. Ông ta chiếm đến hai chỗ. Phượng thầm nghĩ.

- Ông này phải mua đến hai vé mới hợp lý.

Mặc cho xe lắc lư, ông vẫn ngủ mê mết. Một giọt dãi sắp rơi khỏi cặp môi hơi đầy. Phượng suýt bật cười thành tiếng khi nhớ lại câu chuyện tiểu lâm do Thái kể:

- “Em ngồi cạnh một chú chệt mập thù lù. Nhìn cái thùng nước lèo của ông ấy mà phát ngán”. Em nói:

- Ông cứ nhúc nhích hoài thì làm sao tôi ngủ?

- Hày à! cái lỵ lầy lỏi mới kỳ! Ngộ “dứt dứt” bao giờ? Ngộ thờ đây chớ. Cái lỵ cảm ngộ thờ à?

Bây giờ Thái đã nhập ngũ. Trung trực, thẳng thắn như nó không khéo lại giống Mai bị đẩy đi xa cho mà coi. Nó ghét chạy chọt lắm. Theo nó, cái “đức tính” xin xỏ, hách xì xằng của ba nàng, kết tinh của tám mươi năm Tây đô hộ, cần phải được khai trừ càng sớm càng tốt! Chồng nàng cũng nghĩ vậy. Kỳ này về, mình phải vô Thủ Đức thăm cu cậu mới được. Mình sẽ dẫn con Lan theo. Nhìn thấy bồ chắc cu cậu mừng hùm.

Chú Chín vẫn đứng, hai tay chú nắm chặt lấy thành vịn. Chú nhìn thẳng về phía trước và không nói tiếng nào. Phụng lo lắng đọc một bản gỗ cắm bên đường:

“*Nơi đây Việt cộng đã giết mình một chiếc xe đò, sát hại 4 người, làm bị thương 12 người --- 1--11--72*”

Một quãng sau đó, lại có bản khác:

Mặc ai nói ngược nói xuôi

Đi bầu Quốc Hội là điều ta mong.

Lần này thì Phụng bật cười thành tiếng. Bớ Ông Tổng Trưởng Thông Tin và Dân Vận! Bớ quý vị trong giới hữu trách! Bớ bà con cô bác! Người ta đã trắng trợn hiếp dâm văn chương Việt Nam đây này! Câu thơ trên đã chửi vào mặt mọi người! Phụng nghĩ tác giả phải là một cao thủ trong giới võ lâm, phải có một nội lực uyên bác mới có thể xuất ra một chương kinh hồn như vậy.

Đi khỏi Cái Tắc độ hơn một tiếng đồng hồ, người tài xế nói lớn:

- Mời quý vị xuống xe. Chỗ này lầy quá, xe qua không nổi. Các thanh niên vui lòng đẩy giúp một tay.

Phụng lo lắng hỏi chú Chín:

- Có sao không chú?

- Không sao đâu cô Hai. Tui đã tính cả rồi!

“*Tui đã tính cả rồi?*” Phụng mang máng nhớ câu này ở đâu? À! phải rồi. Ông *Phileas Fogg*, một nhà quý phái người Anh cát Lợi, đã đánh cá cùng các bạn bè là Ông có thể đi *Vòng Quanh Thế Giới Trong 80 Ngày* (*). Trên lộ trình, Ông đã gặp nhiều trở ngại như mọi Da Đỏ bóc đường rầy xe lửa, quân cướp tấn công đoàn công voa, bão tuyết v.v... Mỗi lần gặp trục trặc, *Catinflas*, người đầy tớ lo lắng hỏi, và Ông đều bình tĩnh trả lời: “*Tôi đã tính cả rồi!*” Ai dám nói chú Chín không biết tính toán, lo xa như nhà quý phái người Anh? Phụng nhìn chú với đôi mắt khâm phục.

Mặt trời sắp lặn thì con bò già cũng vừa lết tới bến. Một mùi hôi tanh nồng nặc xông lên. Phụng kín đáo lấy khăn tay bịt mũi. Chú Chín giăng ghế.

- Chợ cá nằm ngay bên xe, dân ở đây khiêu nại mãi mà ông Tỉnh vẫn chưa cho dời chỗ khác. Thôi mình xuống đò về Cô, kéo ông mong tội nghiệp!

Chiếc *Cô 10 (Kohler)* của chú Chín thật tốt. Chú mới giặt có một cái đã nở.

- Tui cưng nó lắm, cô Hai à. Nó là cái chân của tui. Tuần nào tui cũng ra Tỉnh, tuần nào chú Hai cũng nhờ tui gửi thơ, mua “*nhục chình*”, hoặc lâu lâu mua “*măng đũa*” gửi về cho cô. Ông ghìen “*nhục chình*” một cách chi lạ.

Con đò chở có hai người, nên lướt nhanh trên mặt nước. Từng đàn cò trắng bay về nơi chân trời xa thẳm. Lác đác đâu đó một vài chú mục đồng dắt trâu về chuồng. Phụng

(*) Cuốn sách này đã được học giả *Hà Mai Anh* dịch thuật từ cuốn “*Autour du monde en 80 jours*” của Jules Verne.

thấy hơi lạnh. Nàng mặc thêm chiếc áo len. Nàng tự cảm thấy mình hơi liêu. Thật đúng với câu: “*Thương nhau trăm sông cũng lội, ngàn đèo cũng qua*”.

Tết này nữa là Phượng tròn hai mươi tuổi. Hai mươi tuổi có con liêu có sớm quá không? Nàng tự hỏi. Rồi nàng tính đốt ngón tay. Mình “*có*” hai tuần trước. Ừ nhỉ, kỳ này về, mình dám có “*bébé*” lắm! Nghĩ tới đó Phượng thấy mặt mình nóng ran. Nàng liếc nhìn chú Chín, sợ chú đọc được ý nghĩ trong đầu nàng.

Có lần Mai giảng cho nàng nghe thế nào là “*Tân thú bất như viễn quy*”.

- Các cụ ta thật thâm thúy. Lời các cụ phán ra – nhất là vấn đề “*áy*” – chính xác như một công thức toán học!

Mai cười ngay.

- Các cụ nào dạy chuyện tầm bậy thế? Anh phía ra thì có.

- Anh phía ra hỏi nào? Sách vở đàng hoàng!

- Sách nào?

- Ai mà biết? Tứ thư, Ngũ kinh, Tam tự kinh, nhớ chi cho mệt óc. Quan trọng là ở cái nghĩa của nó. Trong đêm tân hôn, cô dâu chú rể thiếu kinh nghiệm, lụng chạp, không làm nên trò trống gì. Họ làm hư bột hư đường hết trơn. Có hấp dẫn họa may là những cặp cứ lâu ngày mới gặp lại. Họ bình tĩnh, họ xông xáo, họ...

Phượng phải lấy tay bịt miệng anh lại, anh mới thôi nói. Mai làm nàng ngượng chín cả người. Chuyện chần gồi ai lại đem ra giữa thanh thiên bạch nhật “*bình văn*” bao giờ!

- Đồn tên gì, chú Chín?

Chú Chín trả lời cộc lốc.

- Đồn Thanh long.

Tên hay quá, Phượng nghĩ bụng. Nếu là con trai, mình sẽ đặt tên này. Nếu là con gái, mình cho anh trọn quyền đặt.

Vừa qua khỏi khúc quanh lớn thì đã thấy thấp thoáng đồn. Chú Chín la lên.

- Ủa! Có người bị thương!

Tim nàng đập mạnh.

- Sao chú biết?

- Kia! lựu đạn khói xin tải thương.

Từ đó, hai người không ai bảo ai đều giữ im lặng. Đò vừa cặp bến, chú Chín vội nhảy lên bờ, rồi đưa tay kéo Phượng lên sau. Ông Thượng sĩ Thường vụ nói ngay:

- Ông nóng lòng đón Cô, nên đã ra ngoài đầu “*doi*” kia đợi, thường ngày nơi đó rất an toàn, ai dè hôm nay ông bị bắn sẽ.

Chú Chín hỏi.

- Nặng không?

Ông Thượng sĩ ngập ngừng không trả lời. Các binh sĩ đứng quanh chiếc “băng ca” dẫn ra, nhường chỗ cho Phụng lách mình vào. Mai nằm đó, chiếc áo *treillis* ướt đẫm máu. Phụng quỳ xuống méu máo:

- Anh! có sao không anh?

- Phụng em...

Mai cố nhếch mép cười, tay anh tìm tay Phụng. Anh thều thào:

- Anh lại hứa cuội! Tha... lỗi... cho... anh.

Mai từ từ nhắm mắt lại. Xa xa trên những ngọn dừa, một chiếc trực thăng tải thương đang bay nhanh tới...

Hà Mai Kim

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

TỪ CUỘC ĐỜI ĐẾN TÁC PHẨM

Nguyễn Đức Tăng



Đền thờ Cụ Nguyễn Đình Chiểu

Theo Nguyễn Đình tộc hệ thì Nguyễn Đình Chiểu nguyên quán làng Bò Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên, sinh ngày 1-7-1822 tại làng Tân Thới, phủ Tân Bình, huyện Bình Dương (Gia Định), là con trai của ông Nguyễn Đình Huy và bà Trương Thị Thiệt. Lúc còn nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu theo học với một thầy đồ ở làng. Năm 1832 Tả quân Lê Văn Duyệt mất, năm sau (1833) con nuôi của Tả quân là Lê Văn Khôi vì bất mãn đã làm cuộc nổi dậy chiếm thành Thiên An ở Gia Định rồi chiếm cả Nam Kỳ, Nguyễn Đình Chiểu phải theo cha cùng em trai mới lên 10 là Nguyễn Đình Tựu ra Huế tiếp tục việc học. Nguyễn Đình Chiểu sống ở Huế từ 11 tuổi (1833) đến 18 tuổi (1840) thì trở về Gia Định. Năm Quý Mão (1843) ông thi đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định. Đến năm 1846 ông lại ra Huế để mong “theo thầy nấu sừ sôi kinh” chờ khoa thi năm 1849 với ước mơ một tương lai tươi sáng.

Nhưng rồi số phận éo le, trước ngày bước vào trường thi, cũng như Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu lại được hung tin mẹ mất, để rồi :

*“Hai hàng nước mắt nhỏ ra
Trời Nam đất Bắc xót xa đoạn trường
Anh em ai nấy đều thương
Trời ơi sao nở lấp đường công danh !”*

Với nỗi lòng quặn thắt, Nguyễn Đình Chiểu đành phải bỏ khoa thi dẫn em là Nguyễn Đình Tựu theo đường bộ trở vào Nam chịu tang mẹ. Trên đường về vất vả nhọc nhằn, vì quá thương mẹ, ông khóc ngày khóc đêm sưng cả đôi mắt, về đến Quảng Nam ông lâm bệnh nặng phải ở lại nhà một thầy thuốc thuộc dòng dõi ngự y để chữa bệnh :

*“Bạc tiền tốn cả hơn trăm
Mình ve khô xé, ruột tằm héo hon
Thương thay tiền mất, tật còn
Bơ vơ đất khách, chon von thế này”*

Để rồi số phận cũng éo le như Lục Vân Tiên phải bị mù loà. Nhưng với Lục Vân Tiên thì :
*“Nửa đêm nằm thấy ông Tiên
Đem cho linh dược mắt liền sáng ra”*
Còn đối với Nguyễn Đình Chiểu thì niềm mơ ước được thoát cảnh mù loà chỉ là điều ước mơ xa vời.

Trong thời gian nghỉ chữa bệnh tại nhà thầy thuốc, tuy đôi mắt mù loà, nhưng ông cũng học hỏi được nghề thuốc. Năm 1851 Nguyễn Đình Chiểu tròn 30 tuổi, chẳng lẽ chịu bó tay trước định mệnh khắc nghiệt, ông chọn việc bốc thuốc cứu dân, dạy học và sáng tác văn thơ ở Gia Định. Thầy giáo Nguyễn Đình Chiểu được mọi người kính trọng và học trò theo học rất đông, thường gọi ông với cái tên thân thương : *Thầy Đồ Chiểu*.

Truyện thơ nôm "Lục Vân Tiên" của ông cũng bắt đầu sáng tác vào khoảng thời gian này.

Tác phẩm *“Dương Từ - Hà Mậu”* (truyện thơ nôm, bắt đầu soạn khoảng 1854) gồm 3456 câu thơ với nội dung nêu rõ trách nhiệm của kẻ sĩ đối với đất nước, với dân tộc, đề cao nhân, nghĩa, lễ, trí tín :

*“Mến nghĩa bao đành làm phản nước,
Có nhân nào nữ phụ tình nhà”.*

Sau khi hoàn thành tác phẩm nói trên, ông đưa cho bạn là Lê Quang Thịnh đọc, rồi trao qua tay ông Lê Tăng Quýnh. Đọc thấy hay, ông Quýnh tỏ lòng cảm phục nên nghĩ ý muốn xin cha mẹ cho em gái mình là Lê Thị Điền kết hôn với Nguyễn Đình Chiểu.

Trong khi Nguyễn Đình Chiểu đang ra sức rèn tâm luyện đức cho học sinh thì quân Pháp tấn công Đà Nẵng. Gặp phải sức kháng cự quyết liệt của quân và dân Việt, họ tiến vào đánh phá thành Gia Định vào đầu năm 1859. Ngày 17-2-1859 vợ chồng ông phải bồng bế con thơ về Thanh Ba (Cần Giuộc) tá túc tại nhà anh vợ là Lê Tăng Quýnh một thời gian rồi dời về ở Chùa Tôn Thạnh (chùa ông Ngô). Vô cùng đau đớn trước thảm cảnh loạn lạc, ông làm bài thơ *“Chạy giặc”*. Nơi đây ông tiếp tục việc dạy học và là thời điểm ông dồn hết tâm trí để hoàn thành tác phẩm *“Lục Vân Tiên”* gồm 2082 câu thơ lục bát. Đây là một *“bản trường ca, ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý ở đời”*. Một tác phẩm lớn của văn học Việt Nam đã làm nên tên tuổi của Nguyễn Đình Chiểu, rất được mọi người ưa chuộng.

Năm 1861 quân Pháp đánh chiếm Cần Giuộc. Để biểu dương tinh thần của những nghĩa quân đã bỏ mình vì nước, theo lời yêu cầu của Tuần phủ Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu

đã viết bài “*Văn Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc*” để đọc tại buổi truy điệu các nghĩa sĩ đã hy sinh trong trận đánh này.

Ngoài ra ông còn viết tập “*Ngư Tiều Y Thuật Vấn Đáp*” gồm 3642 câu lục bát và 21 bài thơ Đường luật cùng một số bài thơ ca, phú...trích từ các sách thuốc Trung quốc với nội dung nêu rõ quan niệm học thuốc không chỉ để chữa bệnh về thể xác mà còn tẩy rửa tâm hồn người đọc trước thảm họa của đất nước :

*“Thà đui mà giữ đạo nhà
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
Thà đui mà khỏi danh nhơ
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình”...*

Năm 1862, khi Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký Hoà ước nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp, Nguyễn Đình Chiểu rời Cần Giuộc về sống ở Ba Tri. Từ già bạn bè thân quen, ông làm bài thơ “*Từ biệt cố nhân*”.

Năm 1863, tên Huỳnh Công Tấn, một người từng tham gia nghĩa quân trước đây, đã phản bội và chỉ điểm cho quân Pháp bao vây chỗ đóng quân của Trương Định, ông bị thương nặng và rút gươm tuấn tiết tại Ao Dinh. Quá xúc động, Nguyễn Đình Chiểu đã làm bài Văn tế và 12 bài thơ liên hoàn để điều tướng quân Trương Định.

Ngày 4-8-1867 Phan Thanh Giản tuấn tiết vì không giữ được thành Vĩnh Long, Nguyễn Đình Chiểu có làm 2 bài thơ điệu ông.

Để giới thiệu "chiến lợi phẩm văn hoá" với các nước phương Tây, tác phẩm “*Lục Vân Tiên*” của Nguyễn Đình Chiểu đã được Gabriel Aubaret dịch ra tiếng Pháp với lời giới thiệu: “*Truyện Lục Vân Tiên này phổ biến trong dân gian đến mức là ở Nam Kỳ không một người đánh cá hay người lái đò nào không hát một vài câu thơ ấy khi họ chèo thuyền*”. Qua đó, có thể thấy tác phẩm "Lục Vân Tiên" đã có ảnh hưởng sâu rộng trong mọi tầng lớp dân chúng mà tác giả là nhà giáo Nguyễn Đình Chiểu đã được dân chúng quý trọng đến mức nào.

Năm 1883, Tỉnh trưởng Bến Tre là Michel Ponchon đến tận nhà Nguyễn Đình Chiểu để trao tiền nhuận bút cho sách "Lục Vân Tiên" được dịch ra tiếng Pháp, nhưng ông không nhận. Lần khác, Ponchon lại đến nhà tìm cách mua chuộc, hứa trả lại ruộng vườn của ông ở Tân Thới (Gia Định) mà họ đã chiếm đoạt, ông cũng đã khẳng khái nói : “*Đất Vua không ai trả thì đất riêng của tôi có sá gì*”. Khi hỏi về điều mong muốn của mình, ông đáp : “*Muốn tế vong hồn nghĩa sĩ lục Tỉnh*”. Ý muốn này được viên Tỉnh trưởng chấp thuận và sau đó ông đã tổ chức lễ tế tại chợ Ba Tri và đã đọc bài “*Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục Tỉnh*”.

Sau khi viếng thăm Nguyễn Đình Chiểu, Michel Ponchon đã ghi lại cảm nghĩ : “*Cụ Đồ là một ông già cao lớn đẹp đẽ, gương mặt diêm tĩnh xanh xao đây về tao nhã. Lời nói của Cụ rất thanh tao, trôi chảy và tôi nghe Cụ nói được rõ ràng đầy đủ. Về phần tôi thì khác hẳn, Cụ không nghe được tôi vì Cụ đã hoàn toàn điếc*”. Michel Ponchon còn cho biết : “*Cụ khước từ tất cả các món tương lệ bằng tiền bạc*”....

Trong lời tựa truyện *Lục Vân Tiên*, Eugène Bajot cũng đã viết : “*Dư luận báo chí đặt vấn đề cấp tiền dưỡng lão cho người thi sĩ của nước Việt Nam hiện còn đang sống giữa chúng ta, nhưng khi được hỏi ý kiến về vấn đề này, Nguyễn Đình Chiểu trả lời ngay rằng : “Ông lấy làm cảm kích về sự quan tâm của người Pháp đối với ông và khước từ số tiền đó vì ông đang sống trong sự tôn kính đầy đủ của các môn đệ và sự quý mến của đồng bào ông*”.

Cuối năm 1885 ở Ba Tri, Nguyễn Đình Chiểu nuôi nhiều hy vọng khi được tin Vua Hàm Nghi bỏ kinh thành Huế chạy ra Quảng Trị dựng cờ Cần Vương. Nhưng rồi ruột gan ông lại quặn thắt khi hay tin Trương Quang Ngọc bắt Vua trao cho quân Pháp.

Năm 1886, vợ ông là bà Lê Thị Điền qua đời lúc 51 tuổi. Buồn rầu vì vợ mất, bệnh tật ngày càng trầm trọng Nguyễn Đình Chiểu cũng lìa trần 2 năm sau, thọ 66 tuổi. Trong tờ trình của Tỉnh Bến Tre gửi Thống đốc Nam Kỳ đã viết : *“Người bản xứ Đồ Chiểu tác giả Lục Vân Tiên đã chết tại Ba Tri (làng An Bình đông) trong đêm 24-5 Âm lịch, tức là ngày 3-7-1888”*. Ngày tiễn đưa nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu về cõi vĩnh hằng, rất đông người tham dự, khăn tang trắng cả cánh đồng An Bình đông, các học trò cũ của ông đã khóc thảm thiết. Ông được an táng cạnh mộ vợ.

Dưới thời Đệ II Cộng hoà, tại Sài Gòn đã tổ chức trọng thể từ ngày 16-7 đến 19-7-1971, lễ Kỷ niệm 150 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu nhằm làm sống lại hình ảnh hào hùng của một văn tài lỗi lạc, một nhà đạo đức đáng kính, một bậc chí sĩ đầy khí phách. Mở đầu là cuộc viếng mộ Cụ tại Ba Tri (Bến Tre), trong đoàn có đông đủ các văn nghệ sĩ tên tuổi ở miền Nam. Ngày 16-7-1971 tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn, Giáo sư Nguyễn Duy Cần thuyết trình đề tài *“Con người toàn diện Nguyễn Đình Chiểu”*. Tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ Sài Gòn diễn tuồng hát bội *“Lục Vân Tiên”* do nhà nghiên cứu Đỗ Văn Rỡ biên soạn...

Chỉ riêng đối với truyện Lục Vân Tiên với những câu thơ lục bát hấp dẫn, chúng ta thấy có những điểm tương đồng với Truyện Kiều qua các nhân vật như Thúy Kiều, Thúc Sinh, Từ Hải...đã có mặt trong ca dao, dân ca, hát ví, hát giặm, sa mạc...Lục Vân Tiên cũng hiện diện trong ca dao, trong dân ca miền Nam, trong các câu đố, trong các điệu hò đối đáp, hò chèo ghè ở Minh Hải, ở Nhà Bè; hò mái nhì, mái chèo ở miền Trung; trong thơ tuồng Lục Vân Tiên của Đặng Nghi Lễ (1907), Tuồng Lục Vân Tiên của V.C.(1922), của Đỗ Văn Rỡ (1971), Nguyệt Nga công Hồ của Hồ Biểu Chánh (1943). Lại còn phải kể đến nhân vật Lục Vân Tiên trong các sáng tác của Đoàn Ca Tài Tử theo điệu Tứ đại oán, Bình bán...Những bài ca này dần dần được cải biến với hình thức "Ca ra bộ" với các nghệ sĩ Tống Hữu Định (Vĩnh Long), Nguyễn Tống Triều (Mỹ Tho), André Thận (Sa Đéc)...là nền móng cho sân khấu cải lương ngày nay. Ca kịch cải lương có Lục Vân Tiên của Cao Hoài Sáng (1923), Năm Châu (1971), Kiều Nguyệt Nga của Ngọc Cung (1955)... Ngoài ra, nếu có Từ điển Truyện Kiều của Đào Duy Anh thì cũng có Từ điển Truyện Lục Vân Tiên của Nguyễn Quang Tuân v.v...

Từ cuộc đời đến các tác phẩm văn thơ cho ta thấy Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho tiết tháo, trọng nghĩa khinh tài, tuy bị mù loà và gặp lúc biến loạn mà vẫn giữ được phẩm cách thanh cao. Ông không chỉ là người con có hiếu, người thầy mẫu mực mà còn là một nhà thơ yêu nước thương nòi, một văn tài lỗi lạc, một nhà đạo đức đáng noi gương, đã để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị.-



Mộ hai Ông Bà

Dạo Chơi Trong Tiếng Hát

Hồ Trường An

Sáng hôm nay, nhìn qua cửa gương, tôi thấy dòng sông Seine trong xanh khác hẳn nước ngâu đục hai tháng trước. Tiết mạnh xuân đã về cách đây một tháng Bên sông những cây bạch dương, những cây hạnh đào cũng đã trở lá tươi xanh. Những khóm lê liễu buông cành, lá liễu tha thướt. Thời tiết tươi mát. Những cửa sổ mở rộng để cho nắng đẹp và gió dịu hiền tràn vào.

Tôi lại ngồi vào bàn viết, như bao tháng năm từ trong đất nước quê hương ra hải ngoại. Hoàng hôn tuổi đời đã trôi qua tự bao giờ.

Trước khi bắt đầu viết về các ca sĩ ở Hoa Kỳ, tôi phải viết về các ca sĩ đã từng hát ở các tỉnh lớn nước Pháp và một vài tỉnh lớn khắp các nước Tây Âu. Đó là Bích Chiêu, Bạch Yến, Thu Hương, Mỹ Hòa. Tiếng hát của Bích Chiêu trước sao vậy, vẫn phong phú. Tiếng hát Bạch Yến thêm điêu luyện cách giàn trải làn hơi.

Các tiếng hát của các nữ ca sĩ trẻ trên nước Pháp làm cho nhạc giới thêm sinh động. Nữ ca sĩ Lê Thanh vợ của nhạc sĩ Xuân Giao, dâu của nhạc sĩ Xuân Lôí với nhân dáng hiền thực, với giọng hát truyền cảm và điêu luyện. Nữ ca sĩ Kim Thu với kỹ thuật vững vàng, chuỗi ngân nga nhỏ mức như chuỗi trân châu làm bút giả liên tưởng nghĩ đến những gợn sóng lăn tăn trên ao thu nước biếc. Nữ ca sĩ Tuyết Dung đó, khuôn mặt đoan trang thùy mị, tiếng hát khi xuống trầm dùng giọng ngực -- *le son de poitrine* – rất nhuần nhuyễn. Cô luôn nhớ ơn ông thầy Vũ Đức Sao Biển của mình. Và một điều cần phải nói là cô Thu Sương xinh như mộng đẹp như tranh khi bước lên sân khấu. Giọng hát cô ở khoảng giữa giọng kim (soprano) và giọng bán kim (*mezzo soprano*). Thường thường khi cất giọng lên cao các nữ ca sĩ chuyển qua giọng óc, rít lên chua lòn chua lét. Thu Sương không cần chuyển qua giọng óc, Có thể cho là cô vút lên một cách khoan khoái, không mất một *coma* (bán cung). Giọng ca của cô như giọng cổ nữ ca sĩ Quỳnh Giao.

Có lẽ trí nhớ của tôi như ngọn đèn dầu, vụt chỗi dậy trước khi tắt hẳn chẳng? H ãnh như vào năm 1948 thì phải. Đó là thời kỳ thanh niên bỏ nhà đi khu, tham gia vào cuộc kháng chiến chống Tây. Hai người chú của tôi là chú Hương, chú Thế thuộc thành phần c ànhông-x âm-lãng, có nghĩa là đi vào mật khu 8, không giữ chức gì quan trọng, chỉ làm công tác thành thế có nghĩa là làm dân vận, móc nối dân chúng vùng xôi đậu. Bọn công tác thành được dân vùng này đóng tiền nguyệt liễm để giúp cho Quân Y Viện. Nhưng họ một là lấy bớt, hai là lùm trọn tiền thu hoạch. Gian tham là cái tật cố hữu của phần đông dân mình.

Tôi có hai chị họ hàng xa là chị Bốn và chị Lì. Má của hai chị là chị con nhà bác của ba tôi. Tôi gọi bà là cô Tư. Chẳng hiểu cuộc vợ chồng cô ta ra sau mà sau khi sanh chị Lì, cô chán cuộc giao hợp với chồng, rêu rao là mình bị bí l...và bắt chồng cưới vợ bé. Trong khai sanh chị Bốn tên Ngọc Nữ. Chị Lì tên Ngọc Sương. Khi bỏ nhà theo kháng chiến chống Tây, chị Bốn lấy tên Minh, chị Lì lấy tên Tâm. Cả hai chê tên đôi. Theo họ, các nhơn vật trong tiểu thuyết của nhóm Tự Lực Văn Đoàn chỉ có nhơn vật phụ trong cuốn *Bản Khoãn* là Lan Hương. Đó cô tiểu thơ xứ Huế. Theo hai chị, phụ nữ trung lưu người Huế đều có tên đôi, đọc lên nghe du dương thánh thót, nhưng đó là những tên của tên chị và em gái của bọn phong kiến, của bọn Việt gian.

Chị Bốn lấy anh chồng tên Nghi đẹp trai, sắc vóc vạm vỡ, xứng đôi với chị. Chị cao dong dong, gương mặt thanh tú. Chị còn có nụ cười không hở răng, chỉ nhếch mép mà thôi. Đó là nụ cười của nữ minh tinh Lana Turner. Chị Lì thì thấp người, bé bỏng, khá xinh. Nhờ đi theo kháng chiến, hai chị dùng những ngôn từ văn hoa mà dân thành thị bù

trơ bù trắt. Nào là tranh đấu kháng chiến, nào là kẻ đế quốc thực dân, nào là trường kỳ, thoát ly, ủng hộ, tổ quốc, nhơn dân...

Chị Thụy Vũ tôi và tôi phục lẫn hai chị Bốn, Li. Chị Bốn tuy vô khu, nhưng chị vận động được tờ giấy thông hành (le laissez passer) của chánh phủ Liên Hiệp Pháp để di chuyển từ mật khu ra thành phố, không sợ bọn lính Tây bắt bớ. Chị Li cũng vậy. Khi về Thành , hai chị đem theo một vài bản nhạc như : *Dứt đường tơ, Cương quyết ra đi, Nhớ chiến khu, Đoàn vệ quốc quân, Du kích sông Thao, Hòn vọng phu 1, 2 và 3.*

Bà *Dứt đường tơ* của Văn Thủy với âm điệu du dương ủy mị, nhưng lời ca của Dzoãn Cảnh thì hào hùng : *Non nước đang tràn máu anh hùng , lòng ơi dứt đi đường tơ.* Bài này trong 3 năm đầu của thập niên 70 do Hà Thanh hát thì khỏi chê, giọng sao mà lả lướt như chiếc khăn bằng the bay theo chiều gió. Thuở đó vợ ông Văn Thủy là nữ nghệ sĩ Huyền Nga thường trình diễn hạ-uy-cầm trên sân khấu. Chị thường đọc tấu bản *Dứt đường tơ* của chồng mình. Ca khúc này quá phổ biến rộng rãi cũng như bài *Hòn vọng phu 1* của Lê Thương. Bài *Hòn vọng phu 1* bị sửa lời như sau :

*Bao nhiêu đêm cầm roi đứng đợi chồng về
Bao nhiêu đêm máu ghen tràn trề
Chồng không về tui lấy Tây đen
Chồng không về tui lấy Ma-rốc-ken (Marocain)...*

Còn bà *Vệ quốc quân* tuy không phổ biến bằng nhưng vẫn bị các anh đá cá lặn đưa sửa lời hát :

*Đoàn nữ cứu thương một lần ra đi
Thè lấy chỉ huy không hẹn trở về
Ra đi ra đi chẳng màng vợ lớn
Ra đi ra đi thà chết chớ lui
Cờ bay phát phới cái bụng thè lè
Cờ bay phát phới cái bụng chình ình
Đoàn nữ cứu thương...*

Sau này, khi Cộng sản chiếm đoạt miền Nam, khi đi làm thủy lợi tôi được nghe một chị bạn hát những câu hài hước trong bài *Vệ quốc quân* như sau :

*Cô kia mua chi, mua quần xi-lip
Cô kia mua chi, mua cái xú-chen
Mày mua cái đó để mà làm gì
Để vũ xét-xy.*

Thuở đó tôi đã 8 tuổi. Từ năm 1945, ba má tôi đưa chị em tôi chạy giặc lánh Tây tận Hỏa Lựu, Chắc Băng, U Minh Thượng, (tức là miền Cực Nam của đất nước Nam Kỳ). Chị em tôi được các chú các bác đi kháng chiến chống Tây dạy hát những bài hùng ca của Lưu Hữu Phước như : *Lên đàng, Khúc khải hoàn, Chi Lăng, Kinh cầu nguyện, Hòn sông Gianh, Hòn tử sĩ...* Nhưng tôi không mấy hứng khởi. Khi nghe hai chị Bốn, Li hát bài *Nhớ chiến khu của Đỗ Nhuận, bài Cương quyết ra đi của Nguyễn Ngọc Bạch. Bài Nhớ chiến khu* bị tên xô lá nào đó sửa lời hai câu đầu :

*Chiều nay kiến cắn cu sừng tù vù
Thôi đành rán nín đau nào ai thấu .*

Bài *Lên đàng* là bài dành cho hợp ca khởi hứng hơn. Nhưng trên internet tôi được nghe ca sĩ Mỹ Tâm đơn ca giống như Khánh Ly, có nghĩa là không hát chu mỏ tròn miệng như Tô Lan Phương vào bá thập niên 70.

Bài *Nhớ chiến khu* có một thuở bị nhà nước chống Tây ngăn cấm vì tiết điệu nó ủy mị quá lớn. Bây giờ trên Internet tình cờ bút giả HTA gặp 3 ca sĩ hát bài này. Đó là nữ ca sĩ Thanh Thanh Hiền và 2 nam ca sĩ Quý Dương và Anh Trác. Các anh này hát hạ giọng theo điệu Opera điêu luyện thì có mà truyền cảm thì không. Nghe họ hát mà chúng ta thấy cách hát như vậy sao mà dị dị nùng nùng như mình bị họ chọc lét. Họ không cho chúng ta cái âm sắc dị biệt của giọng hát họ. Họ hát bằng kỹ thuật, bỏ phớt phần tình cảm. Họ là thợ hát chứ không làm ca sĩ. Còn Thanh Thanh Hiền là đào cải lương đất Bắc, hát Tân nhạc. Đây là trường hợp của các chị của diễn viên người Bắc trước năm 1945 Như Ái Liên, Kim Thoa, Lan Phương, Bích Thuận, Kim Chung, Bích Hợp, Ngọc Hải, Kim Xuân, Lê Thủy, Ngọc Nuôi, các anh Huỳnh Thái, Ngọc Toàn, Quang Hữu v.v...

Các bản có thể nghe được chẳng vào năm 1945, cô đào cải lương Kim Thoa là người đầu tiên hát bản *Hòn vọng phu 1* của Lê Thương trước công chúng. Còn bản *Khúc khai hòan* của Lưu Hữu Phước được thu vào đĩa nhựa qua giọng hát của nghệ sĩ cải lương Việt Hùng.

Thanh Thanh Hiền có một nhan sắc tươi sáng, ăn mặc theo thời trang đợt sóng mới, rất thích các ca khúc của các nhạc sĩ miền Nam trước năm 1975. Cô ta hát như các nữ ca sĩ Hương Lan, Phương Hoài Tâm, Phương Hồng Hạnh, Phương Hồng Ngọc tức là biết ngân nga chút đỉnh. Có nhiều lúc cô hát mà chuỗi ngân mắc kẹt trong cuống họng nên cô không cần ngân ng gì ráo. Cô thua hai cô Bích Thuận và Kim Hoàng : hát và ngân nga bất cứ bài nào. Tới đây, tôi xin lỗi anh Nguyễn Đức. Các nữ đồ đệ của anh như Hoàng Oanh, Phương Hồng Quế, Phương Diễm Hạnh từ bao năm nay họ không biết ngân nga đúng cách. Nhưng họ hát bằng âm sắc đặc biệt rất khả ái, rất quyến rũ, giọng hát ăn khách là phải vì họ là những nghệ sĩ chính cống chứ không phải thợ hát. Tôi xin lỗi anh một lần nữa. Anh là một nghệ sĩ đã đào tạo những ca sĩ ăn khách hàng đầu, cũng như Mạnh Phấn đào tạo Thanh Tuyền. Vận sự này làm tôi nghĩ tới Thanh Lan, Phương Hoài Tâm và Phương Hồng Hạnh. Cũng được đào tạo trong lò Nguyễn Đức, nhưng cả ba biết ngân nga. Có thể là họ tự tập lấy, hoặc nhờ cao thủ nào chỉ dạy. Nhưng thời buổi này, phần đông thính giả chỉ cần giọng hát đặt biệt, giọng ca sĩ này không giống giọng ca sĩ kia. Giọng của Phương Dung, giọng Hoàng Oanh hay giọng của Thanh Tuyền kém về phần ngân nga Hoàng Oanh cố gắng ngân nga, lúc được lúc không. Khi ngâm thơ, cô ngân nga thoải mái, xứng đáng là nữ nghệ sĩ diễn ngâm đứng hàng đầu. Thanh Tuyền có giọng đẹp, sang sảng như tiếng chuông đồng. Nhưng bút giả xin cô đừng ngân nga để thính giả khỏi cho rằng ngân nga như thế run tê tê như con cá trê bị đập đầu.

Giờ xin trở lại Thanh Thanh Hiền.

Gần đây Thanh Thanh Hiền kết hôn với ca sĩ Chế Phong. Anh này là con trai út của danh ca Chế Linh. Dù cô Hiền lớn hơn Chế Phong một vài tuổi, nhưng họ vẫn là một cặp đôi.

Chị Bốn chị Li còn thích bài *Cương quyết ra đi* của Nguyễn Ngọc Bạch trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống Tây. Ca khúc này có nhiều đoạn hào hùng, có nhiều đoạn du dương. Giờ đây tôi được nghe nữ ca sĩ Đông Đào hát trên sân khấu của đất nước quê hương. Đông Đào có giọng bán kim (mezzo soprano) và một làn hơi phong phú mượt mà. Trong nhạc cảnh dựng cho bài *Cương quyết ra đi* cô mặc chiếc áo bà ba màu thiên thanh, quần sa teng tuyết nhưng đen giữa các nam vũ công và nữ vũ công mặc áo màu nâu đỏ đậm, tay cầm gậy tầm vông (vũ khí tượng trưng chống Tây vào thuở 1945).

Bà *Cương quyết ra đi* còn được nam ca sĩ Vĩnh Hiền trình bà giữa cảnh thiên nhiên. Đó là con đường viền những khóm trúc hai bên giao cành với nhau. Ca sĩ có khuôn mặt hao hao giống khuôn mặt Sĩ Phú, mặc áo sơ-mi dài tay màu xanh nhạt, quần màu nâu phon phớt. Tiếng hát của anh khá truyền cảm, chuỗi ngân như sóng thu, lẫn lẫn óng ả.

Sau đó, tôi được nghe Đông Đào hát bài *Nắng lên xóm nghèo* của Phạm Thế Mỹ. Cô mặc chiếc áo màu lam ngọc in những tràng hoa bạch mai.

Tóc cô từ chiếc gáy trắng ngần, chẻ làm đôi, buông xuống ngực như hai nhánh suối huyền. Và tôi có hân hạnh được xem tấm ảnh của cô mặc chiếc áo dài màu hồng hạnh có thêu một chùm hoa ngân tuyến lộn chỉ đen óng ả.

Đông Đào đã thực hiện CD *Hát ru tình đời*. Cô có gia nhập *Đoàn nghệ thuật quân khu 7*, sau đó cộng tác với *Đoàn ca nhạc nhẹ TPHCM (Sài Gòn)*. Cô thích hát những ca khúc ảnh hưởng nhạc dân tộc tính.

Bản *Bắc sơn* ở trong chiến khu được dờ ra thị thành. Hồi học lớp nhì bậc tiểu học (năm 1948 thì phải), tôi có một thằng bạn tên Khiết dạy tôi hát bài ấy hơn 3 phần 4 thế kỷ, tôi còn nhớ lõm bõm vài câu. Trên internet, tôi được nghe ca sĩ Văn Hạnh trình diễn bài ấy theo kiểu lấy từ huyết đàn điền dưới bụng đưa lên khẩu cái, cho nên cái miệng tròn vo, con cá bông lau phóng vào lọt tuốt.

Còn bản *Du kích sông Thao* khi gia nhập các tỉnh lỵ ở Ba Miền Bắc Trung Nam được sửa cái tựa là *Khúc hát sông Thao*. Lời ca sắc máu cũng được sửa đổi chút đỉnh để trở thành thơ mộng hơn. Bài này được nam ca sĩ, Đặng Dung, Kiều Hưng và hai nữ ca sĩ Phan Thu Lan và Trần Hồng Nhung. Cả bốn cô cậu này đều hát theo kỹ thuật *Opera* lấy hơi từ bụng, há miệng tròn vo, nếu tổng cái trụng vệt vào cũng trám được ông bà ông vải ạ. Nam ca sĩ thì hát uôm uôm như bò rống, còn nữ ca sĩ thì hát chót chét theo kiểu Tô Lan Phương, Anh Đào vào thập niên 70 và thập niên 80 của Thế kỷ 20.

Ra ngoại quốc, định cư ở Quận Cam (thuộc tiểu bang California), nữ danh ca Mai Hương cùng Kim Tước, Quỳnh Giao và nam ca sĩ Vũ Anh hát bài này làm người nghe sững sờ tai biết chừng nào. Lạ lùng thay các tấm ảnh của hai nữ ca sĩ thật đẹp. Tiếng hát của họ vẫn trước sau vậy, vẫn điệu luyện và có phần truyền cảm đậm đà.

*

* *

Trước năm 1948, nhạc phẩm *Bến xuân* Văn Cao đặt nhạc, Phạm Duy phổ lời. Nhưng vào lúc phong trào chống Tây sôi ục nên ông Văn Cao sửa cái tựa là *Đàn chim Việt* và đặt lại lời mới, nếu giữ lời cũ thì có khác nào chị Bốn, chị Lì tôi và phụ nữ yêu nước nồng nàn tát tay ha ông Văn Cao và Phạm Duy về cái tội sản xuất một nhạc phẩm lãng mạn hay sao. Ở miền Nam sản xuất các nhạc sĩ Anh Việt, Đức Quỳnh, vừa đặt nhạc hùng vừa đặt nhạc lãng mạn. Anh Việt với *Một chuyến đi, Chiều trong rừng thẳm* ca tụng những kẻ ái quốc bỏ quê nhà vào chiến khu để chống bọn Thực dân Pháp. Bà *Chiều trong rừng thẳm* với hai câu :

*Trong rừng xa vắng âm u nhuộm áng sương mờ
Tiếng gió rít lên hàng cây xác xơ*

Thành ra hai câu tình nghịch như sau :

*Cô Mười cô Chín hai cô anh muốn cô nào
Muốn dắt cô đi đừng cho mán ó hay.*

Hai câu hát đó được phổ thông cho lính lê dương như Pháp, Đức, Áo... Năm 1981, tôi rời khỏi Paris để định cư tỉnh Troyes. Một sáng hôm nọ tôi đến nhà Bưu điện để mua tem đẹp thì gặp một người Pháp tuổi cỡ lục tuần. Ông ta hỏi tôi là dân Nam Kỳ hay Bắc Kỳ. Tôi bảo tôi là dân Nam Kỳ, quê ở vùng phù sa sông Cửu. Ông ta cho tôi biết ông có một thời ở Sài Gòn. Và ông ré lên hát hai câu : *Cô Mười cô Chín ...* làm những người có mặt ở nơi đây cười lăn.

Nữ danh ca Khánh Ly trước năm 1975, có hát bài *Chiều trong rừng thẳm*. Song song đó, cô còn hát bài *An Phú Đông* của Lê Bình. Từ Sài Gòn đi Lái Thiêu, chúng ta sẽ thấy ngang qua An Phú Đông. Lê Bình là Cộng sản, đi tập kết ra Bắc Việt. Vào buổi sáng tinh mơ, con đường liên tỉnh lộ xuyên qua An Phú Đông hương hoa lài lan tỏa trong màn sương mát lạnh. Nhạc sĩ Lê Bình có một người con trai tên Hải là thầy giáo dạy lớp nhứt của trường tiểu học cộng đồng Lộc Ninh. Tía má tôi buôn thuốc Tây ở Lộc Ninh. Tía tôi thân Cộng. Biết được chí hướng của Hải nên ông cố võ lý tưởng của Hải và ông quý trọng anh ta lắm. Năm 1957, Hải vào mặt khu. Sau một thời gian ngắn anh ta nhờ bọn giao liên chuyên bức thư cho tía tôi. Hải được nhà nước phê chuẩn qua Nga sô học tập lý thuyết Mác Lê.

Đức Quỳnh với bài *Nhớ mẹ* trong đó có những câu yêu nước quên tình nhà, lâu quá rồi tôi chỉ nhớ câu được câu không. Còn nhạc sĩ Trần Văn Lý trước khi cô ca sĩ Minh Nguyệt sáng tác bản *Mẹ ơi* với lời na ná lời ca của bản *Nhớ Mẹ*. Bản này được thu thanh vào đĩa Oria qua giọng hát củ nữ danh ca Thái Hằng.

Thời kỳ đó, có Trần Văn Trạch hát nhạc du dương lãng mạn như *Ba giờ khuya*, *Hứa hẹn* (hát chung với nữ ca sĩ Túy Hoa), *Người chơi độc huyền...* Chưa có ai hát bản *Nàng Hà Tiên* tuyệt vời hơn anh. Trước năm 1975, có ca sĩ Y Bất Hối hát bài này rất điêu luyện, nhưng không du dương mùi mẫn bằng anh. Còn Túy Hoa thuở đó trẻ đẹp hát những bản theo thể điệu *samba* rất già dặn. Báo chí gọi chị là Nữ hoàng Samba. Chị còn lập ra ban vũ Bốn Phương với Minh Nguyệt, Hoàng Yến, Hồng Lan vừa hát vừa múa theo các bản những bản nhạc *Lửa rừng đêm* của Nguyễn Hữu Ba, *Gió mùa xuân tới* của Hoàng Trọng.

Thỉnh thoảng, chị Bốn mụon giàn hát máy của ai đó, kèm the một chồng đĩa hát 78 tours thu giọng hát của Ái Liên qua các bản nhạc Tây lời Việt như *Guitare d amour*, *Santa Lucia* và bản *Thằng Cuội* của Lê Thương... Ngoài ra hằng đĩa Asia có thu các bản *Học sinh hành Khúc*, *Lòng mẹ Việt Nam* của Lê Thương, *Đoàn lũ nhạc* qua giọng hát tuyệt vời của nữ kịch sĩ Kim Chung (đào cải lương đất Bắc). Ngoài ra còn các đĩa thu tiếng hát Minh Diệu qua các bản *Hoa Thủy Tiên* của Lê Thương, *Gấm vàng* của Dương Minh Ninh, *Trên sông Hương* của Nguyễn Văn Thương. Ngoài ra Mạnh Phát cho thu đĩa bản *Nước non Lam Sơn* rất ăn khách.

Ngoài Bắc, những đĩa nhạc vào Nam có giọng Kim Chung qua bản *Đoàn lũ nhạc*, có giọng Nam ca sĩ Ngọc Bảo qua bản *Nương chiều* của Phạm Duy, bản *Cô Tú* Nửa thế kỷ trôi qua, tôi trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử. Giờ đây trên internet tôi được thấy mặt ông, nghe giọng hát của ông qua các bản nhạc thời tiền chiến, những bản nhạc thời chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh. Giọng hát hơi thô rít vì tuổi đời song cũng du dương và truyền cảm như xưa.

Khi tôi học lên năm thứ hai ban Thành chung thì đài Pháp Á và Đài Quốc gia đào tạo Anh Ngọc, Trần Văn Trạch, Thu Hồ, Đức Quỳnh, Châu Kỳ, Vũ Huyền, Trọng Nghĩa ... (nam). Minh Trang, Mộc Lan, Minh Nguyệt, Ngọc Thanh, Hoàng Yến, Khánh Ngọc, Hoàng Lệ, Ngọc Hà, Bích Thủy, Linh Sơn, Minh Hoan (nữ). Hát theo giọng miền Nam có Trần Văn Trạch, Trọng Nghĩa, Thu Hồ, Ngọc Hà, Túy Hoa.

Anh Ngọc, Vũ Huyền có giọng baryton điêu luyện. Ngọc Long có giọng trầm, Trần Văn Trạch từ giọng baryton chẻ qua giọng óc (son de tète) rất quyến rũ. Thuở đó, anh hát bài *Nàng Hà Tiên* của Lê Thương, không ai có thay thế. Sau này anh hát bài *Chiều mưa biên giới* rất gợi cảm, khi lên đài truyền hình xứ Pháp được khán thính giả Pháp hoan nghinh nhiệt liệt. Vào khoảng năm 1950, Bích Thuận rời đoàn cải lương Tô Như đất Bắc đầu quân cho đoàn cải lương Phụng Hảo. Song song với nghiệp cải lương , chị hát Tân nhạc ở đài Pháp Á và trên sân khấu các Đại nhạc hội.

Khánh Ngọc, Hoàng Lệ là hai chị em (Hoàng Lệ là chị, Khánh Ngọc là em). Cả hai hợp cùng Ngọc Hà thành tam ca Ngọc Lệ Hà,

Thuở đó chị Minh Trang hát dân ca và nhạc jazz lừ lừ nhất. Ngọc Hà có giọng contr'alto tức là giọng trầm. Về sau này Châu Hà và Thanh Thúy cũng có giọng như thế. Sẵn đây tôi xin báo cho các bạn khán thính giả đều biết Thanh Thúy có hát nhạc jazz rất cừ khôi. Cô có hỏi tôi bây giờ cô chuyên hát nhạc jazz được không. Tôi biết là cô thăm giở ý kiến của tôi nên tôi nói rằng cô mà hát nhạc jazz như thế thì còn gì là Thanh Thúy trong lòng ái mộ của đa số khán thính giả nữa.

Đây là chương đầu của quyển *Nhân du đi trong tiếng hát* . Hẹn với quý vị độc giả trong năm tới tôi sẽ viết các chương tiếp theo cho nguyên một cuốn.

HỒ TRƯỜNG AN

Nhân độ thu về, cách đây ít lâu tôi có gửi tới bạn bè thân quen một bài viết đã lâu, mang tựa đề "*Mùa lá rụng*". Tuy chỉ là một bản cũ soạn lại, nhưng một vài phản hồi khích lệ đã giúp tôi được lên tinh thần. Nhất là gặp thời buổi nhìn quanh chỉ thấy khắp nơi, hết thiên tai cháy rừng, bão lụt, lại chiến tranh khủng bố tứ tung khiến di dân trở thành một vấn nạn quốc tế. Vẫn cho là chưa đủ. Tình hình Trung Đông còn chưa ổn định, vậy mà người ta lại ăn ở với nhau cạn tàu ráo máng theo kiểu vắt chanh bỏ vỏ. Điển hình là trường hợp người dân Kurdes, vốn là một sắc dân kiên cường dũng cảm đã có công đóng góp nhiều, kể cả phụ nữ, trong cuộc chiến loại trừ Nhà nước Hồi giáo cực đoan. Vậy mà nay số phận hầu như được phó mặc cho tham vọng bành trướng của Thổ Nhĩ Kỳ, khiến sắc dân này có thể lâm họa diệt chủng như người dân Arménie hồi đầu thế kỷ trước. Trong khi đó bên Trời Đông, một đất nước vẫn tự hào có bốn ngàn năm văn hiến, chưa bao giờ đời sống đạo đức tinh thần lại xuống cấp đến thế. Học "giả" tiến sĩ mỗi lúc một nhiều mà kiến thức văn hóa ngày lại càng xuống thấp. Bởi vì học đường, lẽ ra phải là mảnh đất ươm trồng các mầm giống tốt, nay đã trở thành một thứ chợ trời chữ nghĩa để người ta mua bằng bán cấp làm đường tiến thân. Với một môi trường giáo dục như vậy, liệu còn trông mong gì được vào các thế hệ *học sinh là người tổ quốc mong cho mai sau nữa*. Có một ông thứ trưởng Giáo dục nhiệt tình, nhiều tâm huyết muốn đem hết tài năng ra phục vụ đất nước. Buồn thay, nhậm chức chưa được bao lâu, ông đã từ lâu tằm rớt xuống chết thảm. Cho dù cái chết bất ngờ ấy là do rủi ro hay bị ám hại, tôi vẫn cho là một điềm gở báo hiệu một tương lai không hề sáng sủa, mà ngày chỉ thêm đen tối. Mới đây thôi, lại xảy ra cái chết thảm của 39 công dân Việt đi chui vi ngộp thở và lạnh cóng trong một chiếc xe tải đông lạnh bí bưng. Đâu có phải tất cả đều là nạn nhân của ảo ảnh cuộc đời, bị mê hoặc bởi các hình ảnh thiên đường về nước ngoài mà những tổ chức buôn người vẽ vờ trước mắt họ. Hầu hết những nạn nhân đó, cũng như hàng ngàn, hàng trăm ngàn dân tị nạn khác trên toàn thế giới, bắt buộc dĩ phải bỏ nhà bỏ cửa, bỏ quê hương đất nước ra đi mong kiếm được một

chôn dung thân thoát khỏi tai vạ chiến tranh hoặc nạn chế độ độc tài áp bức, chính quyền tham nhũng thối nát. Trước những thảm kịch xã hội như vậy, thay vì tìm hiểu để nói lên được phần nào sự thật khách quan hầu tạo điều kiện cho con người hiểu biết nhau hơn, xích lại gần nhau hơn để cùng hướng về cái Chân, Thiện, Mỹ, người ta lại vì tham vọng cá nhân, quyền lợi bè đảng phe phái hoặc u mê chủ nghĩa, ý thức hệ, không tiếc lời khích bác nhau, đả kích nhau, thậm chí thóa mạ nhau với kết quả chỉ khoét sâu thêm hố hiềm khích, hận thù.

Trước diễn biến thời cuộc như vậy, tôi chẳng thấy hứng thú nào ngồi trầm ngâm thể sự, để dùng lời trường dương đại hải tán thối bốc thơm đem ra giải ảo thời sự cho được. Thôi đành trở về với thế giới thuần văn chương chữ nghĩa như là tìm đến một chốn tạm lánh an bình. Ít ra nơi đây tôi cũng nhìn ra được một khoảng trời xanh với làn không khí trong lành, thay vì phải thở hít mãi cái bầu không khí ô nhiễm ngày một thêm bao trùm cõi sống thế gian. Bài viết dưới đây (pps đính kèm) chỉ là một đề tài thuộc loại quá đát đã mọc meo được đem ra xào xào nấu nấu, nên không tránh khỏi toát ra một thứ mùi khang khảng. Nhưng thầy kệ. Xin được cho phát tán đại trên mạng. Biết đâu lại chẳng được một vài khách tri âm không ngại điếc lỗ mũi, rộng lượng thông cảm mà phần nào đồng tình chia sẻ. Xin có lời cảm tạ trước.

Tr ân k ãnh.

NBH

Giải mã thơ tình của ca từ “Les Feuilles Mortes”

Nguyễn Bảo Hưng

Jacques Pr évert (1900-1977) là một cái tên không mấy xa lạ đối với người Việt sành nghe nhạc. Ông được biết đến dưới cái tên gọi quen thuộc Prévert như là tác giả một bài thơ nổi tiếng mang tựa đề *Les feuilles mortes* được nhạc sĩ Joseph Kosma đem phổ nhạc. Có thể nói mỗi lần nghe vọng lên giai điệu bản nhạc, ít ai không khỏi thấy hiện trong tâm trí, nếu không muốn nói là nhâm nhi câu nhạc này : « *Les feuilles mortes se ramassent à la pelle* ». Câu nhạc trở thành phổ biến đến độ cái tên Prévert được gắn liền với hình ảnh và câu nhạc kể trên, chẳng khác chi hình ảnh Thúy Kiều với cây đàn tì bà bên người. Điều ít ai ngờ là lời của bản nhạc *Les feuilles mortes* không phải lấy ra từ một bài thơ của ông, mà chỉ là ca từ ông soạn theo một điệu nhạc sẵn có của Kosma dành cho một kịch vũ ba lê (ballet) tây phương. Nhưng khi lắng nghe giai điệu để viết lời, Prévert đã bị thu hút bởi những nốt nhạc quyến rũ của giai điệu nói lên nỗi buồn thầm kín nhưng nồng nàn đắm thắm của nhân vật chính Diégo, trước cái chết bi thảm của người yêu Malou bị chồng bắn chết vì ghen tuông. Và Prévert đã mượn giai điệu và soạn lời làm thành bản nhạc nền cho cuốn phim *Les portes de la nuit* do chính ông viết kịch bản, như đã được đề cập trong bài viết *Mùa lá rụng* và được phổ biến trên một số diễn đàn mạng cách đây không lâu. Sự thành công của bản nhạc, một phần do giai điệu quyến rũ, phần khác do ca từ mang nhiều chất thơ, nên đã khiến nhiều người tưởng rằng ca từ của *Les feuilles mortes* là một bài thơ của Prévert được J. Kosma đem phổ nhạc. Để đánh tan ngộ nhận, chúng tôi đã lắng nghe bản *Les feuilles mortes* qua trình diễn của nhiều ca sĩ tài danh (*) và sau khi đọc kỹ toàn bộ ca từ Prévert, tôi tưởng như lý giải được phần nào, theo cảm nhận chủ quan, cái ma lực quyến rũ của ca từ khiến bản văn được xếp vào loại bài thơ bất hủ. Nhưng trước khi đi

vào lý giải ngộ nhận, xin ghi lại toàn bộ lời ca Prévert soạn theo giai điệu của Kosma như dưới đây :

Les Feuilles mortes

(Texte intégral)

Oh ! Je voudrais tant que tu te souviennes
des jours heureux où nous étions amis
En ce temps-là la vie était plus belle
et le soleil plus brûlant qu'aujourd'hui

5 Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
Tu vois je n'ai pas oublié...
Les feuilles mortes se ramassent à la pelle
les souvenirs et les regrets aussi
et le vent du nord les emporte
10 dans la nuit froide de l'oubli
Tu vois je n'ai pas oublié
la chanson que tu me chantais

C'est une chanson qui nous ressemble
Toi qui m'aimais

15 et je t'aimais
Et nous vivions tous deux ensemble
toi qui m'aimais
et **que** j'aimais (*)
Mais la vie sépare ceux qui s'aiment

20 tout doucement
sans faire de bruit
et la mer efface sur le sable
les pas des amants désunis

Les feuilles mortes se ramassent à la pelle

25 les souvenirs et les regrets aussi
Mais mon amour silencieux et fidèle
sourit toujours et remercie la vie
Je t'aimais tant tu étais si jolie
Comment veux-tu que je t'oublie
30 En ce temps-là la vie était plus belle
et le soleil plus brûlant qu'aujourd'hui
Tu étais ma plus douce amie...
Mais je n'ai que faire des regrets
Et la chanson que tu chantais
35 toujours toujours je l'entendrais

C'est une chanson qui nous ressemble
Toi qui m'aimais
et je t'aimais
Et nous vivions tous deux ensemble

40 toi qui m'aimais

et **que** j'aimais (*)
 Mais la vie sépare ceux qui s'aiment
 tout doucement
 sans faire de bruits
 45 et la mer efface sur le sable
 les pas des amants d'ésunis .

(Jacques PREVERT : *Œuvres complètes* Tome II – Textes inédits pp. 785-786, Bibliothèque de la Pléiade, Editions Gallimard 1966)

Prévert avait écrit dans un manuscrit (Ms 3) : «*Toi qui m'aimais moi qui t'aimais* » avant de s'arrêter à cette version définitive «*et que j'aimais* ». (op. cit. pp 190-191). Ce choix a-t-il un sens ?

Mới nhìn vào hình thức trình bày, ta có thể nghĩ rằng bài thơ (cứ tạm gọi là bài thơ đi) được phân ra làm bốn đoạn khúc. Thực ra chỉ có ba đoạn khúc thôi, vì đoạn khúc hai và đoạn khúc bốn chỉ là một, với lời lẽ được lập đi lập lại làm điệp khúc.

Trước hết là đoạn khúc một, với bốn câu mở đầu như sau :

Oh ! je voudrais tant que tu te souviennes(1)
Des jours heureux où nous étions amis (2)
En ce temps-là la vie était plus belle (3)
Et le soleil plus brûlant qu'aujourd'hui.(4)

Điều đập ngay vào mắt người đọc là thán từ **Oh!** bật lên như một tiếng nấc nghẹn ngào để khai mở cho toàn bản nhạc. Sang câu 2, (*des jours heureux où nous étions amis*) chúng ta không khỏi phần nào ngỡ ngàng khi thấy Prévert viết *amis* thay cho *amants* là từ hầu như ta đều gặp trong các bài thơ trữ tình nói về bất cứ câu chuyện tình nào. Lý do tưởng cũng dễ hiểu thôi, *amants* nói lên một liên hệ tình cảm mặn nồng gắn bó hơn là *amis*. Nhưng mặn nồng đó thể có chỉ là một đam mê giai đoạn. Người tình đã có lúc cùng ta yêu nhau thắm thiết, yêu nhau ra riết, yêu nhau hết biết (trời trăng là gì). Nhưng sau khi đã được cùng ta qua cơn mê rồi, biết đâu lại chẳng có một ngày người tình bỏ ta đi như *con sông dài*, để ta một mình ở lại khiến *cuộc đời bỗng thấy xanh rêu*. Từ *amis*, trái lại, nói lên một gắn bó keo sơn bền vững. *Amis* không đồng nghĩa với *camarades* trong tiếng Pháp, cũng như *bạn hữu* không đồng nghĩa với *bạn bè* trong tiếng Việt. Bạn hữu nói lên sự gắn bó do tâm đầu ý hợp, hiểu được lòng nhau hơn nhờ trải qua nhiều thử thách. Bạn hữu ở đây có thể coi như tương đương với bạn đời hay bạn tri kỷ. Bạn bè để chỉ một sự liên kết có tính cách giai đoạn đua đòi thời thượng hay tưởng cùng chung một lý tưởng đấu tranh. Chơi với nhau một hồi tưởng thân thiết lắm. Ai ngờ chỉ sau một thời gian thấy chán nhau, có khi còn ghét nhau hoặc tìm cách thanh toán nhau là đằng khác. Vậy từ *amis* Prévert dùng ở đây là để nói lên mối liên hệ tình cảm bền vững, cũng như khi ta nói người «*bạn đời*» hay người «*bạn tri kỷ*» của tôi. Giả dụ, nếu muốn nói về những kỷ niệm của một cuộc tình đổ vỡ, có thể Prévert đã viết như sau để bày tỏ sự trách móc:

Hélas ! Je voudrais tant que tu te souviennes
Des jours heureux où nous étions amants
(Em hỡi ! Anh ước mấy em còn nhớ lại
Những ngày vui hai đứa mình thắm thiết yêu nhau.

Và toàn bài thơ, do đó, sẽ hướng ta theo một nội dung ý nghĩa khác. Bởi vậy từ *amis* Prévert dùng ở đây, là có dụng ý để nói lên sự gắn bó chung thủy.

Sang đến hai câu ba và bốn :

En ce temps-là la vie était plus belle (3)
et le soleil plus brûlant qu'aujourd'hui (4).

Hai câu kế tiếp này là để nhắc nhở những kỷ niệm đẹp của cái thời hai người còn được sông bên nhau. Câu ba có thể chỉ là một câu nói bình thường trong cuộc sống hàng ngày ; nhưng nhờ vào cụm từ « **En ce temps-là** », tương đương với cụm từ « thuở ấy » hay « ngày xưa, ngày xưa », nên chúng lại mang chất thơ bởi nói lên sự ngậm ngùi luyến tiếc một hoàng kim thời đại nay thuộc về dĩ vãng. Trong câu bốn, chỉ nội chữ « **brûlant** » cũng làm tôi phải nhức đầu, loay hoay mãi không biết dịch ra sao. Phải chi Prévert viết « plus rayonnant » hay « plus radieux », thì tôi có thể dịch thành « và mặt trời cũng **huy hoàng** hay **rạng rỡ** hơn bây giờ ». Và tôi tin rằng dịch như vậy không khó khăn gì, nghe quen tai và thích hợp hơn. Nhưng dịch như vậy tôi e là muốn *sửa lời* Prévert. Tôi tin rằng không phải Prévert không biết tới hai chữ « rayonnant » hay « radieux » ; nhưng vì chúng được quen sử dụng nên trở thành lối mòn khuôn sáo. Cuối cùng tôi đành tạm dịch, chỉ tạm dịch thôi, từ *brûlant* ra thành *rực rỡ*, vì theo cảm nhận của tôi, Prévert chọn từ « brûlant » là có dụng ý hẩn hoi. Ông không dùng từ « brûlant » để « mô tả » mặt trời. Trái lại, dụng ý của ông là mượn hình tượng « **brûlant** » ghép với « soleil » để nói lên nỗi đam mê nồng thắm của đôi tình nhân ; cũng như từ « **Amis** » nói lên sự đồng tâm đồng cảm của hai tâm hồn .

Nếu bài thơ mở đầu bằng tiếng kêu than ngậm ngùi tiếc nuối (Oh !), phải chờ sang tới câu (5) ta mới biết thủ phạm gây ra nỗi xúc động : Đó là một cảnh thu. Mùa thu. Ôi, mùa thu ! Mùa của gió heo may thổi về kéo theo những chiếc lá vàng lượn bay trong gió. Mùa của gợi nhớ tình yêu và kỷ niệm. Mùa chọn lọc của các tao nhân mặc khách để rung lên tiếng tơ lòng mà sáng tác ra những áng văn, thơ tuyệt tác. Thử hỏi có mấy ai lại mát giây mát địa đi tìm cảm hứng trước đồng lá vàng xơ xác được người phu quét đường vun thành đồng trên vỉa hè ? Vậy mà Prévert lại viết ra câu *Les feuilles mortes se ramassent à la pelle* (5) để làm leitmotiv hay câu nhạc chủ đề cho cuốn phim mang tựa đề *Les portes de la nuit* do ông soạn kịch bản. Không phải vì ông muốn tránh né những hình ảnh thơ mộng gợi cảm, nhưng dễ trở thành khuôn sáo. Mà cũng chẳng phải ông muốn đi tìm cái dị hợm sáng tạo. Lý do hình ảnh tầm thường của câu 5 này thực ra rất đơn giản : **Prévert không làm thơ cho người đời đọc. Ông chỉ muốn bộc lộ tâm trạng trung thực, sống thực của người trong cuộc.** Người trong cuộc đây là Diégo, một cựu kháng chiến quân, chứ không phải một thi sĩ. Bởi vậy Diégo không biết ngắm cảnh lá vàng rơi để rung đùi xuất khẩu thành thơ. Nhưng cảnh đồng lá úa xơ xác tả tơi được vun thành đồng như một nấm mộ hoang ấy, đã làm Diégo nhớ tới người yêu đang phải một mình nằm trong ngôi mộ lạnh lẽo nên mới bật lên tiếng than **Ôi !** như một tiếng nấc nghẹn ngào. Và niềm thương cảm mãnh liệt đến độ Diégo đắm chìm trong mơ mộng, tưởng như đang được tâm tình với người yêu. Đó chính là ý nghĩa của động từ « voir » ở thì hiện tại (temps présent) trong câu (6) :

Tu vois, je n' ai pas oublié... (6)

Cái tài hoa của Prévert chính là chỗ đó. Là đã chọn một hình ảnh tầm thường, vô vị để nói về mùa thu ; nhưng lại đóng khung hình ảnh đó trong một câu văn cô đọng, nhưng hàm súc, ý vị, đa tầng, đa nghĩa đem lại cho nó một sức mê hoặc lạ thường. Câu văn được lặp lại ba lần, nhưng không phải là một hình ảnh cứng nhắc chỉ đem lại một cảm xúc đơn điệu. Trái lại, mỗi lần được gọi lên, hình ảnh đó lại có tác dụng khác nhau, khơi động cảm xúc khác nhau tùy theo từng người. Thậm chí ngay cả với Diégo, nó cũng đánh dấu một chuyển biến tâm tư nơi nhân vật.

Lần xuất hiện đầu tiên, nó đã khiến Diégo bật lên tiếng nấc nghẹn ngào *Oh !* vì thương cảm. Liên sau đó, hình tượng đồng lá úa vun thành đồng được lặp lại lần thứ hai ở dòng 7. Nhưng lần lặp lại này là để nói lên tác động vô hiệu của nó trước thái độ hờn như vô cảm của khách qua đường. Để nắm được sự khác biệt, ta cần lòng hình ảnh « đồng lá úa » trong ngữ cảnh của toàn bộ các dòng sau đây :

Les feuilles mortes se ramassent à la pelle(7)

les souvenirs et les regrets aussi (8)

et le vent du nord les emporte (9)

dans la nuit froide de l'oubli (10)

Cùng một hình ảnh được gọi lên chỉ cách nhau có một hàng, lần đầu nó làm Diégo liên tưởng tới người yêu Malou đang nằm một mình trong ngôi mộ lạnh lẽo, khiến anh ta xúc động phải bật lên tiếng nấc nghẹn ngào. Nhưng khi lặp lại lần hai, chỉ cách một hàng, hình ảnh đó chỉ còn là một đồng xác lá tầm thường vô vị với khách qua đường dừng dung. Số phận của đồng lá úa đó là chờ để được gió bắc cuốn đi, cũng như những bài thơ nói về mùa thu và kỷ niệm được chuyển tay người này qua người khác, nhưng chẳng bao lâu rồi cũng rơi vào quên lãng. Với Diégo lại không phải thế, cũng chỉ là đồng lá úa vô tri bất động, nhưng lại làm sống dậy bản nhạc kỷ niệm yêu đương từng được Malou hát cho nghe. Đó là ý nghĩa của hai câu độc thoại nội tâm :

Tu vois je n'ai pas oublié (11)

la chanson que tu me chantais (12)

Vậy là, chỉ bằng một hình ảnh quen thuộc tầm thường, Prévert đã đem lại cho câu nhạc một sức quyến hút bất thường khiến mỗi lần nghe giai điệu vọng lên, là hầu như hình tượng *Les feuilles mortes se ramassent à la pelle* lại hiện lên tâm trí người nghe. Bởi vậy nhiều người đã lầm tưởng đó là câu điệp khúc. Thực ra đoạn khúc với những hàng chữ sau đây mới là điệp khúc :

C'est une chanson qui nous ressemble (13)

Toi qui m'aimais (14)

et je t'aimais (15)

Et nous vivions tous deux ensemble (16)

toi qui m'aimais (17)

et que j'aimais .18)

Mais la vie sépare ceux qui s'aiment (19)

tout doucement (20)

sans faire de bruits (21)

et la mer efface sur le sable (22)

les pas des amants désunis. (23)

Là điệp khúc, bởi vì đoạn khúc được lặp lại hai lần, mỗi lần đều với lời lẽ và ý nhạc tương tự. (d.13 – d.23 và d. 36 -46). Là điệp khúc, tiếp đến, vì nó cho ta biết sơ lược về câu chuyện tình giữa Malou và Diégo. Câu chuyện tình đó gồm hai giai đoạn qua hai phần của điệp khúc. Phần đầu gồm sáu hàng (13-18) cho biết nhờ vào bản nhạc kỷ niệm hai người đã được sống hạnh phúc những giờ đắm thắm yêu đương. Tình yêu say đắm nồng nàn ấy, không được diễn tả bằng những lời lẽ hoa mỹ hay cường điệu. Trái lại, độc nhất chỉ có động từ *aimer* được lập đi lập lại bốn lần. Đó là một động từ quen thuộc sẵn sàng được thốt ra bởi bất cứ ai, vào bất cứ lúc nào. Quen thuộc đến độ nó trở thành một loại ngôn từ *điểm thú* (termes prostitués) như mấy chữ *tự do, dân chủ, độc lập, hùng cường, yêu nước, thương nòi...* Là ngôn từ *điểm thú* bởi vì các từ này, nghĩa vốn thanh cao đã bị một số chính trị gia lồi đời, một vài nhà bình luận chuyên nghiệp, hay một số nhân vật đầu cơ chính trị, lấy việc thành lập tổ chức đấu tranh làm business, hoặc gây tranh cãi ồn ào để chứng minh sự *tồn tại* (chứ không phải sự *hiện hữu*) của mình. Và họ không ngần ngại khai thác ý nghĩa thanh cao của các từ ngữ trên khiến chúng trở nên hoen ố chẳng khác gì thân phận của Thúy Kiều bị đám Sở Khanh, Tú Bà xô đẩy vào chốn thanh lâu cá. Nhưng với ai đã yêu và được sống với hạnh phúc tình yêu chân thực, thì động từ *aimer* được lập đi lập lại như thế, lại chứa chan ý nghĩa và mang nhiều chất thơ như mấy tiếng bi bô đầu đời của đứa trẻ học nói.

Bên cạnh cách sử dụng từ *aimer* đó, ta cũng không nên bỏ qua một sửa đổi của Prévvert trong bản thảo chót, đó là ông đã viết ở dòng 18 « *et que j'aimais* » thay vì « *et je t'aimais* » như ở dòng 16. Sửa đổi này, thoạt nhìn có vẻ chẳng có gì quan trọng cho lắm. Ngay đến các ca sĩ tài danh khi trình bày, cũng thường hát theo thói quen « *et je t'aimais* » thay vì « *et que j'aimais* », và vẫn được thính giả nhiệt liệt vỗ tay tán thưởng. Có lẽ cũng vì thế mà khi lên trình diễn, hầu hết các ca sĩ thường chỉ lấy lời ca của đoạn khúc một và điệp khúc, mà bỏ qua đoạn khúc ba. Tôi cho rằng đây là một sự lơ là đáng tiếc. Đáng tiếc, bởi vai trò không kém quan trọng của đoạn khúc này trong toàn bộ lời ca. Có nghe hết đoạn khúc ba dưới đây, ta mới thường thức được ý vị đặc sắc các hình ảnh Prévvert chọn để diễn tả tâm tình của Diégo :

Les feuilles mortes se ramassent à la pelle (24)

les souvenirs et les regrets aussi. (25)

Mais mon amour silencieux et fidèle (26)

sourit toujours et remercie la vie. (27)

Je t'aimais tant tu étais si jolie (28)

Comment veux-tu que je t'oublie (29)

En ce temps-là la vie était si belle (30)

et le soleil plus brûlant qu'aujourd'hui (31)

Tu étais ma plus douce amie (32)

Mais je n'ai que faire des regrets (33)

Et la chanson que tu me chantais (34)

toujours toujours je l'entendrais. (35)

Mở đầu cho đoạn khúc này là hai câu :

Les feuilles mortes se ramassent à la pelle (6),

les souvenirs et les regrets aussi (7)

được lặp lại thêm lần nữa. Nhưng thay vì

et le vent du nord les emporte (8)

dans la nuit froide de l'oubli (9)

như ở đoạn khúc một, ta lại có :

Mais mon amour silencieux et fidèle (26)

Sourit toujours et remercie la vie. (27)

Hai câu sau này được mở đầu bằng chữ *Mais* cùng với những tĩnh từ *silencieux, fidèle* và động từ *sourit, remercie* kế tiếp cho thấy những kỷ niệm Malou làm sống dậy nơi Diégo không phải chỉ là những kỷ niệm do cảnh đẹp mùa thu gợi nhớ. Trái lại, mặc dù là nạn nhân của một hành động trả thù độc ác, nhưng vẻ đẹp dịu hiền cùng với bản tình ca Malou dành riêng cho Diégo, đã khiến mỗi lần nghe vọng lên giai điệu là một lần Diégo được sống lại hạnh phúc của thời yêu đương bên cạnh Malou. Đó là ý nghĩa của những câu chót của đoạn khúc ba. Có chú ý tới đoạn khúc này, cũng như phần còn lại của toàn bộ lời ca, ta mới cảm nhận được cái ý vị và tài hoa của Prévvert khi ông chọn hình ảnh những làn sóng biển tràn lên bãi cát làm biểu tượng cho mối tình son sắt của Diégo với Malou. Dấu chân in của những cặp tình nhân trên bãi cát, đều bị sóng biển xóa đi, cũng như những kỷ niệm một thời yêu đương nơi người đời, rồi cũng chìm trong quên lãng như đồng xác lá khô chờ được gió bắc cuốn đi. Nhưng với Diégo, hình ảnh sóng biển trên bãi cát lại mang một ý nghĩa biểu tượng khác. Nếu những lớp sóng liên tục đổ lên bãi cát xóa dần mọi vết chân đi, thì tiếng sóng rạt rào là tiếng hát thì thầm của người yêu để giúp Diégo được nghe thức dậy những kỷ niệm đẹp của thời sống hạnh phúc bên Malou. Đó là ý nghĩa của hai câu :

Et la chanson que tu me chantais (34)

toujours toujours je l'entendrais. (35)

Ở hai câu này, không chỉ có ý mà còn nhịp điệu nhẹ nhàng nữa, đặc biệt là hai chữ *toujour toujours* trở đi trở lại như tiếng sóng rì rào khiến Diégo có cảm giác được nghe tiếng hát thì thầm muôn thuở của người yêu.

Không ít người có thói quen làm thơ, viết văn để tạo ảo giác cho mình và ru ngủ người khác bằng những mỹ từ khuôn sáo và hình ảnh đánh bóng cuộc đời. Prévert không làm thơ. Ông chỉ viết lời cho bản nhạc làm nền cho cuốn phim về một cuộc tình dang dở. Một câu chuyện tình cũng như hàng trăm câu chuyện tình khác ở đời. Bởi vậy hình ảnh gợi lên chẳng có gì đặc biệt, nếu không muốn nói còn nhàm chán, tẻ nhạt thuộc về đời sống hàng ngày. Nhưng chính những hình ảnh tầm thường vô vị ấy đã cho thấy nỗi buồn thẳm lặng cũng như nguồn an ủi của người trong cuộc. Cái tài hoa của Prévert là ở chỗ đó. Không phải bằng chất liệu đắt giá để dựng lên những khu biệt thự hoành tráng, nhưng rất một khuôn mẫu. Trái lại, khi viết lời ca cho một giai điệu của Kosma, ông chỉ dùng chất liệu sơ khai thuộc loại đất thó để dựng lên một túp lều lý tưởng cho hai trái tim vàng. Túp lều lý tưởng ở chỗ, chỉ bằng từ ngữ và hình ảnh thuộc về đời sống hàng ngày, nhưng với tài năng chọn từ, sắp câu, phân đoạn khúc, ông đã đem lại cho lời ca một nội dung tình cảm ra khỏi khuôn mẫu sáo mòn : tiếng thì thầm riêng tư sống thực, chân thực của người trong cuộc. Có lẽ nhờ vào kỹ thuật truyền đạt theo mỹ học biểu tượng hay thi pháp tượng trưng ấy, mà mỗi ca từ của ông đều chan chứa chất thơ theo đúng nghĩa thơ, khiến người đời đã lầm tưởng ca từ *Les feuilles mortes* là một bài thơ tuyệt tác được đem ra phổ nhạc.

Nguyễn Bảo Hưng

(*) Quý vị nào muốn nghe lại bản nhạc « *Les feuilles mortes* » qua kỹ thuật trình bày điều luyện của nhiều ca sĩ tài danh khác nhau, mà không muốn mất công tìm kiếm trên Youtube, xin mời vào diễn đàn mạng **Long Hồ - Vĩnh Long** :

<https://longhovinhlong.blogspot.com>

Kiểm bài « Jacques Prévert với Les Feuilles Mortes », quý vị sẽ được lần lượt nghe bản nhạc này qua trình diễn của nhiều ca sĩ thời danh khác nhau như Cora Vaucaire, người đã lăng xê bản nhạc, Yves Montand, Doris Day. Bên cạnh đó, ta còn có dịp được tài năng của hai ca sĩ với kỹ thuật trình bày điều luyện, mà ngay giới sành nghe nhạc người Việt cũng ít biết đến. Đó là Philippe Jaroussky với giọng ca opéra sẽ hát đầy đủ toàn bộ ca từ *Les feuilles mortes*. Tiếp đến là nữ ca sĩ người Hòa Lan Laura Fygi, mà tên tuổi chắc còn xa lạ với cộng đồng người Việt. Phải có nghe hai ca sĩ này trình bày ta mới có cơ hội thưởng thức tài năng của họ.

MÙA LÁ RỤNG

Ồi ! anh ước mấy em còn nhớ được
những ngày hạnh phúc hai đứa sống bầu bạn bên nhau
Thuở ấy cuộc đời mới đẹp làm sao
và mặt trời cũng rực rỡ hơn bây giờ

5 Lá úa rụng tả tôi được vun thành đồng
Em thấy đó anh có bao giờ quên...
Lá úa rụng rơi được vun thành đồng
bao kỷ niệm bao tiếc nuối cũng vậy thôi
để gió bắc lạnh lùng tới cuốn đi

10 đem vùi sâu vào vùng lãng quên âm u giá buốt

Nhưng em hỏi anh làm sao quên được
khúc nhạc tình em vẫn hát anh nghe

Đó là một bản tình ca như chuyện hai đứa mình
Em yêu anh

15 và anh cũng yêu em
Và chúng ta đã vui sống bên nhau
em đã yêu anh
và là người anh yêu
Nhưng cuộc đời lại thường chia đôi ngã
20 nhẹ nhàng êm thắm
âm thầm lặng lẽ
như sóng biển xóa dần trên bãi cát
dấu chân in của những đôi lứa bị phân ly.

Lá úa rụng rơi được vun thành đống
25 như bao kỷ niệm như bao tiếc nuối
Nhưng mối tình chung thủy anh hằng ấp ủ
vẫn nở nụ cười để anh biết yêu đời
Anh yêu em tha thiết vì em quá đẹp
Làm sao anh quên được, hỏi em yêu !

30 Thuở ấy cuộc đời mới đẹp làm sao
và mặt trời cũng rực rỡ hơn bây giờ
Em hỏi, người bạn dịu hiền nhất đời anh...
Những tiếc nuối anh đâu cần biết
Bản nhạc ấy một lần anh nghe em hát
35 còn vang vọng mãi mãi trong anh

Đó là một bản tình ca như chuyện hai đứa mình
Em yêu anh

và anh cũng yêu em
Và chúng ta đã vui sống bên nhau

40 em đã yêu anh
và là người anh yêu
Nhưng cuộc đời lại thường chia đôi ngã
nhẹ nhàng êm thắm
âm thầm lặng lẽ

45 như sóng biển xóa dần trên bãi cát
Dấu chân in của những đôi lứa bị phân ly.

(*Nguyễn Bảo Hưng* chuyển ngữ)

Văn-Lang yếu sử

Liên Khố Chương

Nói đến lịch-sử Việt-Nam thì mọi người đều biết: 18 vị Vua Hùng-Vương nước Văn-Lang và người Việt là con cháu Tiên-Rồng, do từ lời nói Lạc-long-Quân cùng bà Âu-Cơ: "Ta là giống rồng, nàng là giống tiên, thủy hỏa khắc nhau, chung hợp khó lòng", rồi từ biệt nhau, Âu-Cơ dẫn 50 con lên núi, Lạc-long-Quân dẫn 50 con về vùng duyên hải, là một xã hội mẫu-hệ (Tiên-Rồng chứ không gọi là Rồng-Tiên).

Theo "Việt-Nam sử lược" và "Việt sử toàn thư" do ông Trần-trọng-Kim viết, xuất bản năm 1919, các ngày tháng năm âm lịch đều phụ thêm tây lịch, tuy là quyển sử viết sau nhưng có tầm ảnh hưởng lớn trong quần chúng, vì được phổ thông truyền dạy trong ngành giáo-dục học đường.

Ông viết: Đế-Minh cháu 3 đời vua Thần-Nông nam du đến núi Ngũ-ling gặp Vụ-Tiên sinh Lộc-Tục, Đế-Minh truyền ngôi cho con trưởng

Đế-Nghi làm vua phương Bắc, và Lộc-Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh-dương-Vương, là thủy-tổ Bách-Việt, họ Hồng-Bàng bắt đầu từ năm 2879tcn-258tcn), lấy quốc hiệu là Xích-Qũy, Đông giáp biển Nam-hải, tây giáp Ba-thục, bắc giáp hồ Động-dinh, nam giáp Hồ-tôn (Chiêm-Thành), con Lộc-Tục là Sùng-Lãm kết hôn với bà Âu-Cơ (con của Đế-Lai, là cháu nội của Đế-Nghi). Nói rõ ra Sùng-Lãm vai chú Âu-Cơ, vì ở Việt-Thường theo mẫu hệ, Bắc phương theo phụ hệ nên Âu-Cơ họ Đế, Lạc-long-Quân họ Sùng, 2 người kể như là người khác họ dù rằng họ đều là con cháu bên nội Đế-Minh.

Sùng-Lãm lên ngôi vua gọi là Lạc-long-Quân, quốc-hiệu là Văn-Lang, đóng đô ở Phong-Châu.

Để tìm hiểu về họ Hồng-Bàng bắt đầu từ năm nào, chúng ta cần biết các triều đại Trung-Hoa tương quan với An-Nam.

Theo Sử ký Tư-mã-Thi ân: "Trung-Hoa bắt đầu từ Ngũ Đế (Hoàng Đế, Chuyên-Húc, Đế Khốc, Nghiêu, Thuấn):

* Trước Hoàng Đế có vua Phục-Hy dạy dân dùng lưới bắt cá, dùng bẫy bắt thú rừng, và Thần-Nông dạy dân trồng trọt cây cấy, biết dùng lá rẽ cây trị bệnh, sau Thần-Nông thì đến thời Hoàng Đế.

* Hoàng-Đế (2698tcn-2574tcn) 124 năm.

* Qua thời Chuyên-Húc và Đế-Khốc (2574tcn-2333tcn) khoảng 241 năm, tính ra mỗi người 120 năm.

* Vua Nghiêu (2333tcn-2233tcn) 100 năm, quốc hiệu là Đường.

* Vua Thuấn (2233tcn-2183tcn) 50 năm quốc hiệu là Ng.

* Vua Vũ lập quốc là Hạ (2183tcn-1751tcn) 432

* Sau thời Tam-Đại (Nghiêu Thuấn Vũ) việc truyền ngôi vua theo "cha truyền con nối":

* Nhà Thương (1751tcn-1111tcn) 640 năm.

* Nhà Chu (1111tcn-221tcn) 890 năm. Gồm

a-Tây-Chu (1111tcn-770tcn) 341 năm.

b-Đông-Chu (770tcn-221tcn) 549 năm, có 2 giai đoạn:

1-Thời Xuân-thu (770tcn-403tcn) 367 năm

2-Thời Chiến-quốc (403tcn-221tcn) 182 năm.

* Nhà Tần (221tcn-206tcn) 15 năm. Từ đây Trung-Hoa xem như thống nhất.

Qua sử Trung Hoa chúng ta thấy: Trước thời Hoàng Đế, Chuyên Húc và Đế Khốc mỗi người làm vua trên 120 năm, có lẽ từ điểm này Ông Trần-trọng-Kim suy ra vào thời Thần

Nông con người có thể sống trên 145 năm nên Ông chọn "năm nhâm-tuất 2879tcn" (trước thời Hoàng-Đế 181 năm).

Sau khi Chu-võ-Vương diệt nhà Thương (1122 tcn), bình định thiên hạ, trị nước theo chính sách Chu-văn-Vương, được 7 năm Ông mất, truyền ngôi lại cho con là Chu-thành-Vương (1115tcn-1079tcn), vì tuổi còn nhỏ, nên việc triều chính Tây-Chu đều do Chu-Công (em của Chu-võ-Vương) phụ trợ nhiếp chính.

Vì có loạn phía Đông do Võ-Canh (con Trụ vương được Chu-võ-Vương phong vương nước Tống) hợp với anh em Thái và Quản (chú Chu-thành-Vương) làm phản. Sau 3 năm (1114tcn-1111 tcn) Chu-Công cầm quân bình định, Tây-Chu mới thật sự làm chủ các chư hầu.

Sau 7 năm (1108tcn) chấp chính tình hình Tây Chu ổn định Chu-Công trao quyền lại cho Chu-thành-Vương.

Năm tân-mẹo (1109 tcn, năm thứ 6 Chu-Công nhiếp chính) sứ-giả Việt-Thường diện kiến Chu-Công. Sứ-giả được Chu-Công tiếp đón, phải là vua Việt-Thường hay con của vua, chắc chúng ta phải nhận đây là con vua Kinh-dương-Vương, Sùng-Lãm, sau này là Lạc-long-Quân.

Dữ kiện lịch sử trên có ghi lại trong quyển An-Nam chí lược.

Tác-gia Lê-Tắc, viết năm 1335.

Dịch giả: Ủy ban phiên dịch lịch sử Việt-Nam năm 1960.

Xuất bản do Viện đại học Huế năm 1961.

Sách viết nước An-Nam có giao thông với Trung-Hoa:

-Thời vua Chuyên-Húc, phả bắc đi tới U-Lăng phía nam đi tới Giao-Chỉ.

-Thời vua Nghiêu sai Hy-Hà qua đất Nam-Giao,

-Thời vua Thuấn sai Vũ qua Nam-yên-Vỏ Giao-Chỉ.

-Thời Chu-thành-Vương (1115tcn-1079tcn) họ Việt-Thường có sứ giả 9 lần qua triều cống Tây-Chu.

-Nước Việt-Thường thuộc đất Cửu-Châu ở phía nam Giao-Chỉ.

-Năm tân-mẹo (1109 tcn) sứ-giả Việt-Thường đến Tây-Chu diện kiến Chu-Công và nói: "Trời không gió bão mưa to, ngoài biển không nổi sóng dữ đã 3 năm, chắc Trung-Hoa có thánh nhân trị vì, sao chẳng đến châu". Chu-Công đáp: "Vui thay, chẳng phải Đán có tài, mà nhờ đức của Văn-Vương đó".

Từ đây ta thấy Giao-Chỉ là vùng đất riêng biệt

, địa thế Việt-Thường nằm ngoài vùng quản trị của Trung-Hoa.

Sử kiện này cũng được xác nhận qua quyển

Việt-Nam sử lược.

Viết năm 1377-1388, tác gia khuyết danh.

Dịch giả: Nguyễn-gia-Tường viết năm 1972, và xuất bản vào 1993.

Sách viết Hoàng-Đế tóm thu miền nước, thấy Giao-Chỉ xa xôi ở ngoài cõi Bách-Việt (vùng Hồ-nam, Quảng-Đông, Quảng-Tây, Vân-Nam, Quý-Châu) không thể thông thuộc được, bèn phân ranh giới ở góc Tây-nam. Gồm có 15 bộ-lạc không thuộc châu quản-trị

của Hoàng-Đế .Sự phân ranh có ghi trong quyển "Vũ-cống", sách địa-lý của vua Vũ thời Hạ-Vũ,sách này được ghi lại do ch ỉnh tay Nguyễn-Trãi viết với tên "An-Nam Vũ-cống".. Ông Trần-trọng-Kim xác nhận đây là quyển sử đầu tiên của Việt-Nam,điều này cho thấy Ông chưa đọc qua An-Nam chí lược (1335) và Ông cũng không đối chiếu lại quyển "Kh âm-định Việt-sử thông-giám cương-mục".
Soạn giả quốc sử giám triều Nguyễn (1856-1881).

Dịch giả Viện sử học (1957-1960) viết:

"Lạc-long-Quân là tổ tiên Bách-Việt",chức vua được cha truyền con nối theo phụ hệ.
Ngô ã ra c ờn c ó Đại-Việt sử-ký toàn thư (1679).

T ác-giã Lê-văn-Huu,Phan-phu-Ti ờn,Ng ô-sĩ-Li ờn.

Dịch-giã:Viện khoa-học xã-hội VN (1985-1992).

Nhà xuất-bản:Khoa-học XH Hà-nội (1993),viết Lạc-long-Quân gần thời Đông Chu, cho thấy quyển sử này chỉ tạp ghi bởi nhiều ý kiến khác nhau.

Sử viết như trên cho chúng ta thấy:

*Kinh-dương-Vương Lộc-Tục làm vua nước Xích-Qũy chỉ là hư danh (1) là âm mưu Đế-Minh để thống trị 15 châu hạt

Lạc-Việt vào Giao-Chi châu.

Gồm có:

- 1-Văn-lang (Bách-hạt,tỉnh Hưng-y ờn).
- 2-Giao-chỉ (Hà-nội,Hung-y ờn,Nam-định,Ninh-b ãnh).
- 3-Vũ-ninh (Bắc-ninh). 4-Ph ỳc-lộc (Sơn-t ỳ).
- 5-Việt-thường (Quảng-b ãnh,Quảng-trị).
- 6-Chu-diên (Sơn-t ỳ). 7-Ninh-hải (Quảng-y ờn)
- 8-Dương-tuyền (Hải-dương). 9-Lục-hải (Lạng-sơn).
- 10-Vũ-định (Thái-nguy ờn,Cao-b ằng).
- 11-Cửu-ch ỳu (Thanh-h ỏa). 12-Cửu-đức (Hà-tĩnh).
- 13-T ỳn-hung (Hưng-h ỏa,Tuy ờn-quang).
- 14-Ho ỏ ỏ-hoan (Nghệ-an). 15-B ãnh-v ỳn (???)

Những Châu hạt này chuyên nghề lên rừng săn thú,xuống nước săn ngư nên trên thân họ thường nguy trang bởi những văn hoa,đây là những dấu tích xăm mình người 15 Châu hạt này gọi là "người văn-lang".Lãnh thổ được định ranh từ:

Đông giáp biên Nam-hải,tây giáp Ba-thục,bắc giáp hồ Động-đình,nam giáp Hồ-t ờn (Chiêm-Thành) là chung cho Lộc-Tục và Đế-Nghi.

Thật ra Lộc-Tục chỉ cai quản 15 châu hạt,ngoài ra là của Đế-Nghi.

*Sau khi Sùng-L ỳm thay vua cha Lộc-Tục ,Ông thấy rõ điều này kế hoạch cùng vợ là bà Âu-Cơ dẫn 50 con về vùng Bách-Việt và Ông dẫn 50 con về vùng biển Lạc-Việt ,việc làm này trước 15 châu hạt cho họ thấy Ông-Bà có trăm con như Chu-v ỳn-Vương, là người tài đức, kính dân như cha mẹ,rời lập ra nước Văn-Lang.

Khi

Lạc-long-Quân làm vua, Ông đặt ra luật triều chánh : "Con trưởng nam làm vua gọi là Hùng-Vương họ Hồng-B ằng,con trai gọi là "Quan-h ỳng" con g ỏ ỏ gọi là "Mỹ-nương",

các quan văn-võ gọi chung là "Bổ-chính" tướng văn gọi là "Lạc-hầu", tướng võ gọi là "Lạc-tướng".

Quốc hiệu Văn-Lang để cho 15 Châu hạt thấy "Văn-Lang" và "Xích-Qũy" cùng là nước của dân tộc Văn-Lang chạy dài theo đường Kinh tuyến tận đến đường Xích đạo, một quan niệm cho sự "Hòa bình" dân tộc, đất nước "Thanh bình" như thời Nghiêu-Thuần/TH.

Dĩ Quan niệm Dĩ Hoà vi quý? Sùng-Lãm nhận thấy các chư hầu bên Trung-Hoa đánh nhau vì chữ "Đế" và "Vương", nên khi làm vua ông tự xưng mình là "Quân" để tránh sự tranh quyền của Đế-Lai, đồng thời Ông ra luật người lãnh đạo Văn-Lang gọi "Hùng-vương" họ "Hồng-Bàng", 2 chữ "Hùng-vương" cho các chư hầu khác biết đó chỉ là cái chức trong tộc Văn-Lang chứ không phải nước Văn-Lang, họ Hồng-Bàng nhằm để các tộc Lạc Việt thấy "chúng ta vẫn là đồng bào", trong hoàng tộc con của bà Âu-Cơ vẫn mang họ Đế", như thế họ Hồng-Bàng chỉ riêng cho 18 vị Hùng-Vương, và con khác đều mang họ mẹ theo luật "Xã Hội Mẫu Hệ", luật Lạc-long-Quân có khác là con của Ông vẫn là họ Đế, để tránh mưu đồ của Đế-Lai, đem con gái mình (Âu-Cơ) gả cho chú Sùng-Lãm nhằm hàng phục cả tộc Văn-Lang, âm mưu này Sùng-Lãm nhận ra nên Ông bày ra: Bà

Âu-Cơ dẫn 50 con lên núi, đó là vùng núi Bách-Việt, Lạc-long-Quân dẫn 50 con xuống biển, đó là vùng biển của Lạc-Việt để tạo lòng tin cho dân tộc Văn-Lang tin tưởng các vị vua Hùng-Vương sau này độc lập với các triều đại Bắc phương. Bà Âu-Cơ trở về vùng Bách-Việt để tạo thế "địa chính trị" cho Văn-Lang "Thái bình" (2) qua

18 vị vua Hùng-Vương trong 821 năm trong sự đoàn kết 15 bộ-lạc thành một dân-tộc Văn-Lang kiên cường đóng đô tại Phong-Châu. Do bởi quan-điểm "Tam-Bình" (Thanh bình: an lạc, thật thà. Hòa bình: sống chung hòa thuận. Thái bình: đất nước bình an) của Lạc-long-Quân không khác gì quan-điểm "Tư-do, dân-chủ và công-bằng" mà hiện nay loài người đang đòi hỏi, tư tưởng "Tam-Bình" đã có từ 3.200 năm trước, bởi Lạc-long-Quân Sùng-Lãm từ trước năm 1079tcn.

Từ lúc gặp Chu-Công năm 1109tcn đến năm 1079tcn chỉ có 30 năm, Chu-thành-Vương mất năm 1079tcn cũng là năm Lạc-long-Quân băng hà

năm Nhâm tuất (1079tcn) Hùng-Vương thứ nhất làm vua Văn-Lang đến năm Quý meo (258tcn) đời vua Hùng-Vương 18 Văn-Lang bị diệt bởi Thục-Phán (Tây-Thục), rồi Thục-Phán bị Triệu-Đà tiêu diệt, như thế vùng Lạc-Việt mất đi "địa chính trị" không còn "trái độn" nữa, sau đó Lạc-Việt lâm vào cảnh ngàn năm nô lệ giặc Tàu.

Hàng năm ngày 10 tháng 3 âm lịch, Việt-Nam ta làm ngày giỗ Tổ Hùng-Vương mà không biết người nào là Tổ, cho thấy Trí thức ngày nay vẫn chưa thông hiểu về lịch sử An-Nam. Bởi không am tường lịch sử nên dễ trở thành cực đoan gây rạn nứt trong cộng đồng dân tộc.

Tư tưởng "Tam bình" thời Lạc-long-Quân Sùng-Lãm đi trước đạo "Trung Hiếu" người Trung-Hoa, đạo "Tam bình" cho Văn-Lang được 821 năm Thái bình, đạo "Trung hiếu" sinh ra trong thời đất nước ly loạn bởi chiến tranh, từ thời Xuân thu (770tcn-403tcn) đến Chiến quốc (403tcn-221tcn), tư tưởng đó chỉ vá vúi tạm thời cái loạn bất an trong quần chúng, và sau đó tạo thành sự chuyên chế độc tài từ gia đình đến vua chúa quyền thế hà khắc nhân dân, khác với quan niệm "Tín Hiếu" của thời vua Nghiêu-Thuần và Tây-Chu: Vua hiếu với dân như cha mẹ. Dân trọng vua như bậc thánh hiền.

Trong thời đầu xã hội Văn-Lang, mỗi luật lệ đều truyền đạt bằng hành động, tư tưởng "Tam-bình" thể hiện qua giao tiếp với sự thật thà trọng "Minh bạch, Công bằng, Tự Do", do đó thiên hạ mới có Thái-Bình.

Quan niệm "Tam-Bình" là đạo của "Minh-Quân", thuận theo ý dân hành động "An bang tế thế", không dùng pháp trị để phục dân mà cần tiếp cận hòa đồng với dân để hiểu rõ dân tình, tuy chỉ có 821 năm triều đại "Hùng-Bàng" cũng đủ cho thấy đạo trị quốc của Lạc-long-Quân và 18 vua Hùng-Vương với luật "Không thành văn", khác với thời vua chúa bên Trung-Hoa "Dĩ văn tải đạo", "Dĩ văn truyền ngôn", càng làm cho xã hội hỗn loạn, giặc giả chiến tranh liên miên, do bởi quan điểm: trung hiếu, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, là nhưng tư tưởng xây dựng cá nhân. Khác với quan điểm "Tam Bình" được xây dựng trên quan điểm "nhập thế hành đạo" của Trang-Tử, bình đẳng trong cộng đồng, giải quyết vấn đề theo tập thể, để rõ ràng hơn nói: "Hãy tìm những người quên lời mà cùng nhau đàm đạo, vì lời nói không đủ ý, thành văn lại càng không diễn rõ việc đã nói ra.

Như trong cuối thế kỷ 19, tư tưởng Karl-Marx ra đời, nhằm chỉ trích chế độ quân chủ hà khắc Âu châu, Ông đưa ra quan niệm "Tiêu diệt chính quyền" để người dân có tự do, nên dùng từ "Chuyên chính vô sản". Do bởi tư tưởng viết thành sách nên Lenin dựa vào quyền "Tư bản luận" nói: đây là lời Marx "Người nghèo lên nắm chính quyền", thực nghĩa "Chuyên chính vô sản" là "Người tham gia chính quyền phải vô sản", ý này nói lên "người tham chính không được tư hữu tài sản riêng", như thế sẽ không có tham nhũng hối lộ, quốc gia mới phú cường.

Trang Tử (369tcn-?) thấy được "Tư tưởng thành văn" là mối hại cho xã hội, nên Ông chủ trương cần đàm luận để thông suốt "Cái chân chính tư tưởng của triết gia". Quyền "Nam Hoa Kinh" không do Ông viết mà do học trò của Ông viết lại những lời Ông nói, bởi thế tư tưởng Trang Tử không được rành mạch cho hậu thế về "nhập thế hành đạo" mà tưởng Ông chủ trương "xuất thế vô vi", vì Ông không muốn tham gia chính quyền.

Thế giới Trang Tử là "quần chúng" không là "quan trường", Ông chủ trương phải tiếp cận với quần chúng mới biết người dân cần gì theo như thời Chu-Công, như thế mới ổn định được "Chế độ phong kiến".

Xã hội thời Chu-Công chia 3 giai cấp:

- Thượng tầng gồm quý tộc thân thích nhà vua, chư hầu, khanh tước và sĩ.
- Trung tầng gồm thứ dân, nông dân, công nhân và thương nhân.
- Hạ tầng gồm những tù binh, kẻ phạm pháp, nô lệ, thành phần này không có tự do, tấc mạng cũng không bảo đảm.

Trong xã hội này giai cấp phân chia rành mạch, nói lên được chữ "Thanh", như chức quyền Chu-Công có thể soán ngôi vua nhưng Ông không hề làm mà chỉ hoàn tất trách nhiệm của người phù trợ ấu chúa, tuy vậy xã hội này vẫn còn hà khắc hạ tầng dân dã, khác xa với thời Ngũ Đế. Riêng Văn-Lang thời bấy giờ xã hội bình đẳng, tôn trọng con người, quan niệm "Tam bình" không sinh trộm cướp, cho thấy Sùng-Lãm Lạc-long-Quân mọi đạt đích hàng Đế như Ngũ Đế, "Tam bình" là đạo "làm người" vượt xa đạo "Trung hiếu" của Trung-Hoa.

HÙNG-VƯƠNG DỰNG NƯỚC

(Tư-tướng Tam-Bình)

Hùng-Bàng vốn họ vua Hùng-Vương.

Người đứng đầu của nước Văn-Lang.

Mười tám đời yên như bàn thạch.

Sống an-nhàn một cõi phương Nam.

Lấy đạo nhơn-hòa xây dựng nước.

Không màng tranh chấp với lân-bang.
Trên dưới vua tôi vốn một lòng.
Thương nhau tựa như cùng cha mẹ.

Thanh-Bình trong cảnh đời dân dã.
Hòa-Bình trong cuộc sống chung nhau.
Thái-Bình dân sống đời an-lạc.
Tam-Bình chung lại sống thái-hòa.
Vua tự xem dân như cha mẹ.
Dân trọng vua như bậc thánh-hiền.
Chung lòng xây dựng nước Văn-Lang.
Phù trợ dương danh giống Lạc-Hồng.
LKChương Ngày 21/8/2019

Ghi chú:

(1)-

Sùng-Lãm thấy rõ chức vua cha Lộc-Tục chỉ là hư danh.

Với danh nghĩa "vua Kinh-dương-Vương ,quốc hiệu Xích-Qũy" hàm ý "tung hoành ngang dọc" của một vị vua,"Kinh dương là đường kinh tuyến dọc,Xích Qũy là đường xích đạo ngang",ngụ ý lãnh thổ Lạc-Việt bao gồm trọn vùng biển trời ĐNÁ ngày nay, không phải dừng ở biển Đông và ở Chiêm-Thành .

Đề tiếp tục ý nguyện vua cha, khi Sùng-Lãm lên làm vua Ông tránh dùng 2 từ Đế và Vương tự xưng mình Lạc-long-Quân để giữ hòa cùng Đế-Lai (cha Bà Âu-Cơ) và Quốc hiệu là Văn-Lang.

"Văn lang" là dấu tích xăm hình trên mình",nước Văn-Lang không những chỉ 15 bộ lạc Lạc-Việt mà gồm cả những dân tộc sống ở vùng đông-nam biển cả có lệ thích xăm mình khi đi săn thú trên rừng hay xuống biển tầm ngư.

Như thế chúng ta thấy nước Văn-Lang hay Xích-Qũy đều cùng nghĩa:"vùng trời biển Đông Nam tận đến xích đạo là ranh giới tộc Lạc-Việt".

-Lời nói của Bà Triệu thị-Trình năm 248cn cho chúng ta thấy :Lãnh thổ Nam-Việt bắc liền cả vùng Đông-Nam-Á gồm cả đảo Hải-Nam.

-Tích An-Tiên bị vua Hùng-Vương 15 đẩy ra đảo và sau những mùa thu hoạch Ông thả trái dưa trôi về đất liền,vua nhận được và tha tội An-Tiên.

Hiện trên đảo Hải Nam vẫn còn tộc người Kinh biết nói tiếng Việt.

Trong sách sử Trung-Hoa Dân-Quốc (QĐĐ/TH) ghi:"Nước Nam-Việt gồm Quảng-Đông,Quảng-Tây và Bắc phần Việt-Nam bây giờ".

Nói lên thời Hán-vũ-Đế chưa qua đến đảo Hải-Nam.

TRÍCH LỜI NGUYỄN TRÃI:



" Bên ngoài thì giặc phương Bắc dòm ngó, gây hấn, lăm le chỉ chờ thời cơ thuận tiện là nuốt trọn nước ta. Bên trong, vua chúa hèn mạt bất tài, không lo chống giặc chỉ lo đả áp nhưng nhiều Dân, quan lại từ trên xuống dưới tham nhũng nặng nề, khắp làng quê thôn xã cường hào ác bá nhưng nhúc nhẻ đầu cúi cổ Dân đen, cộng thêm tình trạng sưu cao thuế nặng khiến đời sống người Dân thêm khốn khó

Trang Thơ

T í m v ào Thu

Thu về gọi Tím, Tím mên mong
Lục bình hoa nở tím dòng sông
Lênh đênh theo nước xuôi êm nhẹ
Hoa chở về đâu nỗi nhớ mong

Trời thu hiu hắt giải mây thưa
T à áo em bay nhẹ gió đưa
Nắng thu e-lệ xuyên cành lá
Lá úa vàng rơi, giấc mộng thừa

Phượng tím nhà em đơm những hoa
Hoa chuông xinh xắn, dáng nõn nà
Bát ngát khung trời hoa phượng tím
Thảm cỏ xanh rì lốm đốm hoa

Chiều xuống chân trời pha sắc tím
Khói lam quyện lấy m á tranh nh à
Đàn chim ríu rít bay về tổ
Dạ lý đêm về tỏa ngát hương

Vương vấn hồn thu đâu cách xa
Trăng thu bàng bạc giải ngân hà
Soi xuống hồ thu, trăng giỡn bóng
Lá tre xào xạt ngọn thu phong
Trần Bạch Vân

NHỮNG MÙA HOA

Xuân đến ngàn hoa khoe sắc thắm
Anh Đào kiêu diễm nét thanh tân
Huỳnh Mai vàng ánh gieo hy vọng
Vườn Hồng muôn đóa tỏa hương xa.

Bằng Lăng nhạt tím theo mưa hạ
rực rỡ nắng hè Phượng trở hoa
bên đường Hoa Giấy vàng...hồng...tím...
Bìm Bịp, Trúc Đào, tím Lilas.

Lá sen xanh mướt phủ đầm ao
Sen hồng tung cánh đậm tô màu
Sen trắng vài cành vươn mặt nước
nhụy vàng e ấp dáng trinh nguyên.

Tháng bảy Hường Dương tràn đồng nội
say sưa ngập nắng hưởng ơn trời,
đường làng, Hoa Cải vàng đua nở
mộc mạc như nàng thôn nữ đơn sơ.

Thu sang ...

Cúc, lo ã hoa cho riêng mùa trút lá
nghiêng cánh hoa vàng gọi nắng thu
mây thưa, gió dịu về hiu hắt
mặt khách tao nhân rảo gót hài.

Hồn thơ vương vẩn gió heo may
lác đác nhẹ bay mấy lá vàng
chiếc nhạn lưng trời chao cánh lã
vật nắng chiều lảng đảng phớt trên hoa...

Bach Văn

Tha Hương Nhớ Tết

Quê mình Tết đến người ơi
Nơi miền xứ lạnh chơi vui tuyết buồn
Mông lung mãi đợi chờ trông
Cùng ai về lại nơi giòng sông xưa

Nắng nghiêng bóng ngã hàng dừa
Cầm tay hai đứa mừng vui tiếng cười
Tung tăng khắp chốn dạo chơi
Nơi làng quê mẹ rặng ngời nắng xuân

Vuốt ve cánh nụ mai vàng
Bâng khuâng cành trúc miên man gió thổi
Duyên mình mơ ước hiển linh
Giao thừa tiếng pháo đi đùng bên sông

Mừng xuân chén rượu men nồng
Ô hay giấc mộng đêm đông ngõ ngang
Mơ màng ngày Tết xuân sang
Bao giờ xuân đến nơi làng quê xưa

Cho mình duyên thăm trọn đầy
Ngày Xuân ... Xuân Hời Bao Lâu Xuân Về!

Mây Tím (MM)
“VTAH”
(CNTT 118)



XƯƠNG:

CÓ AI ?

TRỊNH CƠ

Nói chuyện..."Tâm Tình " chẳng có ai
Đêm đêm trần trọc suốt canh dài
Cũng may quen kiếp đời đơn độc
Sớm tối u buồn cảnh lạt phai

Thôi đành tiếp tục sống như xưa
Chân bước queo xiêu chống gậy hờ
Thiên hạ ai sao ta cứ vậy
An bài số phận kẻ ngu ngơ

Nghĩ lại thân mình vẫn thấy đau
Có chẳng đâu phải tại cơ cầu
Bởi ta đang sống đời hiu quạnh
Thiếu vắng ai bên cạnh, đỡ sầu

Trịnh Cơ

HỌA:

VĂN ÔNG

CAO MỸ NHÂN

Thì vẫn ông thôi, nào thấy ai
Than chi cho lũng cùng đêm dài
Hôm nao cứ thích đời trai trẻ
Thành chẳng bao giờ nghĩ tóc phai

Giờ thì đầu bạc trắng hơn xưa
Cả chục giai nhân bỗng ngó hờ
Bởi lẽ đa đoan nên khô lụy
Đâu còn thanh thản mà làm ngơ

Nếu bỗng như là chạm nỗi đau
Thì thôi quên hết vạ vai cầu
An nhiên tự tại như thiên hạ
Thơ phú thường quên được cảnh sầu ...

Hawthorne 10 - 9 – 2019



Mỹ Tho Ngày Ấy Nhớ Hoài

Sài Gòn chỉ cách Mỹ Tho
70 cây số xe đò thông dong
Con đường gió mát bênh bông
Hàng cây nghiêng lá vào trong mắt nhìn

Mỹ Tho xưa rất bình yên
Con đường phố nhỏ êm đềm dòng xe
Áo ai bay trắng góc hè
Nghiêng nghiêng vành nón em che nụ cười

Nhẹ nhàng từng giọt nắng rơi
Cho l àn gi ó m á h ôn m ỡi ngại ngần
Phải em trường Lê Ngọc Hân
Ngôi trường đẹp đẽ xa gần biết tên

Tóc thề dài sợi mượt mềm
Trai Nguyễn Đình Chiểu liếc nhìn ngấm trông
Mùa xuân ai giấu trong lòng
Đóa hoa tình ái trở bông lặng thắm

B ãnh minh gi ó m á l ằng l ằng
Cái Bè chợ nổi muôn phần tươi vui
Những câu chào hỏi đẹp lời
Mái chèo khua sóng thả trôi nghĩa tình

Trái xoài ngọt trái ổi xanh
Cắn vào thơm vị ngọt lành tình quê
Miệt vườn cây trái sum sê
Con đường bụi đỏ đi về nhớ thương

Giờ chia đôi ngã trùng dương
Ai chung nhau một mái trường mến yêu
Trái tim ngân tiếng chim reo
Dòng sông uốn khúc khua chèo nhớ qua

Mỹ Tho ngày ấy mượt mà
Trái tim luyến nhớ thiết tha từng ngày
Trầm Vân

LỜI CHỨC ĐẦU NĂM

Trần Quốc Bảo (Richmond, Virginia)



Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời ban cho
Tết về chúc các Bé Thơ
Trọn niềm hạnh phúc ước mơ gia đình
Miệng cười em bé thật xinh
Ngoan ăn, chóng lớn, thông minh rạng ngời

Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời ban riêng
Chúc mừng nam nữ Thiếu Niên
Trọn niềm vui tuổi thần tiên ngọc ngà
Vươn lên như những cánh hoa
Là nguồn hy vọng chan hòa tương lai

Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời thiêng liêng
Xuân về, chúc bạn Tráng Niên
Niềm mơ lý tưởng trung kiên đạt thành
Thỏa lòng thẳng tiến tài danh
Thanh niên gốc Việt, tiếng lành khắp nơi

Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời cho ta
Tân Niên, kính chúc Bạn Già
Dồi dào sức khỏe, mặn mà Thơ Vãn
Tình đời rữ kết bản khoả
Chuyện đời buông bỏ, vui thanh thỏa đời!
Mỗi Năm, thêm một tuổi đời
Thời gian là lượng của Trời ban ra
Hướng về Đất Tổ Quê Cha
Nguyện cầu lịch sử Nước nhà sang trang
Việt Nam sạch bóng sài lang
Toàn dân hạnh phúc, xóm làng yên vui.

Mùa Xuân ở đâu

Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh anh mến lá sân trường
(Tuổi 13-Nguyên)

Em chờ mùa Xuân anh tới đâu
Cho anh ngỡ ngác nỗi u sầu
Xuân về một góc trời hiu quạnh
Gác nhỏ mình anh bạc mái đầu

Em chờ mùa Xuân anh nở hoa
Hương thơm lan tỏa khắp muôn nhà
Riêng anh chẳng có hoa nào cả
Chi thoảng ngậm ngùi trong xót xa

Em chờ mùa Xuân anh nhớ thương
Tình xưa bằng bạc khúc nghệ thường
Anh đi trong gió chiều se lạnh
Tết đến sao lòng thấy vấn vương

Em chờ mùa Xuân anh ước mơ
Trăm năm đành lỡ mối duyên hò
Tình yêu không đẹp như mơ ước
Đành gởi điệu buồn lên ý thơ

Em chờ mùa Xuân anh gió đưa
Nhà ai pháo nổ đón giao thừa
Làm anh cứ tưởng em ngày cưới
Hết chuyện hẹn hò mộng sớm trưa

Em chờ mùa Xuân anh chất chiu
Đong đưa khói tỏa rán mây chiều
Dòng sông hồ hững trôi hoang vắng
Học mãi mà chưa thuộc chữ yêu

Em chờ mùa Xuân anh ngắt ngậy
Anh gom thơ kết mộng đong đầy
Mưa mờ trắng một phương trời đỏ
Dòng nước buồn trời đục sắc mây

Em chờ mùa Xuân anh giá băng
Ngẩn ngơ anh lạc bước cung Hằng
Tình ra mới biết là mơ ước
Muôn kiếp chờ mong chuyện gởi chăn./.

Nguyễn Trần (Toronto chiều cuối năm Kỷ Hợi 2019)

CHÚC MỪNG MỸ THO XUÂN CANH TÝ 2020



CHÚC xuân Canh Tý an khang
MỪNG xuân hạnh phúc mai vàng trở bông
HỘI hè ngày một thêm đông
ÁI từng kỷ niệm đóa hồng thắm trao
HỮU duyên ly rượu ngọt ngào
MỸ chân nâng cốc đón sao trên trời
THO thơm giọt nắng hồng rơi
ÂU CHÂU TÌNH NGHĨA SÁNG NGỜI TRƯỜNG XƯA

Trâm Vân



Sinh hoạt Lê Ngọc Hân & Nguyễn Đình Chiểu MỹTho - Âu Châu

Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Lê Ngọc Hân & Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho Âu Châu 2018-2020

Được sự ủy thác của quý Thầy Cô, quý Niên trưởng, quý anh chị em trong phiên họp ngày Thứ Bảy 01/9/2018 tại nhà hàng D&J Quận 13 PARIS, chúng tôi xin thông báo thành phần Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Nguyễn Đình Chiểu-Lê Ngọc Hân & MỹTho Âu Châu nhiệm kỳ 2018-2020 như sau:

Hội trưởng: PHẠM THỊ PHIA tự Claudine TRẦN

Trưởng Ban Biên Tập: Trịnh Cơ NGUYỄN GIA NAM.

Thủ Quỹ: SOUPPAYA JEAN (Tài), chịu trách nhiệm về tài chánh, in ấn và kỹ thuật vi t ính.

Ban Cố Vấn:

Gồm quý Thầy Cô, quý Niên trưởng và quý vị Cựu Hội trưởng.

Ban Chấp Hành, mong sẽ nhận được sự yểm trợ, diu dắt của tất cả Thầy Cô, Niên trưởng, anh chị em đồng môn và đồng hương Mỹ Tho để chúng tôi có thêm niềm vui và nghị lực làm việc cho Hội nhà.

Chân thành cảm ơn.

Thay mặt Ban Chấp Hành,
Phạm Thị Phia n ế Claudine TRẦN

Paris 01 tháng 12 năm 2019

K ề quả tài ch ảnh ni ên kho á 2018 - 2019

BANQUE POPULAIRE VAL DE FRANCE		CAISSE	
Còn lại 2018	1705,90€	Còn lại 2018	26,00€
Thu:	375,00	Thu	160,00€
Chi:	522,54	Chi	86,00€
 Còn lại 2019	 1558€36€	 Còn lại 2019	 74,00€
 Tổng số	 1 558 €36	 Tổng số	 74,00€

